SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: KQ2400569074_2504150719

Gia Lai, ngày 15 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc generic, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025- 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025- 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai giao nhiệm vụ mua thuốc tập trung cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025- 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-BV ngày 20/12/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: gói thầu thuốc generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua

sắm thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Báo cáo số 03/ BC- TCG ngày 19/3/2025 của Tổ Chuyên gia LCNT cung cấp thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Báo cáo đánh giá E-HSDT – Đợt 1 Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2026;

Căn cứ Báo cáo số 05/ BC- TTĐ ngày 10/4/2025 của Tổ Thẩm định LCNT cung cấp thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Báo cáo thẩm định E-HSDT – Đợt 1 Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2026;

Xem xét đề nghị của *Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 04/TTr- TCG ngày 31/3/2025,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: *Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc generic;* thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2400569074
- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc generic
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 1.140.739.966.372 VND
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 Tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Phần/ lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)

					(nếu có) (VND)						
1	Acetyl leucin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	218.400.000	218.400.000			218.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 03/03/2026
2	Aciclovir	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	619.520.000	619.520.000			619.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 23/8/2029
3	Aciclovir	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	873.600.000	873.600.000			873.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 23/8/

									ngày 31/12/2026		2029
4	Acid amin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	3600510960	610.050.000	610.050.000			610.050.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 30/5/2028
5	Acid amin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	2.759.447.250	2.759.447.250			2.759.447.250	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/02/2025
6	Acid amin + điện giải	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	699.840.000	699.840.000			699.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/02

									ngày 31/12/2026		/2025
7	Acid amin + glucose + điện giải	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	509.884.200	509.884.200			509.884.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/10/2024
8	Acid amin + glucose + lipid + điện giải	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	470.400.000	470.400.000			470.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/02/2025
9	Albumin	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	7.994.590.000	7.994.590.000			7.994.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/03

									ngày 31/12/2026		/2025
10	Ambroxol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	0305483312	3.144.484.880	3.144.484.880			3.144.484.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
11	Amiodaron hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	84.851.200	84.851.200			84.851.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/09/2025
12	Amlodipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	587.392.000	587.392.000			587.392.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12

									ngày 31/12/2026		/2024
13	Amlodipin + atorvastatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	0311194365	3.261.688.000	3.261.688.000			3.261.688.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/12/2025
14	Amlodipin + indapamid	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.110.904.120	1.110.904.120			1.110.904.120	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/10/2025
15	Amlodipin + indapamid + perindopril	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.538.206.320	1.538.206.320			1.538.206.320	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 26/05

									ngày 31/12/2026		/2026
16	Amlodipin + lisinopril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	1.011.380.000	1.011.380.000			1.011.380.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/4/2025
17	Amlodipin + valsartan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	3.794.560.000	3.794.560.000			3.794.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/4/2025
18	Amoxicilin	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHẤT HUY	1801612912	2.104.200.000	2.104.200.000			2.104.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/5/

									ngày 31/12/2026		2025
19	Amoxicilin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	0303418205	1.149.588.000	1.149.588.000			1.149.588.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/05/2026
20	Ampicilin + sulbactam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	2.641.037.700	2.641.037.700			2.641.037.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 18/05/2026
21	Atosiban	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	0101261544	85.920.000	85.920.000			85.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 03/12

									ngày 31/12/2026		/2024
22	Atracurium besylat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	0302975997	124.108.000	124.108.000			124.108.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 21/03/2027, CSXX: 28/02/2025
23	Azithromycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	903.546.520	903.546.520			903.546.520	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/02/2025
24	Betahistin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG	0302597576	1.997.270.000	1.997.270.000			1.997.270.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-

		ƯƠNG 2							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	GMP, PIC/s-GMP: 16/9/2025
25	Bicalutamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	0102041728	86.400.000	86.400.000			86.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/04/2026
26	Bisoprolol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	78.872.040	78.872.040			78.872.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX bán thành phẩm: 29/9/2026; CSĐG & XX: 01/3/2027

27	Bisoprolol + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	349.824.000	349.824.000			349.824.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 24/3/2028
28	Brimonidin tartrat + timolol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	40.373.080	40.373.080			40.373.080	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/06/2025
29	Brinzolamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	34.076.400	34.076.400			34.076.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024

30	Budesonid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	802.471.320	802.471.320			802.471.320	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/12/2025
31	Budesonid + formoterol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	4.487.560.000	4.487.560.000			4.487.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 03/02/2025
32	Budesonid + formoterol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	1.515.480.000	1.515.480.000			1.515.480.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/12/2025

33	Bupivacain hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	463.424.000	463.424.000			463.424.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 26/10/2025
34	Bupivacain hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	106.812.000	106.812.000			106.812.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 31/12/2024; CSXX: 29/4/2025
35	Candesartan	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM	0401401489	596.736.000	596.736.000			596.736.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-

		TOÀN PHÁT							đến hết ngày 31/12/2026	2026	GMP: 26/01/2025
36	Candesartan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	0305483312	4.345.688.000	4.345.688.000			4.345.688.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/5/2025
37	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	534.583.600	534.583.600			534.583.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/7/2025
38	Carbetocin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	1.271.844.000	1.271.844.000			1.271.844.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-

									đến hết ngày 31/12/2026	2026	GMP: CSSX: 31/12/2024; CSĐG: 19/10/2026
39	Carbomer	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	0304528578	149.500.000	149.500.000			149.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2022
40	Carvedilol	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	985.250.000	985.250.000			985.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
41	Cefoxitin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM	0310982229	8.497.600.000	8.497.600.000			8.497.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương

		TỰ ĐỨC							hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	lực đến hết ngày 31/12/2026	đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
42	Cefoxitin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	14.521.500.000	14.521.500.000			14.521.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/5/2029
43	Cefuroxim	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	2.902.320.000	2.902.320.000			2.902.320.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/05/2025
44	Cetirizin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-	6000449389	756.000.000	756.000.000			756.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương

		VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK							hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	lực đến hết ngày 31/12/2026	đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/05/2025
45	Choline alfoscerat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	498.960.000	498.960.000			498.960.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/6/2026
46	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	315.907.200	315.907.200			315.907.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/10/2026
47	Ciprofloxacin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI	0310823236	834.600.000	834.600.000			834.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương

		DƯỢC PHẨM KHANG HUY							hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	lực đến hết ngày 31/12/2026	đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/4/2026
48	Clarithromycin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	0401401489	890.100.000	890.100.000			890.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
49	Codein camphosulphonat + sulfogaiacol + cao mềm grindelia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	446.977.800	446.977.800			446.977.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
50	Colchicin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC	0302375710	583.200.000	583.200.000			583.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương

		PHẨM VIỆT HÀ							hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	lực đến hết ngày 31/12/2026	đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/01/2024
51	Cyclophosphamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	47.962.800	47.962.800			47.962.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 10/11/2025
52	Dapagliflozin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	1.900.000.000	1.900.000.000			1.900.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 31/12/2024; CSĐG: 25/4/2026
53	Deslor	CÔNG	6000449389	970.0	970.00			970.0	Trong	Kể từ	Ngày

	atadin	TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK		02.000	2.000			02.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/11/2025
54	Desmopressin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	0101261544	125.664.000	125.664.000			125.664.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/03/2026
55	Diazepam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	161.506.800	161.506.800			161.506.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/04/2025
56	Diclof	CÔNG	0305679347	576.1	576.18			576.1	Trong	Kể từ	Ngày

	enac	TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM		80.000	0.000			80.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 14/7/2026
57	Digoxin	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	0314744987	13.352.500	13.352.500			13.352.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/6/2025
58	Diosmectit	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	458.786.020	458.786.020			458.786.020	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/07/2025

59	Diosmin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN GIA	0301445281	193.574.400	193.574.400			193.574.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
60	Diosmin + hesperidin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.590.349.800	1.590.349.800			1.590.349.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/10/2025
61	Diosmin + hesperidin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI	0106997793	435.520.000	435.520.000			435.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024

62	Docetaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	150.667.200	150.667.200			150.667.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
63	Docetaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	160.425.360	160.425.360			160.425.360	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
64	Dopamin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	0314744987	354.240.000	354.240.000			354.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 04/3/2025

65	Doxorubicin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	138.518.400	138.518.400			138.518.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
66	Doxorubicin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	456.768.000	456.768.000			456.768.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
67	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG	0101088272	84.000.000	84.000.000			84.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/11/2026

	có chứa lactat)										
68	Dydrogesteron	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	172.427.200	172.427.200			172.427.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/4/2025
69	Ebastin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	1.948.320.000	1.948.320.000			1.948.320.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/12/2025
70	Empagliflozin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	424.528.000	424.528.000			424.528.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/10

									ngày 31/12/2026		/2025
71	Enalapril + hydrochlorothiazid	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	0303418205	2.690.004.000	2.690.004.000			2.690.004.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
72	Enoxaparin (natri)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	603.250.000	603.250.000			603.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/06/2026
73	Enoxaparin (natri)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	128.800.000	128.800.000			128.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/06

									ngày 31/12/2026		/2026
74	Ephedrin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	455.647.500	455.647.500			455.647.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/04/2025
75	Ephedrin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	203.931.000	203.931.000			203.931.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 30/06/2025
76	Esomeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	844.345.600	844.345.600			844.345.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX

									ngày 31/12/2026		: 26/01/2027; CSĐG: 12/7/2026
77	Etomidat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	359.280.000	359.280.000			359.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/08/2025
78	Etoricoxib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	5.657.310.000	5.657.310.000			5.657.310.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/03/2027
79	Etoricoxib	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALU	0315711984	2.170.771.200	2.170.771.200			2.170.771.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-

		D							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
80	Fenofibrat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	755.160.000	755.160.000			755.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/8/2026
81	Fenoterol + ipratropium	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	1.678.384.932	1.678.384.932			1.678.384.932	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/10/2025
82	Fluconazol	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	0313299130	112.000.000	112.000.000			112.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	GMP, PIC/s-GMP: 20/7/2026
83	Fluconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI	0106997793	181.300.000	181.300.000			181.300.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/04/2026
84	Fosfomycin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ	0302128158	228.000.000	228.000.000			228.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 03/8/2026; CSĐG: 31/12/2024
85	Gabapentin	CÔNG TY CỔ PHẦN	0303459402	380.000.000	380.000.000			380.000.000	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/04/2025
86	Gadobutrol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	131.040.000	131.040.000			131.040.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/8/2024
87	Gadoteric acid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	423.280.000	423.280.000			423.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/9/2026
88	Gemcitabin	CÔNG TY CỔ PHẦN	0302597576	213.120.000	213.120.000			213.120.000	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
89	Ginkgo biloba	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	0310823236	435.200.000	435.200.000			435.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 12/9/2026
90	Gliclazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	5.867.001.000	5.867.001.000			5.867.001.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
91	Gliclazid	CÔNG TY TRÁCH	3900324838	636.000.000	636.000.000			636.000.000	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HÙNG THỊNH							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX bán thành phẩm: 31/12/2024; CSXX: 20/01/2026
92	Glimepirid	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	0313299130	243.974.700	243.974.700			243.974.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/7/2026
93	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	25.034.400	25.034.400			25.034.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP:

									hết ngày 31/12 /2026		28/9/ 2024
94	Heparin (natri)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	7.481 .105. 600	7.481.1 05.600			7.481 .105. 600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/ s-GMP: 31/12 /2024
95	Hyoscin butylbromid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	151.4 01.60 0	151.40 1.600			151.4 01.60 0	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/ s-GMP: 25/08 /2026
96	Ibuprofen	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY THỊNH	0302848371	213.0 00.00 0	213.00 0.000			213.0 00.00 0	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/ s-GMP:

									hết ngày 31/12 /2026		31/12 /2024
97	Indapamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ	0301171961	131.906.000	131.906.000			131.906.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/ s-GMP: 27/10 /2025
98	Indomethacin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	0304528578	55.760.000	55.760 .000			55.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/ s-GMP: 06/05 /2025
99	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludd	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	1.051 .646. 720	1.051.6 46.720			1.051 .646. 720	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/ s-GMP:

	ec)								hết ngày 31/12/2026		CSSX: 28/04/2025; CS lắp ráp, dán nhãn và đóng gói thứ cấp: 01/12/2026
100	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	1.936.000.000	1.936.000.000			1.936.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 25/03/2025
101	Insulin analog trộn, hỗn hợp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	8.152.655.280	8.152.655.280			8.152.655.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024

102	Insulin analog trộn, hỗn hợp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	1.348.896.720	1.348.896.720			1.348.896.720	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 28/04/2025; CSĐG thứ cấp: 01/12/2026
103	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	0600206147	445.120.000	445.120.000			445.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/3/2026
104	Insulin người trộn, hỗn hợp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ	0400101404	5.960.772.000	5.960.772.000			5.960.772.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

		NẴNG							lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 29/09/2026
105	Insulin người trộn, hỗn hợp	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC HOÀNG LONG	3600887276	4.564.730.000	4.564.730.000			4.564.730.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 12/05/2026
106	Insulin người trộn, hỗn hợp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	0600206147	2.961.504.000	2.961.504.000			2.961.504.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/3/2026
107	Iohexol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	1.941.228.800	1.941.228.800			1.941.228.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

									lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 05/11/2024
108	Irbesartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KIÊN ĐAN	0316948792	18.240.000	18.240.000			18.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/12/2025
109	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HAI MƯƠI THÁNG MƯỜI	0317518707	101.972.000	101.972.000			101.972.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/10/2024
110	Itoprid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON	6100100009	143.005.500	143.005.500			143.005.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

		TUM							lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 09/02/2027
111	Ivabradin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	368.784.000	368.784.000			368.784.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
112	Ivabradin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	54.990.000	54.990.000			54.990.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/12/2025
113	Kali clorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ	0400101404	48.950.000	48.950.000			48.950.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

		NẴNG							lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 30/06/2025
114	Kali clorid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	161.542.500	161.542.500			161.542.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/01/2026
115	Ketoprofen	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	402.152.310	402.152.310			402.152.310	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
116	Ketorolac	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	1.904.000.000	1.904.000.000			1.904.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

									lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 18/4/2026
117	Lacidipin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	2.229.120.000	2.229.120.000			2.229.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 16/9/2025
118	Lansoprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	0305483312	13.192.650.000	13.192.650.000			13.192.650.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
119	Lansoprazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYÊN ĐỨC	0400533877	516.165.600	516.165.600			516.165.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

									lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 19/4/2026
120	Lercanidipin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	2.213.424.000	2.213.424.000			2.213.424.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/01/2025
121	Letrozol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỨ HƯNG	4300843657	35.186.400	35.186.400			35.186.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/10/2025
122	Levetiracetam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM	0313319676	415.611.000	415.611.000			415.611.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

		QUỐC TẾ HƯNG THỊNH							lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 31/12/2024
123	Levocetirizin	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM AN PHÁT	0315469620	1.656.886.000	1.656.886.000			1.656.886.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
124	Levofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN HÀ LAN	0101275554	654.408.000	654.408.000			654.408.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/06/2025
125	Levofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN	0101275554	2.950.000.000	2.950.000.000			2.950.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

		HÀ LAN							lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 17/06/2025
126	Levomepromazin	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyên	6000460086	57.960.000	57.960.000			57.960.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/9/2024
127	Levothyroxin (muối natri)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	83.232.000	83.232.000			83.232.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX bán thành phẩm: 13/10/2026; CSSX: 21/01/2025
128	Lidocain +	CÔNG TY	0302597576	3.207.240	3.207.240			3.207.240	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	prilocain	CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/4/2026
129	Lidocain hydroclodrid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	323.406.000	323.406.000			323.406.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/9/2024
130	Linezolid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	366.000.000	366.000.000			366.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/10/2026
131	Lisinopril +	CÔNG TY	0315579158	338.400.00	338.400.000			338.400.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	hydrochlorothiazid	TNHH DƯỢC PHẨM MKT		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/4/2027
132	Loratadin	CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KIÊN ĐAN	0316948792	123.900.000	123.900.000			123.900.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/12/2025
133	Lovastatin	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	2.091.600.000	2.091.600.000			2.091.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/11/2026
134	Lynestrenol	CÔNG TY	0400101404	24.213.600	24.213.600			24.213.600	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/09/2025
135	Metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	113.680.000	113.680.000			113.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/9/2026
136	Methyl ergometrin maleat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	351.230.000	351.230.000			351.230.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
137	Methyl	CÔNG TY	0400101404	152.548.00	152.548.000			152.548.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	predni solon	CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/10/2026
138	Methyl predni solon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	999.372.000	999.372.000			999.372.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
139	Methyldopa	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	239.520.000	239.520.000			239.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/9/2024
140	Metoprolol	CÔNG TY	0302597576	488.610.00	488.610.000			488.610.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 26/01/2027; CSĐG &XX: 12/7/2026
141	Metoprolol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	494.201.400	494.201.400			494.201.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 26/01/2027; CSĐG &XX: 12/7/2026
142	Metronidazol	CÔNG TY CỔ PHẦN	0400101404	485.500.800	485.500.800			485.500.800	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/10/2026
143	Metronidazol + neomycin + nystatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	500.860.800	500.860.800			500.860.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
144	Midazolam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	896.017.800	896.017.800			896.017.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/08/2025
145	Midazolam	CÔNG TY TNHH BÌNH	0303114528	159.300.000	159.300.000			159.300.000	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		VIỆT ĐỨC							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/09/2025
146	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	47.184.000	47.184.000			47.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
147	Moxifloxacin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	1.154.244.000	1.154.244.000			1.154.244.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 31/12/2024; CSXX: 31/12

											/2024
148	N-acetylcystein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	761.390.040	761.390.040			761.390.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 31/12/2024; CSXX: 18/11/2025
149	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	116.280.000	116.280.000			116.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/02/2025
150	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	0314744987	17.496.000	17.496.000			17.496.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

									lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 04/3/2025
151	Natrimontelukast	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGA MED	0316417470	217.200.000	217.200.000			217.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/09/2024
152	Natrimontelukast	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	308.000.000	308.000.000			308.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
153	Nebivolol	CÔNG TY TNHH UNITED PHARMA	6001509993	294.957.600	294.957.600			294.957.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

									lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 01/10/2025
154	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	417.120.000	417.120.000			417.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/4/2026
155	Nhũ dịch lipid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	982.590.000	982.590.000			982.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2025
156	Nicardipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ	0400101404	869.250.000	869.250.000			869.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/

		NẴNG							lực đến hết ngày 31/12/2026	31/12/2026	s-GMP: 29/04/2025
157	Nifedipin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	0102041728	414.845.000	414.845.000			414.845.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 28/9/2024
158	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM A&B	0314588311	183.018.000	183.018.000			183.018.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 21/03/2027, CSXX: 28/02/2025
159	Nor-epinephrin (Nor-adrena	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC	0400101404	471.240.500	471.240.500			471.240.500	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

	lin)	- THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/04/2025
160	Octreotid	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	0312000164	1.491.360.000	1.491.360.000			1.491.360.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 24/02/2026
161	Ofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FAMED	0107960796	412.620.000	412.620.000			412.620.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/04/2025
162	Ofloxacin	CÔNG TY TNHH DƯỢC	0102041728	5.134.500.000	5.134.500.000			5.134.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

		PHẨM U.N.I VIỆT NAM							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 14/3/2026
163	Olopatadin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	218.935.330	218.935.330			218.935.330	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
164	Omeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	3.463.020.540	3.463.020.540			3.463.020.540	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
165	Oxacilin	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU	0303218830	1.515.000.000	1.515.000.000			1.515.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

		TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/10/2025
166	Oxaliplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	179.374.560	179.374.560			179.374.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
167	Oxaliplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	289.089.600	289.089.600			289.089.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/5/2025
168	Oxytocin	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT	0302366480	268.400.000	268.400.000			268.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

		NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
169	Paclitaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI	0102183916	529.200.000	529.200.000			529.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 16/03/2026
170	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV	0312124321	2.088.060.000	2.088.060.000			2.088.060.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
171	Paracetamol + codein phosph	CÔNG TY TNHH THƯƠNG	0401401489	1.314.099.600	1.314.099.600			1.314.099.600	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

	at	MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/6/2024
172	Perindopril	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	2.508.670.320	2.508.670.320			2.508.670.320	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/10/2025
173	Perindopril + amlodipin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	2.246.920.000	2.246.920.000			2.246.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 26/05/2026
174	Perindopril + amlodipin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONS	0309829522	1.779.820.680	1.779.820.680			1.779.820.680	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

		A							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 26/05/2026
175	Perindopril + indapamid	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	2.314.910.000	2.314.910.000			2.314.910.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/10/2025
176	Phenylephrin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	523.983.000	523.983.000			523.983.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/12/2025
177	Piperacilin + tazobactam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC	0302597576	169.400.000	169.400.000			169.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ	Kể từ ngày hợp đồng có	Ngày hết hạn EU-GMP,

		LIỆU TRUNG ƯƠNG 2							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 07/7/2025; CSTG: 03/02/2026
178	Piroxicam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	0305483312	3.937.636.500	3.937.636.500			3.937.636.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
179	Polyethylen glycol + propylen glycol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	1.437.592.000	1.437.592.000			1.437.592.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
180	Pramip	CÔNG	0400101404	70.10	70.106			70.10	Trong	Kể từ	Ngày

	exol	TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		6.400	.400			6.400	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/10/2025
181	Prednisolon acetat (natri phosphate)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	70.812.400	70.812.400			70.812.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/04/2026
182	Progesteron	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	50.375.000	50.375.000			50.375.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
183	Proges	CÔNG	0102159060	151.2	151.20			151.2	Trong	Kể từ	Ngày

	teron	TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN LAM		00.000	0.000			00.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
184	Promethazin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	40.050.000	40.050.000			40.050.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/12/2025
185	Propofol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	475.749.450	475.749.450			475.749.450	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2025
186	Rabepr	CÔNG	0300523385	4.609	4.609.6			4.609	Trong	Kể từ	Ngày

	azol	TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN		.600.000	00.000			.600.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 16/11/2025
187	Racecadotril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	50.897.600	50.897.600			50.897.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
188	Racecadotril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	130.637.600	130.637.600			130.637.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
189	Repagl	CÔNG	0100108536	1.357	1.357.3			1.357	Trong	Kể từ	Ngày

	inid	TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1		.398.000	98.000			.398.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/10/2026
190	Risperidon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN	0303459402	600.000.000	600.000.000			600.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/01/2025
191	Rituximab	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	208.899.024	208.899.024			208.899.024	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 18/3/2025
192	Ritux	CÔNG	0302597576	499.3	499.38			499.3	Trong	Kể từ	Ngày

	imab	TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2		82.960	2.960			82.960	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/3/2026
193	Rituximab	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	331.215.000	331.215.000			331.215.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 18/3/2025
194	Rivaroxaban	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM	0314294752	232.000.000	232.000.000			232.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP:11/10/2026
195	Rivaro	CÔNG	0314294752	336.0	336.00			336.0	Trong	Kể từ	Ngày

	xaban	TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM		00.000	0.000			00.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP:11/10/2026
196	Rupatadine	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	0304528578	374.400.000	374.400.000			374.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
197	Salbutamol sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	830.942.000	830.942.000			830.942.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/04/2025
198	Salmet	CÔNG	0302597576	2.095	2.095.4			2.095	Trong	Kể từ	Ngày

	erol + fluticason propionat	TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2		.454.720	54.720			.454.720	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/6/2025
199	Sắt protein succinylat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	48.100.000	48.100.000			48.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
200	Sắt sulfat + acid folic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	74.074.000	74.074.000			74.074.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
201	Sevofl	CÔNG	0300483319	5.883	5.883.9			5.883	Trong	Kể từ	Ngày

	uran	TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA		.950.100	50.100			.950.100	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP:15/11/2024
202	Silymarin	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	0102897124	2.559.936.000	2.559.936.000			2.559.936.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 18/02/2025
203	Silymarin	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM	0303646106	928.569.600	928.569.600			928.569.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/10/2025
204	Sofosb	CÔNG	0302597576	64.26	64.260			64.26	Trong	Kể từ	Ngày

	uvir + velpatasvir	TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2		0.000	.000			0.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 19/3/2025; CSĐG thứ cấp & XX: 08/9/2026
205	Sorafenib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	1.161.578.880	1.161.578.880			1.161.578.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 03/02/2026
206	Spiramycin + metronidazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	0300483319	1.216.452.000	1.216.452.000			1.216.452.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-

		CODUPHA							đến hết ngày 31/12/2026	2026	GMP: 20/05/2025
207	Sulpirid	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM NAM TIẾN	0305468434	1.340.776.800	1.340.776.800			1.340.776.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
208	Surfactant (Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn hoặc phổi bò; hoặc chất diện hoạt chiết xuất từ phổi bò (Bovine lung surfactant))	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	2.686.080.000	2.686.080.000			2.686.080.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/09/2026
209	Tamsulosin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN	0100109699	585.600.000	585.600.000			585.600.000	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/04/2026
210	Teicoplanin	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	727.680.000	727.680.000			727.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/05/2026
211	Telmisartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	6.803.571.000	6.803.571.000			6.803.571.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/4/2026
212	Tenoxicam	CÔNG TY TNHH THƯƠ	0310823236	2.365.040.000	2.365.040.000			2.365.040.000	Trong vòng 24 tháng	Kể từ ngày hợp đồng	Ngày hết hạn EU-

		NG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY							kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 26/01/2025
213	Tenoxicam	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	0314744987	3.352.320.000	3.352.320.000			3.352.320.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/6/2025
214	Terlipressin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	119.179.200	119.179.200			119.179.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 31/12/2024; CSĐG&XX:

											19/10/2026
215	Thiamazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	89.600.000	89.600.000			89.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX thành phẩm: 13/5/2025; CSĐG & XX: 30/4/2025
216	Ticagrelor	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	988.000.000	988.000.000			988.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP:11/10/2026
217	Timolol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT	6000449389	17.702.900	17.702.900			17.702.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương

		TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK							đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	đến hết ngày 31/12/2026	EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/04/2026
218	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	170.766.000	170.766.000			170.766.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
219	Tobramycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	253.260.000	253.260.000			253.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/04/2026
220	Tobramycin + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT	0400101404	99.370.000	99.370.000			99.370.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương

		BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG							đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	đến hết ngày 31/12/2026	EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/09/2026
221	Trimetazidin	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	0102897124	1.889.280.400	1.889.280.400			1.889.280.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/10/2026
222	Trimetazidin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	2.775.330.000	2.775.330.000			2.775.330.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: CSSX: 26/02/2024; CSĐG: 27/01/2025
223	Tropicamide	CÔNG TY	0400101404	22.950.000	22.950.000			22.950.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	+ phenylephrine hydroclorid	CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/07/2026
224	Tyrothricin + benzocain + benzalkonium	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	0304528578	241.920.000	241.920.000			241.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 16/12/2024
225	Ursodeoxycholic acid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	438.948.000	438.948.000			438.948.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2027
226	Valsartan	CÔNG TY	0315711984	26.640.000	26.640.000			26.640.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TNHH DƯỢC PHẨM SALUD							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 23/6/2026
227	Vancomycin	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC AN MÔN	0315680172	175.486.500	175.486.500			175.486.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
228	Verapamil hydroclorid	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM	0314294752	96.000.000	96.000.000			96.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
229	Vinpocetin	CÔNG TY	2500268633	851.067.00	851.067.000			851.067.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIỆN		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
230	Vitamin B1 + B6 + B12	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	0102897124	1.438.654.600	1.438.654.600			1.438.654.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 23/5/2026
231	Acenocoumarol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	205.800.000	205.800.000			205.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/04/2027
232	Acenocouma	CÔNG TY	0301140748	37.800.000	37.800.000			37.800.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	rol	TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/04/2027
233	Acetyl leucin	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	2.244.572.000	2.244.572.000			2.244.572.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
234	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	84.147.000	84.147.000			84.147.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
235	Aciclovir	CÔNG TY	6001509993	273.240.00	273.240.000			273.240.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TNHH UNITED PHARMA		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/5/2025
236	Acid amin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	20.160.000	20.160.000			20.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/10/2025
237	Acid amin + glucose + lipid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	1.719.900.000	1.719.900.000			1.719.900.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 16/12/2024
238	Albendazol	CÔNG TY	0303923529	16.308.000	16.308.000			16.308.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
239	Alfuzosin	CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG DANH	0305376624	1.592.352.300	1.592.352.300			1.592.352.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/10/2026
240	Alpha chymotrypsin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	907.440.000	907.440.000			907.440.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
241	Alverin citrat	CÔNG TY	0100109699	766.000.00	766.000.000			766.000.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	+ simeticon	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 15/04/2025
242	Ambroxol	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH	0101509266	126.750.000	126.750.000			126.750.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
243	Ambroxol	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	0309988480	4.013.532.180	4.013.532.180			4.013.532.180	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/02/2026
244	Amitriptylin	CÔNG TY	0400102091	84.980.000	84.980.000			84.980.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	hydroclorid	CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/7/2025
245	Amitriptylin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	258.000.000	258.000.000			258.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/7/2025
246	Amlodipin + atorvastatin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HAI MƯƠI THÁNG MƯỜI	0317518707	1.210.280.000	1.210.280.000			1.210.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP:11/12/2026
247	Amlodipin +	CÔNG TY	0301140748	407.212.80	407.212.800			407.212.80	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	telmisartan	TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/05/2025
248	Amlodipin + telmisartan	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARMA	0401906955	117.800.000	117.800.000			117.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/4/2025
249	Amoxicilin + Acid clavulanic	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEX PHARM	1400384433	7.593.952.800	7.593.952.800			7.593.952.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/05/2026
250	Amoxicilin +	CÔNG TY	1900336438	3.978.388.	3.978.388.400			3.978.388.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	acid clavulanic	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI		400				400	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/5/2026
251	Apixaban	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	85.168.800	85.168.800			85.168.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/05/2025
252	Apixaban	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	73.800.000	73.800.000			73.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 24/11/2026
253	Atorvastatin +	CÔNG TY	0304709937	1.356.544.	1.356.544.000			1.356.544.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	ezetimibe	TNHH DƯỢC PHẨM VÀ MỸ PHẨM MỸ TRUNG		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/4/2027
254	Betahistin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	3.490.814.880	3.490.814.880			3.490.814.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
255	Betamethason	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHÂN TRUNG	0312213243	461.250.000	461.250.000			461.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/10/2025
256	Bisoprolol +	CÔNG TY	1100112319	126.148.00	126.148.000			126.148.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	hydrochlorothiazid	CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
257	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG PHÚC AN	0316277551	264.000.000	264.000.000			264.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
258	Bupivacain hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	446.355.000	446.355.000			446.355.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/07/2025
259	Calci carbon	CÔNG TY	0309829522	1.431.500.	1.431.500.000			1.431.500.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	at + calci glucon olactat	CỔ PHẦN GONSA		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
260	Calci glucon at	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ	0302128158	271.215.000	271.215.000			271.215.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
261	Calci lactat	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.004.220.000	1.004.220.000			1.004.220.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 14/04/2027
262	Candesartan	CÔNG TY	0315711984	357.240.00	357.240.000			357.240.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TNHH DƯỢC PHẨM SALUD		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
263	Carboplatin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH	0101135959	697.200.000	697.200.000			697.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
264	Cefaclor	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	4400116704	630.409.000	630.409.000			630.409.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
265	Cefaclor	CÔNG TY	1400384433	1.584.844.	1.584.844.800			1.584.844.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CP DƯỢC PHẨM IMEX PHARM		800				800	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/05/2026
266	Cefamandol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	3.300.000.000	3.300.000.000			3.300.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
267	Cefazolin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HƯNG PHÚC	0316222859	1.406.160.000	1.406.160.000			1.406.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
268	Cefdinir	CÔNG TY	0314022149	2.832.000.	2.832.000.000			2.832.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC TUỆ NAM		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
269	Cefdinir	CÔNG TY CỔ PHẦN TABIPHAR VIỆT NAM	0106639822	5.391.360.000	5.391.360.000			5.391.360.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
270	Cefixim	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEX PHARM	1400384433	1.664.817.840	1.664.817.840			1.664.817.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/05/2026
271	Cefoperazon	CÔNG TY	0303218830	18.997.500	18.997.500.00			18.997.500	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU		.000	0			.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/05/2025
272	Cefoperazon	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	6.227.200.000	6.227.200.000			6.227.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
273	Cefoperazon + sulbactam	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	0303218830	11.482.460.000	11.482.460.000			11.482.460.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
274	Cefoperazon	CÔNG TY	0400101404	3.400.000.	3.400.000.000			3.400.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	+ sulbactam	CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
275	Cefotiam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	3200042637	504.000.000	504.000.000			504.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
276	Cefoxitin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HƯNG PHÚC	0316222859	6.056.400.000	6.056.400.000			6.056.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
277	Cefpirom	CÔNG TY	0101509266	2.703.000.	2.703.000.000			2.703.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
278	Cefpirom	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH	0101509266	8.913.861.600	8.913.861.600			8.913.861.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
279	Cefpodoxim	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	0309988480	1.617.924.000	1.617.924.000			1.617.924.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 18/11/2024
280	Cefpodoxim	CÔNG TY	0314022149	551.800.00	551.800.000			551.800.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC TUỆ NAM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
281	Cefpodoxim	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	1900336438	2.611.260.000	2.611.260.000			2.611.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
282	Ceftizoxim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	13.705.540.200	13.705.540.200			13.705.540.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
283	Ceftizoxim	CÔNG TY	3300101406	11.655.756	11.655.756.00			11.655.756	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC MEDI PHAR CO		.000	0			.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
284	Ceftizoxim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYÊN ĐỨC	0400533877	495.000.000	495.000.000			495.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
285	Ceftriaxon	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ	0104628198	339.300.000	339.300.000			339.300.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
286	Ceftriaxon	CÔNG TY	0104628198	1.260.396.	1.260.396.000			1.260.396.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN AFP GIA VŨ		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
287	Clindamycin	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	473.040.000	473.040.000			473.040.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/09/2025
288	Clindamycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	66.000.000	66.000.000			66.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
289	Clorpromazi	CÔNG TY	0400102091	7.140.000	7.140.000			7.140.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	n	CỔ PHẦN DƯỢC DANA PHA							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/7/2025
290	Cloxacilin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYÊN ĐỨC	0400533877	408.000.000	408.000.000			408.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/5/2026
291	Deferipron	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	224.000.000	224.000.000			224.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
292	Desloratadin	Công ty Cổ	0312147840	4.049.925.	4.049.925.436			4.049.925.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN		436				436	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/8/2025
293	Diclofenac	CÔNG TY TNHH HAVI PHARM ÂU CHÂU	0402065575	1.209.476.000	1.209.476.000			1.209.476.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 21/3/2027
294	Diosmin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	571.174.200	571.174.200			571.174.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 14/04/2027
295	Docetaxel	CÔNG TY	0106785340	450.432.00	450.432.000			450.432.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN VILOGI		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
296	Docetaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN VILOGI	0106785340	308.916.960	308.916.960			308.916.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
297	Enalapril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	108.858.400	108.858.400			108.858.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 29/11/2025
298	Enalapril +	CÔNG TY	0302128158	2.833.110.	2.833.110.000			2.833.110.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	hydrochlorothiazid	TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
299	Enalapril + hydrochlorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL	1801675824	3.456.145.000	3.456.145.000			3.456.145.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
300	Ezetimibe	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.673.100.000	1.673.100.000			1.673.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 14/04/2027
301	Famotidin	CÔNG TY	3200042637	1.014.026.	1.014.026.000			1.014.026.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 24/3/2025
302	Fluvastatin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH	0101509266	3.755.700.000	3.755.700.000			3.755.700.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
303	Furosemid	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	0310823236	52.080.000	52.080.000			52.080.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 17/11/2026
304	Ginkgo biloba	CÔNG TY	0100109699	520.520.00	520.520.000			520.520.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 15/04/2025
305	Glipizid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	3200042637	88.350.000	88.350.000			88.350.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
306	Glucosamin	CÔNG TY TNHH M & N HỢP NHẤT	0312507211	1.400.000.000	1.400.000.000			1.400.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/04/2027
307	Glucose khan	CÔNG TY	0102885697	896.070.00	896.070.000			896.070.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	+ Natri clorid + Natri citrat + Kali clorid	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/04/2025
308	Heparin (natri)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYÊN ĐỨC	0400533877	941.850.000	941.850.000			941.850.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/02/2027
309	Imidapril	Công ty TNHH Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y Tế Đại Trường Sơn	0311036601	1.857.600.000	1.857.600.000			1.857.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/4/2027
310	Irbesartan +	CÔNG TY	6100100009	757.200.00	757.200.000			757.200.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	hydroclorothiazid	CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/04/2025
311	Irbesartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	0309988480	868.560.000	868.560.000			868.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
312	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	CÔNG TY TNHH HAVI PHARM ÂU CHÂU	0402065575	1.002.154.620	1.002.154.620			1.002.154.620	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/9/2025
313	Isotretinoin	CÔNG TY	0100109699	24.840.000	24.840.000			24.840.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/10/2026
314	Itoprid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	134.714.000	134.714.000			134.714.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/4/2027
315	Itraconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	439.530.000	439.530.000			439.530.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
316	Levocetirizin	CÔNG TY	0303207412	1.074.000.	1.074.000.000			1.074.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TNHH HỒNG PHÚC BẢO		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 04/08/2025
317	Linezolid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	241.787.040	241.787.040			241.787.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 11/11/2025
318	Lisinopril	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	0309988480	3.330.373.200	3.330.373.200			3.330.373.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
319	Losartan +	CÔNG TY	0313319676	375.700.00	375.700.000			375.700.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	hydrochlorothiazid	TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HƯNG THỊNH		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
320	Meloxicam	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	1.872.940.000	1.872.940.000			1.872.940.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
321	Mesalazin (mesalamin)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	1100112319	1.159.905.000	1.159.905.000			1.159.905.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
322	Metformin	CÔNG TY	0104415182	92.000.000	92.000.000			92.000.000	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
323	Methocarbamol	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	0312147840	3.636.000.000	3.636.000.000			3.636.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
324	Methylprednisolon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	3.717.783.200	3.717.783.200			3.717.783.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
325	Moxifloxacin	CÔNG TY	2200751085	160.597.12	160.597.120			160.597.12	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC THẢO		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 16/4/2026
326	Mupirocin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	11.100.000	11.100.000			11.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 04/08/2025
327	Naproxen	Công ty TNHH Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y Tế Đại Trường Sơn	0311036601	1.122.400.000	1.122.400.000			1.122.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
328	Natri clorid	CÔNG TY	0300483319	2.515.493.	2.515.493.400			2.515.493.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA		400				400	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/04/2028
329	Natri hyaluronat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVINA	0313373602	4.693.500.000	4.693.500.000			4.693.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 26/05/2025
330	Natri montelukast	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	33.880.600	33.880.600			33.880.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/10/2026
331	Nebivolol	CÔNG TY	0308966519	111.384.00	111.384.000			111.384.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/9/2025
332	Oxaliplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	158.644.800	158.644.800			158.644.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 15/3/2025
333	Oxaliplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	124.800.000	124.800.000			124.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 15/3/2025
334	Paclitaxel	CÔNG TY	0309829522	224.640.00	224.640.000			224.640.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN GONSA		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
335	Pamidronat	CÔNG TY CỔ PHẦN VILOGI	0106785340	756.000.000	756.000.000			756.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
336	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	2.886.400.000	2.886.400.000			2.886.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
337	Paracetamol	CÔNG TY	1800156801	184.470.00	184.470.000			184.470.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	(acetaminophen)	CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/4/2027
338	Paracetamol + methocarbamol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG PHÚC AN	0316277551	678.930.000	678.930.000			678.930.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
339	Phenobarbital	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	217.728.000	217.728.000			217.728.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/7/2025
340	Piracetam	CÔNG TY	0400102091	1.486.779.	1.486.779.000			1.486.779.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC DANA PHA		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/7/2025
341	Pravastatin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM - THIẾT BỊ Y TẾ THANH MINH	3301043531	9.876.277.840	9.876.277.840			9.876.277.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 14/10/2026
342	Pravastatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	3200042637	1.047.200.000	1.047.200.000			1.047.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
343	Propofol	CÔNG TY	0302597576	326.500.47	326.500.470			326.500.47	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2025
344	Rabeprazol	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	0303418205	3.782.520.000	3.782.520.000			3.782.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
345	Repaglinid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	175.680.000	175.680.000			175.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 13/05/2024
346	Salbutamol	CÔNG TY	6000706406	348.600.00	348.600.000			348.600.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	+ ipratropium	TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 30/12/2025
347	Salicylic acid + betamethason dipropionat	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHÂN TRUNG	0312213243	1.282.500.000	1.282.500.000			1.282.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 27/10/2025
348	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	267.750.000	267.750.000			267.750.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 22/09/2025
349	Simvastatin	CÔNG TY	0100109191	480.000.00	480.000.000			480.000.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN ARMEPHACO		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 09/02/2026
350	Simvastatin + ezetimibe	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	105.600.000	105.600.000			105.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/10/2026
351	Sitagliptin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	1.176.000.000	1.176.000.000			1.176.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
352	Spiramycin +	CÔNG TY	1800156801	292.383.00	292.383.000			292.383.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	metronidazol	CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 07/4/2027
353	Sulpirid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	29.830.000	29.830.000			29.830.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
354	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	0310982229	6.549.760.000	6.549.760.000			6.549.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 05/05/2026
355	Teicoplanin	CÔNG TY	0101509266	1.680.000.	1.680.000.000			1.680.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/05/2025
356	Telmisartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DƯỢC NAM HÙNG	0315647760	4.771.090.800	4.771.090.800			4.771.090.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 06/4/2025
357	Thiocolchicosid	CÔNG TY CỔ PHẦN GOLDSTAR PHARM	4201563553	840.000.000	840.000.000			840.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/04/2027
358	Ticarcillin +	CÔNG TY	0106639822	3.585.780.	3.585.780.000			3.585.780.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	acid clavulanic	CỔ PHẦN TABIPHAR VIỆT NAM		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 01/05/2026
359	Tranexamic acid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	906.409.500	906.409.500			906.409.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
360	Trihexyphenidyl hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	12.000.000	12.000.000			12.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 08/7/2025
361	Ursodeoxycho	CÔNG TY	0100109699	229.840.00	229.840.000			229.840.00	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

	lic acid	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 20/04/2025
362	Vancomycin	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM AN PHÁT	0315469620	1.110.000.000	1.110.000.000			1.110.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
363	Vildagliptin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	0104415182	1.584.000.000	1.584.000.000			1.584.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
364	Vitamin C	CÔNG TY	0312124321	1.411.111.	1.411.111.800			1.411.111.	Trong vòng	Kể từ ngày	Ngày hết

		CỔ PHẦN SANTAV		800				800	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 31/12/2024
365	Zopiclon	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BIN BO	0310985237	564.000	564.000			564.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP, PIC/s-GMP: 19/4/2027
366	Aciclovir	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	259.120.000	259.120.000			259.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
367	Amoxicilin +	CÔNG TY	0400101404	8.229.540.	8.229.540.200			8.229.540.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	acid clavulanic	CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		200				200	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
368	Amoxicilin + acid clavulanic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	700.822.560	700.822.560			700.822.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
369	Azithromycin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MEPHA	0314126109	156.200.000	156.200.000			156.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
370	Bisoprolol	CÔNG TY	0303923529	19.184.000	19.184.000			19.184.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
371	Cefaclor	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	12.475.160.000	12.475.160.000			12.475.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
372	Cefaclor	CÔNG TY CỔ PHẦN TABIPHAR VIỆT NAM	0106639822	1.748.395.000	1.748.395.000			1.748.395.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
373	Cefaclor	CÔNG TY	0106639822	2.577.420.	2.577.420.000			2.577.420.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN TABI PHAR VIỆT NAM		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
374	Cefaclor	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	2.963.505.600	2.963.505.600			2.963.505.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
375	Cefadroxil	Công ty TNHH Dược & Vật tư y tế Thiên Tâm	6400304980	1.444.170.000	1.444.170.000			1.444.170.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
376	Cefalexin	CÔNG TY	0400101404	1.764.400.	1.764.400.000			1.764.400.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
377	Cefdinir	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	0310982229	10.768.098.600	10.768.098.600			10.768.098.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
378	Cefixim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	92.495.200	92.495.200			92.495.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
379	Cefixim	CÔNG TY	0300470246	121.275.00	121.275.000			121.275.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
380	Cefpodoxim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	1.034.580.800	1.034.580.800			1.034.580.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
381	Cefpodoxim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	575.240.000	575.240.000			575.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
382	Cefpodoxim	CÔNG TY	0101400572	900.000.00	900.000.000			900.000.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
383	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	367.832.280	367.832.280			367.832.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
384	Diacerein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	0314089150	63.631.800	63.631.800			63.631.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
385	Drotaverin	CÔNG TY	0109035096	513.121.140	513.121.140			513.121.140	Trong vòng	Kể từ ngày	

	clohydrat	TNHH DƯỢC PHẨM STABLED		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
386	Drotaverin clohydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPHARM	0109788942	263.454.000	263.454.000			263.454.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
387	Enalapril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	203.184.000	203.184.000			203.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
388	Enalapril	CÔNG TY	3200042637	1.317.260.	1.317.260.000			1.317.260.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
389	Esomeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	2.717.183.500	2.717.183.500			2.717.183.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
390	Etoricoxib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	160.650.000	160.650.000			160.650.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
391	Felodipin	CÔNG TY	0109788942	1.904.998.	1.904.998.000			1.904.998.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN VINPHARM		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
392	Fexofenadin	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPHARM	0109788942	1.070.534.000	1.070.534.000			1.070.534.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
393	Gabapentin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	295.596.000	295.596.000			295.596.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
394	Gliclazid	CÔNG TY	1801675824	1.375.408.	1.375.408.000			1.375.408.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
395	Gliclazid + metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL	1801675824	8.419.950.000	8.419.950.000			8.419.950.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
396	Glimepirid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	684.068.000	684.068.000			684.068.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
397	Irbesartan	CÔNG TY	0314089150	783.331.000	783.331.000			783.331.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
398	Irbesartan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	0309561353	3.015.306.000	3.015.306.000			3.015.306.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
399	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	269.309.800	269.309.800			269.309.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
400	Itoprid	CÔNG TY	0311557996	695.540.00	695.540.000			695.540.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
401	Losartan	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM AN PHÁT	0315469620	3.781.130.448	3.781.130.448			3.781.130.448	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
402	Loxoprofen	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHIN POONG DAEWOO	3600275957	742.900.000	742.900.000			742.900.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
403	Metformin +	CÔNG TY	0400101404	1.390.264.	1.390.264.200			1.390.264.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	Glibenclamid	CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		200				200	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
404	Methylprednisolon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	3200042637	2.582.217.840	2.582.217.840			2.582.217.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
405	Nebivolol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	46.393.920	46.393.920			46.393.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
406	Nifedipin	CÔNG TY	0309561353	298.381.44	298.381.440			298.381.44	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
407	Olanzapin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	1.280.750.000	1.280.750.000			1.280.750.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
408	Pantoprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	108.500.000	108.500.000			108.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
409	Paracetamol	CÔNG TY	0315579158	1.227.600.	1.227.600.000			1.227.600.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	(acetaminophen)	TNHH DƯỢC PHẨM MKT		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
410	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	2.002.386.960	2.002.386.960			2.002.386.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
411	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	723.580.000	723.580.000			723.580.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
412	Paracetamol	CÔNG TY	6100100009	445.258.00	445.258.000			445.258.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	(acetaminophen)	CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
413	Rebamipid	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.217.792.000	1.217.792.000			1.217.792.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
414	Risperidon	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM NHƯ TÂM	1801212375	462.000.000	462.000.000			462.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
415	Sitagliptin +	CÔNG TY	0315711984	1.428.000.	1.428.000.000			1.428.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	metformin	TNHH DƯỢC PHẨM SALUD		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
416	Sitagliptin + metformin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	8.557.680.000	8.557.680.000			8.557.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
417	Tenofovir (TDF)	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	4400116704	426.300.000	426.300.000			426.300.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
418	Valsartan +	CÔNG TY	0105124972	6.715.430.	6.715.430.000			6.715.430.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	hydrochlorothiazid	TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH VIỆT		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
419	Acetazolamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THẾ ANH	0109413816	17.253.600	17.253.600			17.253.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
420	Acetyl leucin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIP HARM	0313142700	2.763.583.500	2.763.583.500			2.763.583.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
421	Acetylsalicyli	CÔNG TY	6100100009	620.800.00	620.800.000			620.800.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	c acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
422	Acid amin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	1.066.000.000	1.066.000.000			1.066.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
423	Acid amin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	4.275.010.000	4.275.010.000			4.275.010.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
424	Acid amin	CÔNG TY	0300483319	1.061.550.	1.061.550.000			1.061.550.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
425	Acyclovir	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH HIỀN	0301046079	112.200.000	112.200.000			112.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
426	Adenosin triphosphat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÌNH CHÂU	0302333372	1.778.400.000	1.778.400.000			1.778.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
427	Aescin	CÔNG TY	0313102867	554.944.00	554.944.000			554.944.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
428	Albendazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUẢNG NAM	4001095555	54.628.920	54.628.920			54.628.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
429	Allopurinol	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	209.316.160	209.316.160			209.316.160	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
430	Alverin citrat	CÔNG TY	6000371421	222.530.00	222.530.000			222.530.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	+ simethicon	TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
431	Amitriptylin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	19.655.400	19.655.400			19.655.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
432	Amlodipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	460.911.000	460.911.000			460.911.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
433	Amlodipin +	CÔNG TY	3200042637	1.509.950.	1.509.950.000			1.509.950.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	atorvastatin	CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
434	Amlodipin + telmisartan	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	0310823236	578.382.000	578.382.000			578.382.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
435	Amlodipin + valsartan	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM	0303646106	2.552.760.000	2.552.760.000			2.552.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
436	Amoxicilin +	CÔNG TY	1400384433	1.534.386.	1.534.386.000			1.534.386.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	acid clavulanic	CP DƯỢC PHẨM IMEX PHARM		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
437	Amoxicilin + acid clavulanic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	1.779.235.080	1.779.235.080			1.779.235.080	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
438	Amoxicilin + acid clavulanic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META	0307159495	1.881.000.000	1.881.000.000			1.881.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
439	Ampicilin	CÔNG TY	0600337774	159.600.00	159.600.000			159.600.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	(muối natri)	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
440	Ampicilin + sulbactam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	259.396.200	259.396.200			259.396.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
441	Ampicilin + Sulbactam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	1.209.560.000	1.209.560.000			1.209.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
442	Amylase +	Công ty Cổ	0312147840	1.089.600.	1.089.600.000			1.089.600.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	lipase + protease	Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
443	Atosiban	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	75.600.000	75.600.000			75.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
444	Atropin sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	99.684.900	99.684.900			99.684.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
445	Azithromyci	CÔNG TY	1600699279	220.848.00	220.848.000			220.848.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	n	CP DƯỢC PHẨM AGIM EXPH ARM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
446	Bacillus clausii	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	2.373.789.600	2.373.789.600			2.373.789.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
447	Bacillus clausii	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	2.547.918.900	2.547.918.900			2.547.918.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
448	Bacillus	CÔNG TY	6100100009	1.880.948.	1.880.948.420			1.880.948.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	clausii	CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM		420				420	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
449	Beclometason (dipropionat)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	231.202.400	231.202.400			231.202.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
450	Benzylpenicilin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	11.597.400	11.597.400			11.597.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
451	Bisacodyl	CÔNG TY	1800156801	8.650.000	8.650.000			8.650.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
452	Bismuth	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	1.398.572.000	1.398.572.000			1.398.572.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
453	Bleomycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	103.199.040	103.199.040			103.199.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
454	Bromhexin	CÔNG TY	1600699279	615.888.00	615.888.000			615.888.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	hydroclorid	CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
455	Bromhexin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	1.134.000.000	1.134.000.000			1.134.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
456	Budesonid	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FAMED	0107960796	2.406.600.000	2.406.600.000			2.406.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
457	Budesonid	CÔNG TY	0101400572	1.511.100.	1.511.100.000			1.511.100.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
458	Cafein citrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	246.960.000	246.960.000			246.960.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
459	Calci carbonat + calci gluconolactat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	1.519.677.600	1.519.677.600			1.519.677.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
460	Calci folinat	CÔNG TY	2500228415	63.680.000	63.680.000			63.680.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

	(folinic acid, leucovorin)	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
461	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	850.000.000	850.000.000			850.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
462	Calci lactat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	4.921.725.000	4.921.725.000			4.921.725.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
463	Calcipotriol	Công ty	0104628582	586.880.00	586.880.000			586.880.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH Dược phẩm HQ		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
464	Calcitriol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	9.600.000	9.600.000			9.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
465	Candesartan + hydrochlorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	1.178.243.000	1.178.243.000			1.178.243.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
466	Carbamazep	CÔNG TY	0400102091	54.922.560	54.922.560			54.922.560	Trong vòng	Kể từ ngày	

	in	CỔ PHẦN DƯỢC DANA PHA							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
467	Carbetocin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	491.959.000	491.959.000			482.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
468	Carbocistein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VŨ DUY	0305458789	968.000.000	968.000.000			968.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
469	Carboplatin	CÔNG TY	0109281630	571.680.00	571.680.000			571.680.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH SINH DƯỢC PHẨM ĐẠI SÔNG DƯƠNG		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
470	Carboplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	142.783.200	142.783.200			142.783.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
471	Carboprost tromethamin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	69.600.000	69.600.000			69.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
472	Cefaclor	CÔNG TY	0600337774	376.320.00	376.320.000			376.320.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
473	Cefamandol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	72.000.000	72.000.000			72.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
474	Cefazolin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	0315579158	446.880.000	446.880.000			446.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
475	Cefdinir	CÔNG TY	2100274872	1.946.184.	1.946.184.000			1.946.184.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
476	Cefepim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBACO	0100109032	140.415.000	140.415.000			140.415.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
477	Cefepim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	1.486.800.000	1.486.800.000			1.486.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
478	Cefixim	CÔNG TY	0300470246	260.190.00	260.190.000			260.190.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
479	Cefoperazon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	360.000.000	360.000.000			360.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
480	Cefoxitin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	2.121.300.000	2.121.300.000			2.121.300.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
481	Ceftazidim	CÔNG TY	4100259564	1.121.775.	1.121.775.900			1.121.775.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)		900				900	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
482	Ceftizoxim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	340.653.600	340.653.600			340.653.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
483	Ceftizoxim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	799.000.000	799.000.000			799.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
484	Cefuroxim	CÔNG TY	0600337774	286.675.20	286.675.200			286.675.20	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
485	Celecoxib	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	166.572.000	166.572.000			166.572.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
486	Cimetidin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	28.800.000	28.800.000			28.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
487	Ciprofloxaci	CÔNG TY	0600337774	27.346.760	27.346.760			27.346.760	Trong vòng	Kể từ ngày	

	n	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
488	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	515.200.000	515.200.000			515.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
489	Cisplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	57.597.120	57.597.120			57.597.120	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
490	Clobetasol	CÔNG TY	0100108536	366.212.00	366.212.000			366.212.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	propionat	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
491	Clorpromazin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	5.334.000	5.334.000			5.334.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
492	Cloxacilin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	146.780.000	146.780.000			146.780.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
493	Clozapin	CÔNG TY	0314699371	60.000.000	60.000.000			60.000.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH DƯỢC PHẨM KOVI							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
494	Clozapin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	51.948.000	51.948.000			51.948.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
495	Codein + terpin hydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	324.012.000	324.012.000			324.012.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
496	Colistin	CÔNG TY	0400101404	2.177.520.	2.177.520.000			2.177.520.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
497	Cồn 70°	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	0302560110	1.077.564.600	1.077.564.600			1.077.564.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
498	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	4.859.905.600	4.859.905.600			4.859.905.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
499	Deferasirox	CÔNG TY	0313832648	124.576.00	124.576.000			124.576.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
500	Deferipron	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM	0313142700	10.342.080	10.342.080			10.342.080	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
501	Dequalinium clorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	16.680.000	16.680.000			16.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
502	Desloratadin	CÔNG TY	0400102091	476.400.00	476.400.000			476.400.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC DANA PHA		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
503	Dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUẢNG NAM	4001095555	2.914.000	2.914.000			2.914.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
504	Dexchlorpheniramin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIP HARM	0313142700	127.872.000	127.872.000			127.872.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
505	Dexpanthenol	CÔNG TY	0313142700	71.224.000	71.224.000			71.224.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

	(panthenol, vitamin B5)	TNHH DƯỢC PHẨM ATIP HARM							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
506	Diazepam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	68.155.500	68.155.500			68.155.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
507	Diclofenac	CÔNG TY CỔ PHẦN HT MEDICAL	6400396149	64.260.000	64.260.000			64.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
508	Digoxin	CÔNG TY	0104089394	17.760.000	17.760.000			17.760.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
509	Diocta hedral smecti t	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	883.898.400	883.898.400			883.898.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
510	Diosme ctit	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDI PHARCO	3300101406	166.607.280	166.607.280			166.607.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
511	Diphe nhydr	CÔNG TY	6100100009	16.239.840	16.239.840			16.239.840	Trong vòng	Kể từ ngày	

	amin	CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
512	Dobutamin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	684.298.000	684.298.000			684.298.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
513	Dobutamin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	246.400.000	246.400.000			246.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
514	Docetaxel	CÔNG TY	4100259564	262.080.00	262.080.000			262.080.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
515	Doripenem	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	7.650.800.000	7.650.800.000			7.650.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
516	Doxorubicin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	270.648.000	270.648.000			270.648.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
517	Ebastin	CÔNG TY	0400102077	571.120.00	571.120.000			571.120.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3 (đã đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3)		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
518	Econazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI HƯNG	0311194654	96.000.000	96.000.000			96.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
519	Erythromycin	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	24.610.000	24.610.000			24.610.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
520	Erythropoietin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	1100112319	6.121.400.000	6.121.400.000			6.121.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
521	Erythropoietin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	1100112319	8.187.200.000	8.187.200.000			8.187.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
522	Esomeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	282.765.150	282.765.150			282.765.150	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
523	Etamsylat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN NHÂN	0316214382	919.989.000	919.989.000			919.989.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
524	Etifoxin chlohydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	68.256.000	68.256.000			68.256.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
525	Etoposid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH	4100259564	41.035.680	41.035.680			41.035.680	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

		ĐỊNH (BIDI PHAR)							hết ngày 31/12 /2026		
526	Famotidin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	650.520.000	650.520.000			650.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
527	Famotidin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)	4100259564	263.802.000	263.802.000			263.802.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
528	Fenofibrat	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	132.880.000	132.880.000			132.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
529	Fluconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	111.055.000	111.055.000			111.055.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
530	Flunarizin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	269.592.700	269.592.700			269.592.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
531	Fluocinolon acetonid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	3100137028	60.502.030	60.502.030			60.502.030	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
532	Fluorouracil (5-FU)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	20.160.000	20.160.000			20.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
533	Fluorouracil (5-FU)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	65.520.000	65.520.000			65.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
534	Flurbiprofen natri	CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐẠI QUANG	0108588683	44.850.000	44.850.000			44.850.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
535	Fluticason propionat	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	0107854131	1.806.720.000	1.806.720.000			1.806.720.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
536	Fluvastatin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	1.453.683.000	1.453.683.000			1.453.683.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
537	Fosfomycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	97.200.000	97.200.000			97.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
538	Fosfo mycin	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	294.840.000	294.840.000			294.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
539	Fusidic acid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)	4100259564	95.801.580	95.801 .580			95.801.580	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
540	Fusidic acid + betame thason	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI	0302166964	180.600.000	180.600.000			180.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
541	Gemcitabin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	413.985.600	413.985.600			413.985.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
542	Gemcitabin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	362.880.000	362.880.000			362.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
543	Gentamicin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	46.059.300	46.059.300			46.059.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
544	Gentamicin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	34.322.400	34.322.400			34.322.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
545	Ginkgo biloba	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	453.600.000	453.600.000			453.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
546	Ginkgo biloba	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	182.742.000	182.742.000			182.742.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12/2026		
547	Glimepirid + metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	0314089150	9.007.495.560	9.007.495.560			9.007.495.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
548	Glucosamin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	36.000.000	36.000.000			36.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
549	Glucose	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	157.237.920	157.237.920			157.237.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
550	Glycerol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	73.873.800	73.873.800			73.873.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
551	Granisetron hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	108.000.000	108.000.000			108.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
552	Griseofulvin	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	18.045.600	18.045.600			18.045.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
553	Haloperidol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	5.586.000	5.586.000			5.586.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
554	Haloperidol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	33.926.400	33.926.400			33.926.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
555	Haloperidol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THẾ ANH	0109413816	61.446.000	61.446.000			61.446.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
556	Huyết thanh kháng nọc rắn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TƯỜNG KHUÊ	0400459581	105.123.900	105.123.900			105.123.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
557	Huyết thanh kháng nọc rắn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TƯỜNG KHUÊ	0400459581	182.338.800	182.338.800			182.338.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
558	Huyết thanh kháng uốn ván	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TƯỜNG KHUÊ	0400459581	701.272.278	701.272.278			701.272.278	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
559	Hydroc lorothi azid	CÔNG TY TNHH MỘT THÀN H VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	11.00 9.400	11.009 .400			11.00 9.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
560	Hydroc ortison	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	110.9 61.90 0	110.96 1.900			110.9 61.90 0	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
561	Hydrox ypropy lmethy lcellul ose	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	258.6 64.00 0	258.66 4.000			258.6 64.00 0	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
562	Irbesartan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	1100112319	1.741.464.000	1.741.464.000			1.741.464.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
563	Irinotecan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	167.688.000	167.688.000			167.688.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
564	Irinotecan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH	4100259564	205.788.240	205.788.240			205.788.240	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

		ĐỊNH (BIDI PHAR)							hết ngày 31/12 /2026		
565	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	48.224.000	48.224.000			48.224.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
566	Kẽm gluconat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM METa	0307159495	2.589.896.400	2.589.896.400			2.589.896.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
567	Ketorolac	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	14.924.000	14.924.000			14.924.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
568	Lacidipin	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyên	6000460086	266.560.000	266.560.000			266.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
569	Lactobacillus acidophilus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	611.490.600	611.490.600			611.490.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
570	Lactobacillus acidophilus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH	4100259564	1.377.400.000	1.377.400.000			1.377.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

		ĐỊNH (BIDI PHAR)							hết ngày 31/12 /2026		
571	Leveti raceta m	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIM EXPH ARM	1600699279	36.00 0.000	36.000 .000			36.00 0.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
572	Levom eprom azin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANA PHA	0400102091	88.00 0.000	88.000 .000			88.00 0.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
573	Levom eprom azin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THẾ ANH	0109413816	562.5 90.00 0	562.59 0.000			562.5 90.00 0	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
574	Levothyroxin (muối natri)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	0109035096	33.836.960	33.836.960			33.836.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
575	Linezolid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	0302975997	299.366.400	299.366.400			299.366.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
576	Losartan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	191.000.000	191.000.000			191.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
577	Losartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	267.048.600	267.048.600			267.048.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
578	Losartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	0309561353	448.492.800	448.492.800			448.492.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
579	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	4.681.800.000	4.681.800.000			4.681.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
580	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	966.000.000	966.000.000			966.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
581	Magnesi aspartat + kali aspartat	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV	0312124321	347.500.000	347.500.000			347.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
582	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHIN POONG DAEWOO	3600275957	7.932.315.300	7.932.315.300			7.932.315.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
583	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	1.144.000.000	1.144.000.000			1.144.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
584	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	1100112319	5.797.322.400	5.797.322.400			5.797.322.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
585	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	1.027.000.000	1.027.000.000			1.027.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
586	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HAI MƯƠI THÁNG MƯỜI	0317518707	3.884.868.000	3.884.868.000			3.884.868.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
587	Magnesi sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	116.667.000	116.667.000			116.667.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
588	Manitol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	182.700.000	182.700.000			182.700.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
589	Meben dazol	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIM EXPH ARM	1600699279	31.26 2.400	31.262 .400			31.26 2.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
590	Meclo phenox at	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	1.099 .800. 000	1.099.8 00.000			1.099 .800. 000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
591	Meclo phenox at	CÔNG TY TNHH THƯƠ NG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN	0401401489	1.014 .968. 000	1.014.9 68.000			1.014 .968. 000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

		PHÁT							hết ngày 31/12 /2026		
592	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	1.139 .006. 800	1.139.0 06.800			1.139 .006. 800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
593	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	0309561353	1.486 .779. 000	1.486.7 79.000			1.486 .779. 000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
594	Methotrexat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH	4100259564	8.391 .600	8.391.6 00			8.391 .600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

		ĐỊNH (BIDI PHAR)							hết ngày 31/12 /2026		
595	Methyl predni solon	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIP HARM	0313142700	1.777 .339. 200	1.777.3 39.200			1.777 .339. 200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
596	Methyl predni solon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	1.435 .266. 000	1.435.2 66.000			1.435 .266. 000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
597	Methy ldopa	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIM EXPH ARM	1600699279	277.2 82.92 0	277.28 2.920			277.2 82.92 0	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
598	Metoclopramid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	24.480.000	24.480.000			24.480.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
599	Metronidazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	80.372.000	80.372.000			80.372.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
600	Miconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	6.000.000	6.000.000			6.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
601	Midazolam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	3.689.280.000	3.689.280.000			3.689.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
602	Milrinon	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỨ HƯNG	4300843657	22.920.000	22.920.000			22.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
603	Mirtazapin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	3600510960	15.184.800	15.184.800			15.184.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
604	Misoprostol	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	166.440.960	166.440.960			166.440.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
605	Mometason furoat	CÔNG TY TNHH BENEPHAR	0105383141	850.500.000	850.500.000			850.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
606	Mometason furoat	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	547.400.000	547.400.000			547.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12/2026		
607	Moxifloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	2.046.000.000	2.046.000.000			2.046.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
608	Moxifloxacin + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO	2200751085	90.608.040	90.608.040			90.608.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
609	N-acetylcystein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	0300483319	283.955.200	283.955.200			283.955.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

		CODUPHA							hết ngày 31/12/2026		
610	N-acetylcystein	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	1.042.990.000	1.042.990.000			1.042.990.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
611	Naloxon hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	42.277.200	42.277.200			42.277.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
612	Naphazolin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	50.524.300	50.524.300			50.524.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
613	Naproxen	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	606.585.000	606.585.000			606.585.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
614	Natri clorid	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	76.140.800	76.140.800			76.140.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
615	Natri clorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	41.626.200	41.626.200			41.626.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

									hết ngày 31/12 /2026		
616	Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat + magnesi sulfat + kẽm sulfat + dextrose	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	238.000.000	238.000.000			238.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
617	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	754.471.200	754.471.200			754.471.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
618	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucos	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	0310982229	2.123.847.000	2.123.847.000			2.123.847.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

	e khan								có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
619	Natri hyaluronat	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	766.740.000	766.740.000			766.740.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
620	Natri hyaluronat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	18.213.500	18.213.500			18.213.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
621	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	148.000.000	148.000.000			148.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
622	Nefopam hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	5.184.000	5.184.000			5.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
623	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	318.940.000	318.940.000			318.940.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
624	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERA	0101400572	677.470.000	677.470.000			677.470.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		P							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
625	Neostigmin metylsulfat (bromid)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	122.435.040	122.435.040			122.435.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
626	Netilmicin sulfat	CÔNG TY TNHH BIDIVINA	0315820729	1.510.488.000	1.510.488.000			1.510.488.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
627	Nicardipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	1.434.813.600	1.434.813.600			1.434.813.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
628	Nicorandil	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	0109035096	58.445.520	58.445.520			58.445.520	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
629	Nicorandil	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	452.256.000	452.256.000			452.256.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
630	Nifedipin	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyên	6000460086	53.007.500	53.007.500			53.007.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
631	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	2.353.400.000	2.353.400.000			2.353.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
632	Nước cất pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	1.375.234.560	1.375.234.560			1.375.234.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
633	Nystatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	3100137028	30.072.280	30.072.280			30.072.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		QUẢNG BÌNH							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
634	Nystatin	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	772.800	772.800			772.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
635	Nystatin + neomycin + polymyxin B	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	299.534.400	299.534.400			299.534.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
636	Octreotid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	502.670.000	502.670.000			502.670.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
637	Ofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	703.920.000	703.920.000			703.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
638	Ofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	2.759.400.000	2.759.400.000			2.759.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
639	Ofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	0600337774	12.715.600	12.715.600			12.715.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		MINH DÂN							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
640	Ofloxacin	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	201.250.000	201.250.000			201.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
641	Omeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	595.654.800	595.654.800			595.654.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
642	Ondansetron	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	0600337774	58.820.000	58.820.000			58.820.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		MINH DÂN							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
643	Oxcarbazepin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THẾ ANH	0109413816	149.083.200	149.083.200			149.083.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
644	Oxytocin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	334.183.500	334.183.500			334.183.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
645	Oxytocin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	293.975.000	293.975.000			293.975.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
646	Paclitaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	74.970.000	74.970.000			74.970.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
647	Pantoprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	184.906.000	184.906.000			184.906.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
648	Papaverin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	283.290.400	283.290.400			283.290.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
649	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	853.658.400	853.658.400			853.658.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
650	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	736.764.000	736.764.000			736.764.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
651	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIM	1600699279	98.123.200	98.123.200			98.123.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		EXPHARM							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
652	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	491.711.000	491.711.000			491.711.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
653	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	40.588.800	40.588.800			40.588.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
654	Paracetamol + chlorpheniramin	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	686.880.000	686.880.000			686.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
655	Paracetamol + codein phosphat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	1.431.990.000	1.431.990.000			1.431.990.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
656	Paracetamol + tramadol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	493.120.000	493.120.000			493.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
657	Pentoxifyllin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1	0104089394	37.800.000	37.800.000			37.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		HÀ NỘI							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
658	Perindopril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	107.250.000	107.250.000			107.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
659	Perindopril + indapamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	71.971.200	71.971.200			71.971.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
660	Phytomenadion (vitamin K1)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	104.987.500	104.987.500			104.987.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
661	Phytomenadion (vitamin K1)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	122.000.000	122.000.000			122.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
662	Piperacilin + tazobactam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	598.374.000	598.374.000			598.374.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
663	Povidon iodin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	1.296.500.000	1.296.500.000			1.296.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
664	Ramipril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	52.670.000	52.670.000			52.670.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
665	Rifamycin	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	98.800.000	98.800.000			98.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
666	Risperidon	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIM	1600699279	33.189.000	33.189.000			33.189.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		EXPHARM							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
667	Rocuronium bromid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	318.325.000	318.325.000			318.325.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
668	Saccharomyces boulardii	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	1.883.246.400	1.883.246.400			1.883.246.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
669	Salbutamol + ipratropium	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1	0104089394	1.113.840.000	1.113.840.000			1.113.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		HÀ NỘI							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
670	Salbutamol sulfat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIP HARM	0313142700	121.200.000	121.200.000			121.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
671	Salbutamol sulfat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C	0313369758	766.590.000	766.590.000			766.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
672	Salbutamol sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1	0104089394	219.079.980	219.079.980			219.079.980	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		HÀ NỘI							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
673	Salbutamol sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	767.188.800	767.188.800			767.188.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
674	Salbutamol sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	513.864.456	513.864.456			513.864.456	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
675	Salicylic acid + betamethason dipropionat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	3100137028	143.200.000	143.200.000			143.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		QUẢNG BÌNH							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
676	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	1.100.400.000	1.100.400.000.000			1.100.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
677	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C	0313369758	285.768.000	285.768.000			285.768.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
678	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG	4100259564	1.099.879.200	1.099.879.200			1.099.879.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

	glucon at	THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)							có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	hết ngày 31/12/ 2026	
679	Sắt sulfat + acid folic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)	4100259564	382.830.000	382.830.000			382.830.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
680	Silymarin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	34.200.000	34.200.000			34.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12 /2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/ 2026	
681	Simeth icon	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	0312147840	609.000.000	609.000.000			609.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
682	Simvastatin + ezetimibe	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARMA	0401906955	263.520.000	263.520.000			263.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
683	Sitagliptin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	3600510960	27.250.000	27.250.000			27.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
684	Sorbitol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	69.600.000	69.600.000			69.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
685	Spiramycin + metronidazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	412.318.000	412.318.000			412.318.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
686	Spironolacton	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	49.822.500	49.822.500			49.822.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
687	Sucralfat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALU	0315711984	592.800.000	592.800.000			592.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		D							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
688	Sulfadiazin bạc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	70.980.000	70.980.000			70.980.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
689	Sulfamethoxazol + trimethoprim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	0109035096	703.636.500	703.636.500			703.636.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
690	Sulfamethoxazol + trimethoprim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	0600337774	314.617.000	314.617.000			314.617.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		MINH DÂN							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
691	Tacrolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	60.552.000	60.552.000			60.552.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
692	Terpin hydrat + codein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	289.218.000	289.218.000			289.218.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
693	Tetracyclin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHAR	3300101406	4.165.000	4.165.000			4.165.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		CO							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
694	Thiamazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	0109035096	50.232.000	50.232.000			50.232.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
695	Thiamazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	115.190.760	115.190.760			115.190.760	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
696	Thiocolchicoside	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM	4200562765	101.178.000	101.178.000			101.178.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		KHÁNH HÒA							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
697	Tiaprofenic acid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	0310982229	1.820.000.000	1.820.000.000			1.820.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
698	Ticarcillin + acid clavulanic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	1.394.940.000	1.394.940.000			1.394.940.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
699	Tiropramid hydroclorid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHIN	3600275957	2.738.970.600	2.738.970.600			2.738.970.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		POONG DAEWOO							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
700	Tobramycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	104.188.000	104.188.000			104.188.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
701	Tobramycin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYÊN ĐỨC	0400533877	660.000.000	660.000.000			660.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
702	Tobramycin + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG	4100259564	211.522.920	211.522.920			211.522.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
703	Tranexamic acid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	299.520.000	299.520.000			299.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
704	Valproat natri	CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO	0100109191	1.222.144.000	1.222.144.000			1.222.144.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
705	Valproat natri	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	490.680.960	490.680.960			490.680.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

									có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
706	Valsartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	96.814.200	96.814.200			96.814.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
707	Vancomycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	559.200.000	559.200.000			559.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
708	Vinpocetin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	13.230.000	13.230.000			13.230.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
709	Vitamin A	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	51.307.200	51.307.200			51.307.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
710	Vitamin A + D3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	68.480.000	68.480.000			68.480.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
711	Vitamin B1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH	2500228415	12.152.700	12.152.700			12.152.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến	

		PHÚC							có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hết ngày 31/12/2026	
712	Vitamin B1 + B6 + B12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	635.891.200	635.891.200			635.891.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
713	Vitamin B1 + B6 + B12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3 (đã đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3)	0400102077	4.002.255.000	4.002.255.000			4.002.255.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
714	Vitamin B1 +	CÔNG TY	6000371421	2.532.976.	2.532.976.000			2.532.976.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	B6 + B12	TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
715	Vitamin B1 + B6 + B12	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	352.080.880	352.080.880			352.080.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
716	Vitamin B1 + B6 + B12	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY NAM	1600573847	4.892.580.000	4.892.580.000			4.892.580.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
717	Vitamin B6 +	CÔNG TY	0307159495	1.638.942.	1.638.942.200			1.638.942.	Trong vòng	Kể từ ngày	

	magnesi lactat	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META		200				200	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
718	Vitamin B6 + magnesi lactat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	2.324.414.400	2.324.414.400			2.324.414.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
719	Vitamin B6 + magnesi lactat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META	0307159495	1.712.364.200	1.712.364.200			1.712.364.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
720	Vitamin C	CÔNG TY	0309561353	846.720.00	846.720.000			846.720.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
721	Vitamin D3	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	0312147840	869.987.580	869.987.580			869.987.580	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
722	Vitamin E	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	285.872.600	285.872.600			285.872.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
723	Amlodipin +	CÔNG TY	0301140748	64.128.000	64.128.000			64.128.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

	telmisartan	TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
724	Budesonid + formoterol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	1.114.548.000	1.114.548.000			1.114.548.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
725	Clotrimazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI	0302166964	16.942.000	16.942.000			16.942.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
726	Doripenem	CÔNG TY	0315711984	2.592.000.	2.592.000.000			2.592.000.	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH DƯỢC PHẨM SALUD		000				000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
727	Enoxaparin (natri)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	331.540.000	331.540.000			331.540.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
728	Gliclazid + metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC SỨC KHỎE VÀNG FPL	1801675824	2.518.560.000	2.518.560.000			2.518.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
729	Heparin	CÔNG TY	0401401489	870.840.00	870.840.000			870.840.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	(natri)	TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
730	Immune globulin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	0303418205	265.000.000	265.000.000			265.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
731	Immune globulin	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	324.000.000	324.000.000			324.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
732	Lidocain +	CÔNG TY	2500228415	104.428.80	104.428.800			104.428.80	Trong vòng	Kể từ ngày	

	epinephrin(adrenalin)	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
733	Mecobalamin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	468.000.000	468.000.000			468.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
734	Meglumin natri succinat	CÔNG TY TNHH DƯỢC THỐNG NHẤT	0101651992	1.206.000.000	1.206.000.000			1.206.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
735	Methyl	CÔNG TY	2500228415	119.889.00	119.889.000			119.889.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

	ergometrin maleat	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
736	Moxifloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ALASKA	0315599066	1.040.000.000	1.040.000.000			1.040.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
737	Phenobarbital	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	14.994.000	14.994.000			14.994.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
738	Pralidoxim	CÔNG TY	0310823236	876.800.00	876.800.000			876.800.00	Trong vòng	Kể từ ngày	

		TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY		0				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
739	Propofol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	48.625.650	48.625.650			48.625.650	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
740	Salbutamol + ipratropium	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	713.528.000	713.528.000			713.528.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
741	Salbutamol	CÔNG TY	0104089394	50.274.000	50.274.000			50.274.000	Trong vòng	Kể từ ngày	

	sulfat	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
742	Salmeterol + fluticason propionat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	707.550.000	707.550.000			707.550.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	
743	Succinic acid + nicotinamid + inosine + riboflavin natri phosphat	CÔNG TY TNHH DƯỢC THỐNG NHẤT	0101651992	1.548.000.000	1.548.000.000			1.548.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026	

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Albumin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
2	Amiodaron hydroclorid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 2
3	Amlodipin + valsartan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
4	Atosiban	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
5	Bisoprolol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Không đạt tài chính do giá dự thầu vượt giá kế hoạch
6	Carbetocin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	0101261544	Xếp hạng 2
7	Carvedilol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	0305483312	Xếp hạng 2
8	Cefuroxim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
9	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI	0106997793	Xếp hạng 2
10	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
11	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI	0106997793	Xếp hạng 3
12	Deferoxamin	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	Không đạt kỹ thuật do không đạt phạm vi sản xuất EU-GMP
13	Desmopressin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
14	Diclofenac	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ	0400101404	Xếp hạng 2

		ĐÀ NẴNG		
15	Etoricoxib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 4
16	Etoricoxib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	Xếp hạng 2
17	Etoricoxib	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	Xếp hạng 3
18	Fluconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	0305483312	Xếp hạng 3
19	Fluconazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	Xếp hạng 2
20	Fluconazol	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	0401401489	Xếp hạng 2
21	Ginkgo biloba	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BẢO NGÂN	0107524422	Không đạt kỹ thuật do không đạt phạm vi sản xuất EU-GMP
22	Gliclazid	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	Xếp hạng 2
23	Glimepirid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
24	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 3
25	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	0316417470	Xếp hạng 2
26	Irbesartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
27	Ivabradin	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	Xếp hạng 2
28	Lacidipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
29	Lercanidipin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	0302375710	Xếp hạng 2

30	Letrozol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI	0102183916	Xếp hạng 2
31	Levocetirizin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TT PHARMA	0316447154	Xếp hạng 2
32	Levocetirizin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	0304528578	Xếp hạng 3
33	Levofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
34	Levothyroxin (muối natri)	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	0310631333	Xếp hạng 2
35	Linezolid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
36	Linezolid	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	Xếp hạng 3
37	Metronidazol	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	Không đạt tài chính do giá dự thầu vượt giá kế hoạch
38	Metronidazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	6000706406	Xếp hạng 2
39	N-acetylcystein	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	Không đạt tài chính do giá dự thầu vượt giá kế hoạch
40	Natri montelukast	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
41	Prednisolon acetat (natri phosphate)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
42	Progesteron	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
43	Rivaroxaban	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
44	Rivaroxaban	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ	0310631333	Xếp hạng 3

		DƯỢC PHẨM SANG		
45	Rivaroxaban	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
46	Rivaroxaban	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	0310631333	Xếp hạng 3
47	Salbutamol sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
48	Sắt clorid + kẽm clorid + mangan clorid + đồng clorid + crôm clorid + natri molypdat dihydrat + natri selenid pentahydrat + natri fluorid + kali iodid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Không đạt kỹ thuật do không đạt hàm lượng theo yêu cầu của E-HSMT
49	Sevofluran	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
50	Sulpirid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BIN BO	0310985237	Xếp hạng 2
51	Telmisartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 2
52	Ticagrelor	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Xếp hạng 2
53	Ursodeoxycholic acid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
54	Vinpocetin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	Không đạt tài chính do giá dự thầu vượt giá kế hoạch
55	Amlodipin + telmisartan	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARMA	0401906955	Xếp hạng 2
56	Amlodipin + telmisartan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 2
57	Apixaban	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT	0100109699	Xếp hạng 2

		BỊ Y TẾ HÀ NỘI		
58	Apixaban	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	Xếp hạng 2
59	Atorvastatin + ezetimibe	CÔNG TY CỔ PHẦN TABIPHAR VIỆT NAM	0106639822	Xếp hạng 2
60	Bupivacain hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
61	Carboplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN VILOGI	0106785340	Xếp hạng 2
62	Cefaclor	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VẬT TƯ Y TẾ QUANG MINH	4401044795	Nhà thầu không đạt năng lực kinh nghiệm
63	Cefdinir	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	Không đạt kỹ thuật do không đạt phạm vi sản xuất EU-GMP
64	Cefixim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VẬT TƯ Y TẾ QUANG MINH	4401044795	Nhà thầu không đạt năng lực kinh nghiệm
65	Cefpodoxim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NIỀM TIN	0308948326	Xếp hạng 2
66	Ceftizoxim	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH	0101509266	Xếp hạng 2
67	Ceftriaxon	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	Xếp hạng 2
68	Ceftriaxon	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	0310823236	Xếp hạng 4
69	Ceftriaxon	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	Xếp hạng 3
70	Clindamycin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	0101370222	Xếp hạng 2
71	Docetaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	0302597576	Không đạt kỹ thuật do không đạt nồng độ, theo yêu cầu của E-HSMT
72	Docetaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN	0302597576	Không đạt kỹ thuật do

		DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2		không đạt nồng độ, theo yêu cầu của E-HSMT
73	Enalapril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	Xếp hạng 2
74	Irbesartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	Xếp hạng 2
75	Kẽm sulfat	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	Không đạt kỹ thuật do không đạt phạm vi sản xuất EU-GMP
76	Linezolid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NGUYÊN ĐỨC	0400533877	Xếp hạng 3
77	Linezolid	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	Xếp hạng 2
78	Losartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPHARM	0109788942	Xếp hạng 3
79	Losartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	Xếp hạng 2
80	Metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	Xếp hạng 2
81	Metformin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 3
82	Moxifloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT	0310211515	Xếp hạng 2
83	Natri montelukast	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	Xếp hạng 2
84	Oxaliplatin	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	0310631333	Xếp hạng 2
85	Paclitaxel	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 2
86	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
87	Paracetamol	CÔNG TY CỔ PHẦN	0100108536	Xếp hạng 3

	(acetaminophen)	DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1		
88	Pravastatin	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	0312864527	Xếp hạng 2
89	Propofol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
90	Repaglinid	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 2
91	Salbutamol + ipratropium	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
92	Simvastatin + ezetimibe	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	Xếp hạng 2
93	Sitagliptin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	Xếp hạng 5
94	Sitagliptin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	Xếp hạng 3
95	Sitagliptin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	0102885697	Xếp hạng 2
96	Sitagliptin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH VIỆT	0105124972	Xếp hạng 4
97	Sitagliptin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 6
98	Sulpirid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 2
99	Teicoplanin	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	Không đạt tài chính do giá dự thầu vượt giá kế hoạch
100	Vancomycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	Xếp hạng 2
101	Vildagliptin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	0315579158	Xếp hạng 3

102	Vildagliptin	CÔNG TY TNHH UNITED PHARMA	6001509993	Xếp hạng 2
103	Cefaclor	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VẬT TƯ Y TẾ QUANG MINH	4401044795	Nhà thầu không đạt năng lực kinh nghiệm
104	Cefadroxil	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
105	Diacerein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA	0307159495	Xếp hạng 2
106	Drotaverin clohydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	3200042637	Xếp hạng 2
107	Enalapril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	3200042637	Xếp hạng 2
108	Enalapril	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VẬT TƯ Y TẾ QUANG MINH	4401044795	Nhà thầu không đạt năng lực kinh nghiệm
109	Enalapril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	0104415182	Xếp hạng 2
110	Esomeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	Xếp hạng 2
111	Esomeprazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	0311557996	Xếp hạng 3
112	Felodipin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	Xếp hạng 2
113	Fexofenadin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	0104415182	Xếp hạng 2
114	Irbesartan	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	Xếp hạng 2
115	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 5
116	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	Xếp hạng 3
117	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SEN	0108092479	Xếp hạng 2

		VIỆT NAM		
118	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	Xếp hạng 4
119	Nifedipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	Xếp hạng 2
120	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 2
121	Adenosin triphosphat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	Xếp hạng 2
122	Albendazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	Xếp hạng 3
123	Albendazol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	3600275957	Xếp hạng 2
124	Allopurinol	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	Xếp hạng 3
125	Allopurinol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	Xếp hạng 2
126	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	0401401489	Không đạt kỹ thuật do không đạt hàm lượng theo yêu cầu của E-HSMT
127	Azithromycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
128	Azithromycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	3600510960	Xếp hạng 3
129	Bacillus clausii	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BELLA	0313449805	Không đạt kỹ thuật do không đạt nồng độ, hàm lượng theo yêu cầu của E- HSMT
130	Bacillus clausii	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐỨC GIANG	0312897850	Không đạt kỹ thuật do không đạt nồng độ, hàm lượng theo yêu cầu của E- HSMT

131	Bacillus clausii	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM AN PHÁT	0315469620	Không đạt kỹ thuật do không đạt hàm lượng theo yêu cầu của E-HSMT
132	Bismuth	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	Xếp hạng 3
133	Bismuth	CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG DANH	0305376624	Xếp hạng 2
134	Bromhexin hydroclorid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	Xếp hạng 2
135	Calci folinat (folinic acid, leucovorin)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Xếp hạng 2
136	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	Xếp hạng 2
137	Carbocistein	CÔNG TY TNHH QSM.PHARMA	0317585767	Nhà thầu không đạt năng lực kinh nghiệm
138	Carboplatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Xếp hạng 2
139	Carboplatin	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 3
140	Carboplatin	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 2
141	Ceftazidim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBACO	0100109032	Xếp hạng 3
142	Ceftazidim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	Xếp hạng 2
143	Celecoxib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 2
144	Cisplatin	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 2
145	Clozapin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	Xếp hạng 3

146	Clozapin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BIN BO	0310985237	Xếp hạng 2
147	Codein + terpin hydrat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
148	Desloratadin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	Xếp hạng 4
149	Desloratadin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	Xếp hạng 2
150	Desloratadin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C	0313369758	Xếp hạng 3
151	Desloratadin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	Xếp hạng 5
152	Dexamethason	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	Xếp hạng 3
153	Dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 4
154	Dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 2
155	Diclofenac	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT	0500465187	Xếp hạng 4
156	Diclofenac	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Xếp hạng 2
157	Diclofenac	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyên	6000460086	Xếp hạng 3
158	Dioctahedral smectit	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	Không đạt kỹ thuật do không đạt nồng độ theo yêu cầu của E-HSMT
159	Diosmectit	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	Xếp hạng 3
160	Diosmectit	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUẢNG NAM	4001095555	Xếp hạng 2

161	Econazol	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	0303218830	Xếp hạng 2
162	Erythromycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	Xếp hạng 2
163	Esomeprazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Xếp hạng 2
164	Fusidic acid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 3
165	Fusidic acid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA SEN	0304123959	Xếp hạng 2
166	Fusidic acid + betamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 3
167	Fusidic acid + betamethason	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA SEN	0304123959	Xếp hạng 2
168	Ginkgo biloba	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	Xếp hạng 3
169	Ginkgo biloba	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC TUỆ NAM	0314022149	Xếp hạng 2
170	Glimepirid + metformin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	Xếp hạng 2
171	Griseofulvin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 3
172	Griseofulvin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	Xếp hạng 2
173	Haloperidol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	Xếp hạng 2
174	Huyết thanh kháng nọc rắn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	Xếp hạng 2
175	Huyết thanh kháng nọc rắn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	Xếp hạng 2
176	Huyết thanh kháng	CÔNG TY CỔ PHẦN	0300483319	Xếp hạng 2

	uốn ván	DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA		
177	Hydroclorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	Xếp hạng 2
178	Irinotecan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Xếp hạng 2
179	Irinotecan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 2
180	Ketorolac	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	Xếp hạng 2
181	Lacidipin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	3600510960	Xếp hạng 2
182	Lacidipin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG VŨ	6000371421	Xếp hạng 3
183	Levomepromazin	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyên	6000460086	Xếp hạng 2
184	Linezolid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	Xếp hạng 2
185	Losartan	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	Xếp hạng 2
186	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	Không đạt kỹ thuật do không đạt hàm lượng theo yêu cầu của E-HSMT
187	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Không đạt kỹ thuật do không đạt hàm lượng theo yêu cầu của E-HSMT
188	Mebendazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUẢNG NAM	4001095555	Xếp hạng 2
189	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 5
190	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	Xếp hạng 3

191	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SEN VIỆT NAM	0108092479	Xếp hạng 2
192	Metformin + Glibenclamid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	Xếp hạng 4
193	Methyldopa	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	Xếp hạng 3
194	Methyldopa	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
195	Mirtazapin	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	Xếp hạng 3
196	Mirtazapin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	Xếp hạng 2
197	Mometason furoat	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	Xếp hạng 2
198	Moxifloxacin + dexamethason	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	Xếp hạng 2
199	N-acetylcystein	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 2
200	N-acetylcystein	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	0315711984	Xếp hạng 2
201	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	Xếp hạng 3
202	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3 (đã đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3)	0400102077	Xếp hạng 2
203	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 2
204	Natri clorid + natri lactat + kali clorid + calcium clorid + glucose (Ringer	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	Không đạt kỹ thuật do không đạt nồng độ theo yêu cầu của E-HSMT

	lactat + glucose)			
205	Nước cất pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
206	Nước cất pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	Xếp hạng 3
207	Nystatin + neomycin + polymyxin B	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮKLẮK	6000449389	Không đạt tài chính do giá dự thầu vượt giá kế hoạch
208	Ofloxacin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	Xếp hạng 2
209	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Xếp hạng 2
210	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 3
211	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	Xếp hạng 3
212	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	Xếp hạng 2
213	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 2
214	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 3
215	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	3100137028	Xếp hạng 2
216	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	0301329486	Xếp hạng 2
217	Paracetamol + tramadol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	0314033736	Xếp hạng 2
218	Perindopril	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM	0313142700	Xếp hạng 3
219	Perindopril	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	0315579158	Xếp hạng 2

220	Perindopril + indapamid	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT	0500465187	Xếp hạng 3
221	Perindopril + indapamid	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ	0104628198	Xếp hạng 2
222	Piracetam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	Không đạt kỹ thuật do không đạt dạng bào chế theo yêu cầu của E- HSMT
223	Povidon iodin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	3100137028	Xếp hạng 2
224	Ramipril	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	Xếp hạng 5
225	Ramipril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	Xếp hạng 4
226	Ramipril	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG	0313832648	Xếp hạng 6
227	Ramipril	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	0109035096	Xếp hạng 2
228	Ramipril	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	Xếp hạng 3
229	Salbutamol sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	Xếp hạng 2
230	Salicylic acid + betamethason dipropionat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 2
231	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐỨC GIANG	0312897850	Xếp hạng 2
232	Sitagliptin	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	Xếp hạng 2
233	Spiramycin + metronidazol	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM	1600699279	Xếp hạng 2

		AGIMEXPHARM		
234	Spiramycin + metronidazol	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	Xếp hạng 4
235	Spiramycin + metronidazol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	Xếp hạng 3
236	Sucralfat	CÔNG TY CỔ PHẦN TABIPHAR VIỆT NAM	0106639822	Xếp hạng 2
237	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyên	6000460086	Xếp hạng 2
238	Sulfamethoxazol + trimethoprim	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	Xếp hạng 2
239	Tacrolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	3100137028	Xếp hạng 4
240	Tacrolimus	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	Xếp hạng 3
241	Tacrolimus	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC	0107852007	Xếp hạng 5
242	Tacrolimus	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	0104628582	Xếp hạng 2
243	Tacrolimus	Công ty TNHH Misasu Việt Nam	0315999762	Xếp hạng 6
244	Tetracyclin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	3100137028	Xếp hạng 2
245	Valsartan + hydroclorothiazid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	Xếp hạng 2
246	Vancomycin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
247	Vitamin A	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	6100100009	Xếp hạng 2
248	Vitamin B1 + B6 + B12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	3300101406	Xếp hạng 2
249	Vitamin B1 + B6 +	CÔNG TY CỔ PHẦN	0104300865	Xếp hạng 3

	B12	DƯỢC PHẨM AN NGUYÊN		
250	Vitamin C	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT	0500465187	Xếp hạng 2
251	Vitamin D3	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	0401401489	Xếp hạng 2
252	Amlodipin + telmisartan	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARMA	0401906955	Xếp hạng 2
253	Clotrimazol	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	Xếp hạng 2
254	Doripenem	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG PHÚC AN	0316277551	Xếp hạng 3
255	Doripenem	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM	0314294752	Xếp hạng 2
256	Pralidoxim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	6000706406	Xếp hạng 2
257	Propofol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Xếp hạng 2
258	Sevofluran	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	Không đạt kỹ thuật do không đạt dạng bào chế theo yêu cầu của E- HSMT

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

STT	Mã phần (lô)	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất / Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Tên cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
1	PP2400	G00001	Tanganil	Acetyl	500 mg/	Tiêm	Dung	Hộp 5	1	60 tháng	300110	Haupt	Pháp	Ống	14.000	15.600	218.400.	Trong

	518743		500 mg/5ml	leucine	5ml		dịch tiêm tĩnh mạch	ống x 5ml		g	436523	Pharma					000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
2	PP2400518744	G00002	Acer algin 400 mg	Acic lovir	400 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	60 tháng	GC-315-19	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	77.440	8.000	619.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
3	PP2400518746	G00004	Acer algin 800 mg	Acic lovir	800 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	60 tháng	GC-316-19	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	72.800	12.000	873.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

4	PP2400518747	G0005	Aminic	Acid amin	10%/200ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	1	36 tháng	VN-22857-21	AY Pharmaceuticals Co., LTd	Nhật Bản	Túi	5.810	105.000	610.050.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
5	PP2400518748	G0006	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Acid amin	10%/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	1	36 tháng	VN-18160-14	B. Braun Melsungen AG	Germany	Chai	17.010	162.225	2.759.447.250	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
6	PP2400518749	G0007	Aminoplasmal B.Braun 5% E	Acid amin + điện giải	5%/250ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 250ml	1	24 tháng	VN-18161-14	B. Braun Melsungen AG	Germany	Chai	9.720	72.000	699.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
7	PP2400518750	G00008	Nutriflex Peri	Acid amin + glucose + điện giải	(40g +80g) /1000ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 Túi x 1000ml	1	24 tháng	VN-18157-14	B. Braun Medical AG	Switzerland	Túi	1.260	404.670	509.884.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
8	PP2400518751	G00009	Nutriflex Lipid Peri	Acid amin + glucose + lipid + điện giải	(40g +80g +50g)/ 1250ml	Tiêm truyền	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 5 túi x 1250ml (túi chia 3 ngăn)	1	12 tháng	VN-19792-16	B. Braun Melsungen AG	Germany	Túi	560	840.000	470.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
9	PP2400518752	G00010	Albunorm 20%	Human Albumin	10g/50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 50ml	1	36 tháng	400410646324 (QLSP-1129-18)	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH	Germany	Lọ	10.540	758.500	7.994.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
10	PP2400518755	G0013	Drenoxol	Ambroxol hydrochlorid	30mg/10ml	Uống	Siro uống	Hộp 20 ống 10ml	1	30 tháng	VN-21986-19	Laboratórios Vitória, S.A	Bồ Đào Nha	Ống	354.908	8.860	3.144.484.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
11	PP2400518758	G0016	Amiodarona GP	Amiodaron hydroclorid	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-23269-22	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A	Portugal	Viên	12.800	6.629	84.851.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
12	PP2400518759	G0017	Amlodipine Stella 10 mg	Amlodipin	10mg	Uống	viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	8931103899 23	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	917.800	640	587.392.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
13	PP2400518760	G0018	Amlodipine/ Atorvastatin Normon 5mg/10mg film coated tablets	Amlodipin + atorvastatin	5mg +10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	1	24 tháng	840110183223	Laboratorios Normon , S.A. .	Spain	Viên	394.400	8.270	3.261.688.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
14	PP2400518761	G0019	NATRIXAM 1.5 MG/5MG	Amlodipine + Indapamide	5mg + 1,5 mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Hộp 6 vỉ x 5 viên	1	24 tháng	300110029823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	222.760	4.987	1.110.904.120	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
15	PP2400518762	G0020	TRIPLIXAM 5MG/1.25MG/5MG	Amlodipine + Indapamide + Perindopril arginine	5mg +1,25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	24 tháng	VN3-11-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	179.760	8.557	1.538.206.320	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
16	PP2400518763	G0021	Lisonorm	Amlodipine + Lisinopril	5mg +10 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-22644-20	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	165.800	6.100	1.011.380.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
17	PP2400518764	G0022	Vcard-Am 80 + 5	Amlodipine + Valsartan	5mg + 80 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	1	36 tháng	520110976124	Elpen Pharmaceutical Co., Inc.	Greece	Viên	431.200	8.800	3.794.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
18	PP2400518765	G0023	Moxilen 500 mg	Amoxicilin	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	529110030523 (VN-17099-13)	Medochemie Ltd - Factory B	Cyprus	Viên	900.000	2.338	2.104.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
19	PP2400518766	G0024	Pharmox IMP 250mg	Amoxicilin	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1g	1	24 tháng	VD-31725-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	232.240	4.950	1.149.588.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
20	PP2400518767	G0025	Camicin 1.5g	Ampicilin + sulbactam	1g + 500mg	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	1	36 tháng	800110348624	Mitim s.r.l.	Italy	Lọ	42.700	61.851	2.641.037.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
21	PP2400518	G0026	Atosiban Phar	Atosiban	37,5mg/5ml	Tiêm truy	Dung dịch	Hộp 1 lọ x	1	36 tháng	475110007	Sia Pharmid	Latvia	Lọ	48	1.790.000	85.920.000	Trong vòng

	768		mideа 37.5mg/5ml			ền tĩnh mạch	đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	5ml			024 (VN-21218-18)	ea					24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
22	PP2400518769	G00027	Aubein 25mg/2.5ml solution for injection/ infusion	Atracurium besylat	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 5 ống x 2,5ml	1	24 tháng	858114126424	Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm: HBM Pharma S.R.O. ; Cơ sở xuất xưởng: Joint Stock Company "Kalceks"	Sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm: Slovakia ; Xuất xưởng: Latvia	Ống	2.698	46.000	124.108.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
23	PP2400518770	G00028	Zitromax	Azithromycin	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp, 1 lọ 600mg/15ml	1	24 tháng	VN-21930-19	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Lọ	7.790	115.988	903.546.520	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng

																		có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
24	PP2400518771	G0029	Betaserc 24mg	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	300110779724 (VN-21651-19)	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	335.000	5.962	1.997.270.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
25	PP2400518772	G0030	Asstamid	Bicalutamid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	1	36 tháng	VN2-627-17 (8401140881 23)	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Viên	2.880	30.000	86.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
26	PP2400518773	G0031	Bisoprolol 2,5 mg	Bisoprolol fumarat	2,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1	24 tháng	VN-21087-18	Lek S.A	Ba Lan	Viên	115.310	684	78.872.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày

																		hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
27	PP2400518774	G0032	Biso plus HCT 5/12.5	Bisoprolol fumarat + hydroclorothiazid	5mg +12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, hộp 4 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên	1	36 tháng	893110049223 (VD-18530-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	145.760	2.400	349.824.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
28	PP2400518775	G0033	Combigan	Brimonidine tartrate + Timolol	2mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	21 tháng	539110074923	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Lọ	220	183.514	40.373.080	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
29	PP2400518776	G0034	Azopt	Brinzolamide	10mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	24 tháng	VN-21090-18	Alcon Research, LLC	Mỹ	Lọ	292	116.700	34.076.400	Trong vòng 24 tháng kể

																		từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
30	PP2400518777	G0035	Pulmicort Respules	Budesonid	1mg/2ml	Hít/ Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	1	24 tháng	VN-21666-19	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Ống	32.220	24.906	802.471.320	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
31	PP2400518778	G0036	Symbicort Rapihaler	Budesonid + Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Dạng hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	1	24 tháng	VN-21667-19	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	Bình	10.340	434.000	4.487.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
32	PP2400	G0037	Symbicort	Budesoni	Mỗi liều	Hít/ Dạn	Thuốc	Hộp 1	1	24 thán	VN-2037	AstraZen	Thụy	Ống	6.920	219.000	1.515.48	Trong

	518779		Turbuhaler	d +Formoterol fumarate dihydrate	phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5 mcg	g hít	bột để hít	ống hít 60 liều		g	9-17	ecaAB	Điển				0.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
33	PP2400518780	G0038	Marcaine Spinal Heavy	Bupivacaine hydrochloride	5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tủy sống	Hộp 5 ống x 4ml	1	36 tháng	300114001824	Cenexi	Pháp	Ống	11.140	41.600	463.424.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
34	PP2400518781	G0039	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	Bupivacaine hydrochloride	5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ, thủy tinh, chứa 20ml dung dịch thuốc	1	36 tháng	VN-19692-16	Cơ sở sản xuất: Delpharm Tours Cơ sở xuất xưởng: Laboratoire	Cơ sở sản xuất: Pháp Cơ sở xuất xưởng: Pháp	Lọ	2.160	49.450	106.812.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/1

												Aguettant						2/2026
35	PP2400518782	G00040	Candekern 16mg Tablet	Candesartan cilexetil	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 14 viên	1	24 tháng	840110007724	Kern Pharma S.L	Spain	Viên	88.800	6.720	596.736.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
36	PP2400518783	G00041	Candesartan BluePharma	Candesartan cilexetil	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	1	24 tháng	560110002624 (VN-20392-17)	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A (Fab.Coimbra)	Bồ Đào Nha	Viên	957.200	4.540	4.345.688.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
37	PP2400518784	G00042	Ginkor Fort	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	VN-16802-13	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Viên	143.320	3.730	534.583.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
38	PP2400518785	G0043	Duratocin	Carbetocin	100 mcg/1ml	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 5 lọ x 1ml	1	36 tháng	VN-19945-16	Cơ sở sản xuất: Ferring GmbH Cơ sở đóng gói: Ferring International Center S.A.	Cơ sở sản xuất: Đức Cơ sở đóng gói: Thụy Sĩ	Lọ	3.708	343.000	1.271.844.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
39	PP2400518786	G0044	Liposic Eye Gel	Carbomer	0,2% (2mg/g)	Nhỏ mắt	Gel tra mắt	Hộp/1 tuýp 10g	1	36 tháng	VN-15471-12	Dr. Gerhard Mann Chem.-Pharm. Fabrik GmbH	Đức	Tuýp	2.300	65.000	149.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
40	PP2400518787	G0045	Karvidil 12,5mg	Carvedilol	12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	VN-22552-20	JSC "Grindeks"	Latvia	Viên	563.000	1.750	985.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
41	PP2400518788	G0046	Cefoxitine Gerda 2g	Cefoxitin	2g	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	1	24 tháng	840110989124 (VN-20446-17)	LDP Laboratorios Torlan SA	Spain	Lọ	37.600	226.000	8.497.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
42	PP2400518789	G0047	Cefoxitin 1000	Cefoxitin	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ bột, hộp 10 lọ bột	1	24 tháng	893110278524	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	138.300	105.000	14.521.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
43	PP2400518791	G0049	Medaxetine 500mg	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-22658-20	Medochemie Ltd - Factory C	Cyprus	Viên	166.800	17.400	2.902.320.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
44	PP2400518792	G00050	Bluecezine	Cetirizin dihydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-20660-17	Bluepharma-Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Coimbra)	Bồ Đào Nha	Viên	189.000	4.000	756.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
45	PP2400518793	G00051	Gliatilin	Choline Alfoscerate	1000mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 4ml	1	60 tháng	VN-13244-11	Italfarmaco SPA	Ý	Ống	7.200	69.300	498.960.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
46	PP2400518794	G00052	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 túi PE 100ml	1	24 tháng	590115079823	Pharmaceutical Works Polpharma	Ba Lan	Túi	9.402	33.600	315.907.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												S.A.						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
47	PP2400518795	G0053	Ciprobid	Ciprofloxacin	400mg/200ml	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 túi nhôm x 1 túi truyền PVC x 200ml	1	24 tháng	VN-20938-18	S.C. Infomed Fluids S.R.L	Romania	Túi	21.400	39.000	834.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
48	PP2400518796	G0054	Remeclar 250	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 07 viên	1	36 tháng	529110769724	Remedica Ltd.	Cyprus	Viên	107.500	8.280	890.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
49	PP2400518797	G0055	Neo-Codion	Codein camphosulfonat + Sulf	25mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 2 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	3001110822223 (VN-18966-1	Sophartex	Pháp	Viên	124.680	3.585	446.977.800	Trong vòng 24 tháng kể từ

				ogaiacol + Caomềm Grindelia							5)							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
50	PP2400518798	G0056	Colchicine Capel 1mg	Colchicine	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên	1	36 tháng	VN-22201-19	Zentiva SA	Romania	Viên	108.000	5.400	583.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
51	PP2400518800	G0058	Endoxan	Cyclophosphamide	500mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	1	36 tháng	VN-16582-13	Baxter Oncology GmbH	Đức	Lọ	360	133.230	47.962.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
52	PP2400518801	G0059	Forxiga	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	VN3-37-18	CSSX: AstraZeneca	CSSX: Mỹ, CSĐG và	Viên	100.000	19.000	1.900.000.000	Trong vòng 24 thán

												Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	xuất xưởng lô: Anh					g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
53	PP2400518803	G0061	Tadaritin	Desloratadin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 12 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	840110984024 (VN-16644-13)	Neuraxpharm Pharmaceuticals, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	195.960	4.950	970.002.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
54	PP2400518804	G0062	Nocutil 0.1 mg tablets	Desmopressin acetat	0,1 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	24 tháng	VN-22958-21	Gebro Pharma GmbH	Áo	Viên	6.800	18.480	125.664.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
55	PP2400518	G0063	Seduxen 5	Diazepam	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x	1	60 tháng	5991120279 23	Gedeon Richt	Hungary	Viên	128.180	1.260	161.506.800	Trong vòng

	805		mg					10 viên			(VN-19162-15)	ter Plc.					24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
56	PP2400518807	G00065	Elaria	Diclofenac Natri	75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống	1	36 tháng	VN-16829-13	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	58.200	9.900	576.180.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
57	PP2400518808	G00066	Digoxin/ Anfarm	Digoxin	0,5mg/ 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 2ml	1	36 tháng	5201105187 24 (VN-21737-19)	Anfarm hellas S.A.	Hy Lạp	Ống	490	27.250	13.352.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
58	PP2	G00	Sme	Dios	3g	Uốn	Bột	Hộp	1	36	VN-	Beau	Phá	Gói	112.	4.08	458.	Tron

	400518810	68	cta	mectite		g	pha hỗn dịch uống	30 gói (mỗi gói 3.76 g)		tháng	19485-15	four Ipsen Industrie	p		420	1	786.020	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
59	PP2400518811	G0069	Phlebodia	Diosmin	600 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1	60 tháng	300110025223 (VN-18867-15)	Innothera Chouzy	Pháp	Viên	28.400	6.816	193.574.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
60	PP2400518812	G0070	DAFLON 1000MG	Diosmin + Hesperidin	900 mg + 100 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	48 tháng	300100088823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	206.700	7.694	1.590.349.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

61	PP2400518813	G0071	Vein Plus	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1	36 tháng	5201004241 23	Help S.A.	Greece	Viên	136.100	3.200	435.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
62	PP2400518814	G0072	Docetaxel "Ebewe"	Docetaxel	10mg/ml x 2ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 2ml	1	24 tháng	VN-17425-13	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	480	313.890	150.667.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
63	PP2400518815	G0073	Docetaxel "Ebewe"	Docetaxel	10mg/ml x 8ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 8 ml	1	24 tháng	VN-17425-13	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	240	668.439	160.425.360	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
64	PP2400518818	G0076	Dopamine Renaudin 40mg/ml	Dopamin hydroclorid	200mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 5ml	1	36 tháng	300110348224	Laboratoire Renaudin	Pháp	Ống	7.872	45.000	354.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
65	PP2400518819	G0077	Doxorubicin "Ebewe"	Doxorubicin Hydroclorid	2mg/ml x 5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 5ml	1	24 tháng	VN-17426-13	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	1.200	115.432	138.518.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
66	PP2400518820	G0078	Doxorubicin "Ebewe"	Doxorubicin Hydroclorid	2mg/ml x 25ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 25ml	1	24 tháng	VN-17426-13	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	1.200	380.640	456.768.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
67	PP2400518822	G00080	Prismasol B0	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Khoang A: Mỗi 1000 ml chứa: Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat: 2,033g; Acid lactic 5,4g. Khoang B: Mỗi 1000 ml chứa: Sodium clorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dun	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu	Thùng 2 túi, mỗi túi gồm 2 khoang (khoang A 250ml và khoang B 4750ml)	1	18 tháng	VN-21678-19	Bieffe Medital S.p.A	Ý	Túi	120	700.000	84.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

					g dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa : Calcium 1,75mmol/l, Magnesium 0,5 mmol/l, Sodium 140 mmol/l, clorid 109 .5mmol/l, Lactat 3mmol/l, hydrogen carbonat 32mmol/l.													
68	PP2400518823	G0081	Duphaston	Dydrogesteron	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 20 viên	1	60 tháng	8701100674 23	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Viên	19.400	8.888	172.427.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
69	PP2400518824	G0082	Ebastine Normon 10mg Orodispersible Tablets	Ebastin	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-22104-19	Laboratorios Normon S.A.	Tây Ban Nha	Viên	196.800	9.900	1.948.320.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
70	PP2400518825	G0083	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN2-606-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	16.000	26.533	424.528.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
71	PP2400518826	G0084	Enap H 10mg/25mg	Enalapril maleate + Hydrochlorothiazide	10mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	383110139323	KRKA, d.d, Novo Mesto	Slovenia	Viên	462.200	5.820	2.690.004.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
72	PP2400518827	G0085	Gemapaxane	Enoxaparin natri	6000 IU/0,6ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	1	24 tháng	800410092023	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	6.350	95.000	603.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
73	PP2400518828	G0086	Gemapaxane	Enoxaparin natri	4000 IU/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	1	24 tháng	800410092123	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	1.840	70.000	128.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
74	PP2400518829	G0087	Ephedrine Aguettant 30mg/ml	Ephedrin hydroclorid	30mg/ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 01ml	1	36 tháng	VN-19221-15	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	7.890	57.750	455.647.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
75	PP2400518830	G0088	Ephedrine Aguettant 30mg/10ml	Ephedrin hydroclorid	30mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	1	24 tháng	3001130296 23 (VN-20793-17)	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	2.340	87.150	203.931.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
76	PP2400518832	G0090	Nexium	Esomeprazol	10mg	Uống	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Hộp 28 gói	1	36 tháng	VN-17834-14	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Gói	37.600	22.456	844.345.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
77	PP2400518834	G0092	Etomidate Lipuro	Etomidat	20mg	Tiêm	Nhũ tương tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	1	14 tháng	4001109845 24 (VN-22231-1	B. Braun Melsungen AG	Germany	Ống	2.994	120.000	359.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

											9)							ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
78	PP2400518835	G0093	Etoricoxib Teva 90mg	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	1	36 tháng	599110765624	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Viên	546.600	10.350	5.657.310.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
79	PP2400518836	G0094	Etoricoxib Film-Coated Tablets 60mg/Tab	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	520110353824	Rontis Hellas Medical And Pharmaceutical Products S.A.	Hy Lạp	Viên	178.400	12.168	2.170.771.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
80	PP2400518838	G0096	Fenosup Lidose	Fenofibrate	160 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	540110076523	SMB Technology	Bỉ	Viên	130.200	5.800	755.160.000	Trong vòng 24 thán

							dạng Lidose					S.A						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
81	PP2400518839	G0097	Berodual	Ipratropium bromide khan + Fenoterol Hydrobromide	0,02 mg/nhát xịt + 0,05 mg/nhát xịt	Xịt họng	Dung dịch khí dung	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	1	24 tháng	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Bình	12.684	132.323	1.678.384.932	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
82	PP2400518842	G0100	Fluconа-Denk 150	Fluconazole	150 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 1 viên	1	36 tháng	400110351824	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Germany	Viên	5.000	22.400	112.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
83	PP2400518	G0101	Fluovein	Fluconazol	200 mg/100	Tiêm truy	Dung dịch	Hộp 1 Chai	1	36 tháng	520110767	Cooper S.A.	Hy Lạp	Chai	980	185.000	181.300.000	Trong vòng

	843				ml	ền	tiêm truyền	x 100 ml			824	Pharmaceuticals						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
84	PP2400518846	G01 04	Solufos	Fosfomycin	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 chai 24 viên	1	48 tháng	VN-22523-20	Cơ sở đóng gói : Edefarm , S.L ; Cơ sở sản xuất : Toll Manufacturing Services ,S.L	Tây Ban Nha	Viên	12.000	19.000	228.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
85	PP2400518848	G01 06	Tebantin 300 mg	Gabapentin	300 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	VN-17714-14	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Viên	76.000	5.000	380.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

86	PP2400518849	G0107	Gadovist	Gadobutrol	604,72mg tương đương 1mmol/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 Bơm tiêm chứa 5ml thuốc	1	36 tháng	VN-22297-19	Bayer AG	Đức	Bơm tiêm	240	546.000	131.040.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
87	PP2400518850	G0108	Dotarem	Acid gadoteric	27,932g/100mL	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 10ml	1	36 tháng	VN-23274-22	Guerbet	Pháp	Lọ	740	572.000	423.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
88	PP2400518852	G0110	Gemcitabin "Ebewe"	Gemcitabin	10mg/ml x 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 100ml	1	24 tháng	VN-20826-17	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	480	444.000	213.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
89	PP2400518853	G0111	Bilomag	Cao khô lá bạch quả đã chuẩn hóa [Ginkgonis extractum siccum raffinatum et quantificatum] (39,6 - 49,5 :1)	80mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp chứa 6 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-19716-16	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o	Ba Lan	Viên	64.000	6.800	435.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
90	PP2400518854	G0112	Gliclada 60mg modified-release tablets	Gliclazid	60mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 4 vỉ x 15 viên, Hộp 8 vỉ x 15 viên	1	36 tháng	383110130824 (VN-21712-19)	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	1.214.700	4.830	5.867.001.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
91	PP2400518855	G0113	Goldicron	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Hộp 5 vỉ x 20 viên	1	36 tháng	800110402523	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm	Italy	Viên	240.000	2.650	636.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày

												: Valpharma International S.P.A (Cơ sở xuất xưởng lô: Lamp San Prospero SPA (Địa chỉ: Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy))						hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
92	PP2400518856	G0114	Glimepiride Denk 2	Glimepiride	2mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	48 tháng	400110351924	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Germany	Viên	149.220	1.635	243.974.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
93	PP2400518	G0116	Nitromint	Chai 10g chứa	0,08g	Phun mù	Thuốc phun	Hộp 1 chai	1	36 tháng	VN-20270-17	Egis Pharmace	Hungary	Chai	152	164.700	25.034.400	Trong vòng

	858			: Glyceryl trinitrate (dưới dạng dung dịch 1% trong cồn)			mù	x 10g				utica ls Private Limited Company						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
94	PP2400518859	G01117	Heparine Sodique Panpharma 5000 U.I./ml	Heparin (natri)	25.000UI	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	1	60 tháng	VN-15617-12	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Đức	Lọ	33.368	224.200	7.481.105.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
95	PP2400518860	G01118	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 5 vỉ x 20 viên; 1 vỉ x 10 viên; 2 vỉ x 10 viên; 5 vỉ x 10 viên; 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	300100131824	Delpharm Reims	Pháp	Viên	135.180	1.120	151.401.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
96	PP2	G01	Ibup	Ibup	600	Uốn	Viên	Hộp	1	36	893	Côn	Việt	Viên	85.2	2.50	213.	Tron

	400518861	19	rofen Stella 600 mg	rofen	mg	g	nén bao phim	3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên		tháng	110059900 (VD-26564-17)	g ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Nam		00	0	000.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
97	PP2400518863	G0121	Natrilix SR	Indapamide	1,5 mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-22164-19	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	40.400	3.265	131.906.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
98	PP2400518864	G0122	Indocollyre	Indomethacin	0,1 %	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp/ 1 lọ 5ml	1	18 tháng	3001004444423 (VN-12548-11)	Laboratoire Chauvin	Pháp	Lọ	820	68.000	55.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

99	PP2400518865	G01123	Tresiba Flextouch 100 U/ml	Insulin degludec	10,98mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	1	30 tháng	QLSP-930-16	Cơ sở sản xuất: Novo Nordisk A/S (Địa chỉ: Novo Alle 1, DK-2880 Bagsvaerd, Đan Mạch) Cơ sở lắp ráp, dán nhãn và đóng gói thứ cấp: Novo Nordisk A/S (Địa chỉ: Brennum Park 1, DK-3400 Hilleroed, Đan Mạch)	Đan Mạch	Bút tiêm	3.280	320.624	1.051.646.720	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
100	PP2400	G01124	Apidra	Insulin	300 đơn	Tiêm	Dung	Hộp 5	1	24 thán	400410	Sanofi-	Đức	Bút tiêm	9.680	200.000	1.936.00	Trong

	518866		Solostar	glulisine	vị/3ml	dưới da	dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	bút tiêm x 3ml		g	091023	Aventis Deutschland GmbH					0.000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
101	PP2400518867	G01125	NovoMix 30 FlexPen	Insulin analog trộn, hỗn hợp	100U/1ml (30/70 (tương đương 3,5 mg))	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml (15 kim kèm theo)	1	24 tháng	QLSP-1034-17	Novo Nordisk Production SAS	Pháp	Bút tiêm	40.660	200.508	8.152.655.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
102	PP2400518868	G01126	Ryzodeg FlexTouch 100U/ml	Insulin degludec + Insulin aspart	(7,68mg + 3,15 mg)/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	1	30 tháng	570410109324	Cơ sở sản xuất: Novo Nordisk A/S (Địa chỉ: Novo Alle 1, DK-2880 Bagsvaer	Đan Mạch	Bút tiêm	3.280	411.249	1.348.896.720	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

												d, Đan Mạch) Cơ sở đóng gói thứ cấp: Novo Nordisk A/S (Địa chỉ: Brennum Park 1, DK-3400 Hilleroed, Đan Mạch)						
103	PP2400518869	G0127	Scilin R	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	40UI/1ml, 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 01 lọ x 10ml	1	36 tháng	QLSP-0650-13	Bioton S.A	Poland	Lọ	4.280	104.000	445.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
104	PP2400518870	G0128	Humulin 30/70 Kwikpen	Insulin người (30% insulin	300 IU/3ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x	1	36 tháng	QLSP-1089-18	Lilly France	Pháp	Bút tiêm	56.340	105.800	5.960.772.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày

				hòa tan + 70% insulin isophan)				3ml (15 kim kèm theo)										hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
105	PP2400518871	G0129	Polhumin Mix-2	Insulin người sinh tổng hợp tinh khiết, gồm 2 phần insulin hòa tan và 8 phần insulin isophan 100IU/ml	Insulin người sinh tổng hợp tinh khiết, gồm 2 phần insulin hòa tan và 8 phần insulin isophan 100IU/ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 ống x 3ml	1	36 tháng	QLSP-1112-18	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Ba Lan	Ống	30.230	151.000	4.564.730.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
106	PP2400518872	G0130	Scilin M30 (30/70)	Insulin người trộn, hỗn hợp	(30/70): 40UI/1ml, 10ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 01 lọ x 10ml	1	36 tháng	QLSP-0648-13	Biotonn S.A	Poland	Lọ	28.476	104.000	2.961.504.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
107	PP2400518874	G0132	Omnipaque	Iohexol	647 mg/ml tương đương Iod 300 mg/ml x 100 ml	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạc/ các khoang của cơ thể)	Dung dịch tiêm	Hộp 10 chai 100 ml	1	36 tháng	539110067223	GE Healthcare Ireland Limited	Ireland	Chai	4.480	433.310	1.941.228.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
108	PP2400518875	G0133	CORYCARDON	Irbesartan + hydroclorothiazid	150 mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	VN-22389-19	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Síp	Viên	6.000	3.040	18.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
109	PP2400518876	G0134	Nadecin 10mg	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-17014-13	S.C. Arena Group S.A	Romania	Viên	39.220	2.600	101.972.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
110	PP2400518877	G01135	Itomed	Itopride hydrochloride	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên. Hộp 2 vỉ, 6 vỉ x 15 viên	1	36 tháng	VN-23045-22	Pro.Med.CS Praha a.s	Czech Republic	Viên	32.100	4.455	143.005.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
111	PP2400518878	G01136	Bixebra 7.5 mg	Ivabradin	7,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	VN-22878-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	39.400	9.360	368.784.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
112	PP2400518879	G01137	Medfari 5	Ivabradin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	840110185223	Laboratorios Normon, S.A	Spain	Viên	7.800	7.050	54.990.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
113	PP2400518881	G0139	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	Potassium chloride	1g/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 50 ống 10ml	1	36 tháng	3001100768 23	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	8.900	5.500	48.950.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
114	PP2400518882	G0140	Kalium chloratum biomedica	Kaliclorid	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-14110-11	Biomedica, spol. s.r.o	Cộng hòa Séc	Viên	90.500	1.785	161.542.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
115	PP2400518884	G0142	Fastum Gel	Ketoprofen	2,5g/100g, 30g	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	1 tuýp 30g/hộp	1	60 tháng	VN-12132-11	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Tuýp	8.070	49.833	402.152.310	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
116	PP2400518885	G0143	Kevindol	Ketorolac	30mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 3 ống 1ml	1	24 tháng	800110990124 (VN-22103-19)	Esseti Farmaceutici S.r.l	Ý	Ống	54.400	35.000	1.904.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
117	PP2400518886	G0144	Lacikez 4mg	Lacidipin	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 8 vỉ x 7 viên	1	24 tháng	590110425823	BIOFARM Sp. z o.o.	Ba Lan	Viên	344.000	6.480	2.229.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
118	PP2400518888	G0146	Gastevin 30mg	Lansoprazol	30mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 14 viên	1	36 tháng	VN-18275-14	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	1.388.700	9.500	13.192.650.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
119	PP2400518889	G0147	Scolanzo	Lansoprazol	15mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 7 viên	1	24 tháng	VN-21360-18	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	103.440	4.990	516.165.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
120	PP2400518890	G0148	Lercatop 10mg	Lercanidipin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	380110402423 (VN-20717-17)	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	Viên	273.600	8.090	2.213.424.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
121	PP2400518891	G0149	Femaplex	Letrozol	2,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	520114771124	Genepharm SA	Hy Lạp	Viên	2.160	16.290	35.186.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
122	PP2400518892	G01150	Matever	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	520110011124 (VN-19824-16)	Pharmathen S.A	Greece	Viên	29.320	14.175	415.611.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
123	PP2400518893	G01151	Lertazin 5mg	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	383100781724 (VN-17199-13)	KRKA, d. d., Novo mesto	Slovenia	Viên	446.600	3.710	1.656.886.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
124	PP2400518894	G01152	Goldvoxin	Levofloxacin	250mg/50ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch truyền tĩnh mạc	Hộp x10 túi nhôm x1 túi	1	36 tháng	VN-19111-15	Info RLife SA	Thụy Sỹ	Túi	7.320	89.400	654.408.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

							h	truyền PVC 50ml										ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
125	PP2400518896	G01154	Levogolds	Levofloxacin	750mg/150ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi nhôm chứa 1 túi truyền PVC chứa 150ml dung dịch truyền tĩnh mạch	1	36 tháng	VN-18523-14	Info RLife SA	Thụy Sỹ	Túi	11.800	250.000	2.950.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
126	PP2400518897	G01155	Tisercin	Levomepromazin	25mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp/1 lọ 50 viên	1	60 tháng	599110027023 (VN-19943-16)	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Viên	40.000	1.449	57.960.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
127	PP2400518	G01156	Berlthyrox	Levothyroxin	100 mcg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 25	1	24 tháng	VN-10763-10	Berlin Chem	Đức	Viên	115.600	720	83.232.000	Trong vòng

	898		100	(muối natri)				viên nén				ie AG						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
128	PP2400518900	G01158	Emla	Lidocain + Prilocain	(125mg + 125mg)/5g	Bôi ngoài da	Kem bôi	Hộp 5 tuýp 5g	1	36 tháng	VN-19787-16	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Tuýp	72	44.545	3.207.240	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
129	PP2400518901	G01159	Lidocain	Lidocaine	3,8g (dưới dạng dung dịch 10% trong cồn)	Phun mù	Thuốc phun mù	Hộp 1 Lọ x 38 gam	1	36 tháng	599110011924 (VN-20499-17)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Lọ	2.034	159.000	323.406.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
13	PP2	G01	Line	Line	2mg	Tiêm	Dun	Hộp	1	24	VN-	Phar	Ba	Túi	3.00	122.	366.	Tron

0	400518902	60	zolid	zolid	/ml	truyền tĩnh mạch	g dịch tiêm truyền	1 túi 300 ml		tháng	22979-21	macetucal Works Polpharma S.A.	Lan		0	000	000.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
131	PP2400518903	G01061	Lisiplus HCT 10/12.5	Lisinopril ; Hydrochlorothiazide	10mg ; 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VD-17766-12	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharma - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	112.800	3.000	338.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
132	PP2400518904	G01062	LORYTEC 10	Loratadin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-15187-12	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Síp	Viên	70.800	1.750	123.900.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

133	PP2400518905	G01163	Lowsta 20mg	Lovastatin	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	529110030223 (VN-17513-13)	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Viên	600.000	3.486	2.091.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
134	PP2400518906	G01164	Orgametril	Lynestrenol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 30 viên	1	60 tháng	VN-21209-18	N.V. Organon	Hà Lan	Viên	10.260	2.360	24.213.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
135	PP2400518908	G01166	Metformin 500	Metformin Hydrochlorid 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-20289-17	Lek S.A	Ba Lan	Viên	162.400	700	113.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
136	PP2400518909	G01167	Methylergometrine Maleate injection 0,2mg - 1ml	Methylergometrin malеat	0,2mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	1	48 tháng	400110000700 (VN-21836-19)	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Đức	Ống	17.050	20.600	351.230.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
137	PP2400518910	G01168	Depo-Medrol	Mỗi ml chứa: Methylprednisolon acetat	40mg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	1	36 tháng	VN-22448-19	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Belgium	Lọ	4.400	34.670	152.548.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
138	PP2400518911	G01169	Solu-Medrol	Methylprednisolon	125mg	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột vô khuẩn pha tiêm	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	1	36 tháng	VN-15107-12	Pharmacia & Upjohn Company LLC	Mỹ	Lọ	13.200	75.710	999.372.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
139	PP2400518912	G01170	Dopegyt	Methyldopa	250 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	60 tháng	VN-13124-11	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	99.800	2.400	239.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
140	PP2400518913	G01171	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol succinat	47,5 mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	730110022123	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	89.000	5.490	488.610.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
141	PP2400518914	G01172	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol succinat	23,75mg (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	112.600	4.389	494.201.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

					19,5 mg metoprolol)													ngày 31/12/2026
142	PP2400518915	G0173	Trichopol	Metronidazole	500 mg/100 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 túi 100 ml	1	24 tháng	VN-18045-14	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	Túi	29.460	16.480	485.500.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
143	PP2400518916	G0174	Neo-Tergynan	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500 mg + 65000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	300115082323 (VN-18967-15)	Sophartex	Pháp	Viên	42.160	11.880	500.860.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
144	PP2400518917	G0175	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	5mg/ml	Tiêm, truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	1	36 tháng	400112002224 (VN-21177-18)	B.Braun Melsungen AG	Đức	Ống	44.578	20.100	896.017.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
145	PP2400518918	G0176	Paciflam	Midazolam	5mg/5ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp và trực tràng	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	1	36 tháng	VN-20432-17	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Ống	5.400	29.500	159.300.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
146	PP2400518920	G0178	Fleet Enema	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(19g + 7g)/118ml; 133 ml	Thụt hậu môn/trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Hộp 1 chai 133 ml	1	36 tháng	VN-21175-18	C.B Fleet Company Inc	Mỹ	Chai	800	58.980	47.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
147	PP2400518922	G0180	Tamvelier (cơ sở xuất xưởng: Pharmathen SA,	Moxifloxacin	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	36 tháng	VN-22555-20	Famar A.V.E. Alimos Plant	Hy Lạp	Lọ	14.560	79.275	1.154.244.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

			địa chỉ: Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351, Hy Lạp)															hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
148	PP2400518923	G0181	ACC 200	Acetylcystein	200 mg	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 50 gói	1	24 tháng	VN-19978-16	Sản xuất: Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	Gói	477.660	1.594	761.390.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
149	PP2400518926	G0184	4.2% w/v Sodium Bicarbonate	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4,2% / 250 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai x 250ml; chai thủy tinh 250 ml	1	24 tháng	VN-18586-15	B. Braun Melsungen AG	Germany	Chai	1.200	96.900	116.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
150	PP2400518927	G0185	Sodium Bicarbon	Natri Bicarbon	0,84g/10ml	Tiêm truyền	dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống	1	60 tháng	3001040 2623	Laboratoire Rena	Pháp	Ống	720	24.300	17.496.000	Trong vòng 24

			ate Renaudin 8,4 %	ate			truyền	x 10ml			(VN-17173-13)	udin						tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
151	PP2400518928	G01186	Bloktiene 4mg	Montelukast	4mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 2 vỉ x 14 viên	1	24 tháng	535110067823	Actavis LTD.	Malta	Viên	36.200	6.000	217.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
152	PP2400518929	G01187	KIPELFILM COATED TABS 10 MG	Montelukast	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	1	18 tháng	520110526824	Pharmathen S.A	Greece	Viên	28.000	11.000	308.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
153	PP2400	G01188	Nolet	Nebivolo	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ	1	36 thán	594110	S.C. Antib	Romania	Viên	43.440	6.790	294.957.	Trong

	518930			l				x 10 viên		g	776824	iotice S.A.					600	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
154	PP2400518931	G0189	Polydexa	Mỗi 100ml chứa: Neomycin sulphat + Polymycin B sulphat + Dexamethason natri metasulfobenzoat	Mỗi 100ml chứa: 1g tương đương 650.000 IU + 1.000.000 IU + 0,100g	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	Hộp 1 lọ 10,5 ml	1	24 tháng	VN-22226-19	Pharmaster	Pháp	Lọ	6.320	66.000	417.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
155	PP2400518933	G0191	Smoflipid 20%	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh	(6g + 6g + 5g + 3g)/100 ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 100 ml	1	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	9.358	105.000	982.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

				chế; dầu cá tinh chế														31/12/2026
156	PP2400518935	G0193	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin hydrochlorid	10mg/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	1	24 tháng	3001100295 23	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	6.954	125.000	869.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
157	PP2400518936	G0194	Cordaflex	Nifedipine	20mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1	60 tháng	VN-23124-22	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	286.100	1.450	414.845.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
158	PP2400518937	G0195	Noradrenaline Kalceks 1mg/ml concentrate for solu	Noradrenaline	1mg/1ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Hộp 5 ống, 10 ống x 1ml	1	18 tháng	8581103534 24	Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm: HBM	Sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm: Slovakia; Xuất	Ống	5.546	33.000	183.018.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

			tion for infusion									Pharma S.R.O. ; Cơ sở xuất xưởng: Joint Stock Company "Kalceks"	xưởng: Latvia					đến hết ngày 31/12/2026
159	PP2400518938	G0196	Noradrenaline Base Agguettant 1mg/ml	Noradrenalin base	4mg/4ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch sau khi pha loãng	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 4 ml, ống thủy tinh	1	18 tháng	VN-20000-16	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	10.940	43.075	471.240.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
160	PP2400518939	G0197	Octreotide	Octreotide	0,1mg/ml	Tiêm / Tiêm truyền	Dung dịch tiêm hoặc dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 10 ống 1ml	1	36 tháng	VN-19094-15	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)	Italy	Ống	15.296	97.500	1.491.360.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

161	PP2400518941	G0199	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Ofloxacin	3mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp gồm 1 lọ chứa 5ml	1	24 tháng	400115010324	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Đức	Lọ	7.800	52.900	412.620.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
162	PP2400518942	G0200	Ofloquino 2mg/ml	Ofloxacin	2mg/ml x 100 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 01 túi x 100ml; Hộp 20 túi x 100 ml	1	18 tháng	840115010223	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Tây Ban Nha	Túi	32.600	157.500	5.134.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
163	PP2400518943	G0201	Patanday	Olopatadine hydrochloride	0,2%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 2,5ml	1	24 tháng	VN-13472-11	Alcon Research, LLC.	Mỹ	Chai	1.670	131.099	218.935.330	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
164	PP2400518944	G0202	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Omeprazole	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	Hộp 1 lọ x 28 viên	1	36 tháng	383110781824 (VN-22239-19)	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	591.060	5.859	3.463.020.540	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
165	PP2400518945	G0203	Omeusa	Oxacillin	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	1	24 tháng	VN-20402-17	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	Lọ	20.200	75.000	1.515.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
166	PP2400518946	G0204	Oxaliplatin "Ebewe" 100mg/20ml	Oxaliplatin	100mg/20ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 20ml	1	24 tháng	900114035623	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	480	373.697	179.374.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
167	PP2400518947	G02 05	Oxaliplatin "Ebewe" 50mg/10ml	Oxaliplatin	50mg/10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 10ml	1	24 tháng	VN2-637-17	Fareva Unterach GmbH	Áo	Lọ	960	301.135	289.089.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
168	PP2400518949	G02 07	Oxytocin injection BP 10 Units	Oxytocin	10UI	Tiêm	Dung dịch tiêm / truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	1	36 tháng	400114074223	Panpharma GmbH	Germany	Ống	24.400	11.000	268.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
169	PP2400518950	G02 08	Paclitaxel Actavis	Paclitaxel	260mg/43,33ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 260mg/43,33ml	1	18 tháng	594114421223	S.C Sindan-Pharma S.R.L	Romania	Lọ	360	1.470.000	529.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
170	PP2400518953	G0211	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500 mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	60 tháng	VD-23978-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	4.015.500	520	2.088.060.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
171	PP2400518954	G0212	Codalgin Forte	Paracetamol + codein phosphat	500 mg + 30mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-22611-20	Aspen Pharma Pty Ltd.	Australia	Viên	387.640	3.390	1.314.099.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
172	PP2400518955	G0213	COVERSYL 5MG	Perindopril arginine	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	1	36 tháng	VN-17087-13	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	498.940	5.028	2.508.670.320	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
173	PP2400518956	G02 14	VIACORAM 3.5MG/2.5MG	Perindopril arginin + Amlodipine	3,5mg + 2,5 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 tháng	VN3-46-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	377.000	5.960	2.246.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
174	PP2400518957	G02 15	VIACORAM 7MG/5MG	Perindopril arginin + Amlodipine	7mg; 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 tháng	VN3-47-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	270.120	6.589	1.779.820.680	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
175	PP2400518958	G02 16	COVERSYL PLUS ARGININE 5MG/1.25	Perindopril arginine + Indapamide	5mg + 1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	1	36 tháng	VN-18353-14	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	356.140	6.500	2.314.910.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

			MG															hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
176	PP2400518960	G0218	Phenylephrine Aguettant 50 Microgrammes/ml	Phenylephrin	50mcg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml	1	36 tháng	VN-21311-18	Laboratoire Aguettant	Pháp	Bơm tiêm	2.694	194.500	523.983.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
177	PP2400518961	G0219	Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0,25g	Piperacilin + Tazobactam	2g + 0,25g	Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 lọ	1	36 tháng	VN-21200-18	CSSX: Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A; CSTG: Fresenius Kabi Ipsum S.R.L	CSSX: Bồ Đào Nha; CSTG: Ý	Lọ	2.200	77.000	169.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
178	PP2400518962	G0220	Pimoint	Piroxicam	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-16214-13	Arena Group S.A.	Romania	Viên	797.900	4.935	3.937.636.500	Trong vòng 24 tháng kể từ

																		ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
179	PP2400518963	G02021	Systane Ultra	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	0,4% + 0,3%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	24 tháng	VN-19762-16	Alcon Research, LLC	Mỹ	Lọ	23.920	60.100	1.437.592.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
180	PP2400518964	G02022	Sifrol	Pramipexole dihydrochloride monohydrate 0,25 mg tương đương với Pramipexole 0,18mg	0,25 mg (tương đương với Pramipexole 0,18 mg)	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-20132-16	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	7.200	9.737	70.106.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
181	PP2400518	G02023	Adelone	Prednisolone	1%, (10 mg/	Nhỏ mắt	Dung dịch	Hộp 1 lọ 5ml	1	36 tháng	520110770	Cooper S.A.	Greece	Lọ	1.978	35.800	70.812.400	Trong vòng

	965			sodium phosphate	ml)		nhỏ mắt				624							24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
182	PP2400518966	G02024	Progesterone injection BP 25mg	Progesteron	25mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	1	48 tháng	VN-16898-13	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Đức	Ống	2.500	20.150	50.375.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
183	PP2400518967	G02025	Progesterone 200mg	Progesteron	200mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 1 vỉ x 15 viên	1	24 tháng	840110168400	Laboratorios Leon Farma S.A	Spain	Viên	10.800	14.000	151.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
18	PP2	G02	Pipo	Prom	50m	Tiê	Dun	Hộp	1	60	VN-	Egis	Hun	Ống	2.67	15.0	40.0	Tron

4	400518968	26	lphen	ethazine hydrochloride	g/2ml	m	g dịch tiêm	100 ống x 2ml		tháng	19640-16	Pharmaceuticals Private Limited Company	gary		0	00	50.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
185	PP2400518969	G0227	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	1% (10 mg/ml)	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	1	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Ống	19.470	24.435	475.749.450	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
186	PP2400518970	G0228	Rabeloc I.V.	Rabeprazol natri	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	1	36 tháng	VN-16603-13	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Lọ	34.400	134.000	4.609.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

187	PP2400518971	G02229	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril	10mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 16 gói	1	24 tháng	3001100000524	Sophartex	Pháp	Gói	10.400	4.894	50.897.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
188	PP2400518972	G02230	Hidrasec 30mg Children	Racecadotril	30mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói	1	24 tháng	3001100000624 (VN-21165-18)	Sophartex	Pháp	Gói	24.400	5.354	130.637.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
189	PP2400518973	G02231	Enyglid Tablet	Repaglinid	1 mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1	36 tháng	VN-22613-20	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	340.200	3.990	1.357.398.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
190	PP2400518975	G0233	Rileptid	Risperidon	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-16750-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	150.000	4.000	600.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
191	PP2400518976	G0234	Rixathon	Rituximab	100mg/10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 2 lọ x 10ml	1	36 tháng	SP3-1231-21	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Lọ	48	4.352.063	208.899.024	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
192	PP2400518977	G0235	Mabthera	Rituximab	1400mg/11,7ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm dưới da	Hộp 01 lọ	1	30 tháng	QLSP-H02-1072-17	F. Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sỹ	Lọ	20	24.969.148	499.382.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
193	PP2400518978	G0236	Rixathon	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 50 ml	1	36 tháng	SP3-1232-21	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Lọ	24	13.800.625	331.215.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
194	PP2400518979	G0237	XERDOXO 20 MG	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	383110002225	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	5.800	40.000	232.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
195	PP2400518980	G0238	XERDOXO 15 MG	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	383110184500	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	8.400	40.000	336.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
196	PP2400518982	G0240	Rupafin	Rupatadine	10mg	Uống	Viên nén	Hộp/ 1 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	8401100764 23 (VN-19193-15)	Noucor Health, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	57.600	6.500	374.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
197	PP2400518983	G0241	Buto-Asma	Salbutamol	100 mcg /liều	Đường hô hấp	Khí dung đã chia liều	Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	1	36 tháng	840115067923	Laboratorio Aldo-Unión SL.	Tây Ban Nha	Bình	16.958	49.000	830.942.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
198	PP2400518985	G0243	Seretide Evohaler DC 25/125 mcg	Salmeterol + Fluticasone propionate	(25mcg + 125mcg)/ liều, 120 liều	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sươn	Hộp 1 bình 120 liều xịt	1	24 tháng	8401107840 24 (VN-21286-18)	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Bình	9.970	210.176	2.095.454.720	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

							g)											đến hết ngày 31/12/2026
199	PP2400518988	G02246	Ferlatum	Mỗi lọ 15ml dung dịch chứa: Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	40mg (800mg)	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 lọ x 15ml	1	24 tháng	VN-22219-19	Italfarmaco S.A.	Tây Ban Nha	Lọ	2.600	18.500	48.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
200	PP2400518989	G02247	Tardyferon B9	Ferrous Sulfate + Acid folic	50mg sắt + 0,35mg acid folic	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-16023-12	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên	26.000	2.849	74.074.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
201	PP2400518990	G02248	Seaoflura	Sevoflurane	250ml	Khí dung	Dung dịch gây mê đường hô hấp	Hộp 1 chai x 250ml	1	60 tháng	00111401 7424 (VN-17775-14)	Piramal Critical Care, Inc	USA	Chai	3.862	1.523.550	5.883.950.100	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
202	PP2400518991	G0249	Silygamma	Silymarin	150 mg	Uống	Viên bao đường	Hộp 4 vỉ x 25 viên	1	36 tháng	VN-16542-13	Draganopharm Apotheker Puschl GmbH	Đức	Viên	477.600	5.360	2.559.936.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
203	PP2400518992	G0250	Carsil 90 mg	Silymarin	90mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 6 viên	1	36 tháng	VN-22116-19	Sopharma AD	Bulgaria	Viên	263.200	3.528	928.569.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
204	PP2400518993	G0251	Epclusa	Sofosbuvir; Velpatasvir	400mg; 100 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 28 viên	1	48 tháng	754110085223	Patheon Inc; Cơ sở đóng gói thứ cấp	CSSX: Canada, CSĐG và xuất xưởng:	Viên	240	267.750	64.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												và xuất xưởng: Gilead Sciences Ireland UC	Ireland					đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
205	PP2400518994	G02052	Nexavar	Sorafenib	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	400114020523	Bayer AG	Đức	Viên	2.880	403.326	1.161.578.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
206	PP2400518995	G02053	Rodogyl	Spiramycin + metronidazole	750.000UI + 125 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	800115002200 (VN-21829-19)	Sanofi S.P.A	Italy	Viên	178.890	6.800	1.216.452.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
207	PP2400518999	G02057	Devodil 50	Sulpirid	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	1	60 tháng	VN-19435-15	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	588.060	2.280	1.340.776.800	Trong vòng 24 tháng kể từ

																		ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
208	PP2400519000	G02258	Curosurf	Mỗi lọ 1,5ml chứa: Phospholipid chiết từ phổi lợn 120 mg	120mg/1,5ml	Đường nội khí quản	Hỗn dịch bơm ống nội khí quản	Hộp 1 lọ 1,5ml	1	18 tháng	VN-18909-15	Chiesi Farmaceutici S.p.A	Ý	Lọ	192	13.990.000	2.686.080.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
209	PP2400519002	G02260	FLOEZY	Tamsulosin hydrochloride	0,4 mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	840110031023	Syntho Hispania, SL	Spain	Viên	48.800	12.000	585.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
210	PP2400519003	G02261	Fyranco	Teicoplanin	200 mg	Tiêm tĩnh mạch hoặc	Thuốc bột đông khô	Hộp 1 lọ + ống dung	1	36 tháng	VN-16479-13	Demo S.A. Pharmace	Greece	Lọ	1.920	379.000	727.680.000	Trong vòng 24 thán

						tiêm truyền tĩnh mạch	và dung môi để pha tiêm hoặc tiêm truyền	môi 3ml				utical Industry						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
211	PP2400519004	G0262	Anvo-Telmisartan HCTZ 40/12,5mg	Telmisartan + hydroclorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 7 vỉ x 14 viên	1	36 tháng	840110178823	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	786.540	8.650	6.803.571.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
212	PP2400519005	G0263	Tilcotil	Tenoxicam	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-18337-14	Cenexi S.A.S	Pháp	Viên	319.600	7.400	2.365.040.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
213	PP2400519	G0264	Neo-Endu	Tenoxicam	20mg	Tiêm	Bột đông khô	Hộp 01 lọ +	1	36 tháng	VN-20244-17	Anfarm hella	Hy Lạp	Lọ	62.080	54.000	3.352.320.00	Trong vòng

	006		six				pha tiêm	1 ống nước cất; Hộp 10 lọ				s S.A.					0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
214	PP2400519007	G02065	Glypressin	Terlipressin acetate	1mg (tương đương Terlipressin 0,86 mg)	Tiêm tĩnh mạch	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô và 1 ống dung môi 5ml	1	24 tháng	VN-19154-15	Cơ sở sản xuất: Ferring GmbH Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Ferring International Center S.A.	Cơ sở sản xuất: Đức Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Thụy Sĩ	Lọ	160	744.870	119.179.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
215	PP2400519008	G02066	Thyrozol 5mg (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: P&G Health Austria	Thiamazole	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-21907-19	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSĐG và xuất xưởng: P&G Heal	CSSX: Đức; CSĐG và xuất xưởng: Áo	Viên	64.000	1.400	89.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

			GmbH & Co. OG; địa chỉ: Hösslgasse 20 9800 Spittal/ Drau - Austria)									th Austria GmbH & Co. OG						31/12/2026
216	PP2400519009	G02 67	Atixarso 90 mg film coated tablets	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	1	24 tháng	383110002125	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	76.000	13.000	988.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
217	PP2400519010	G02 68	Lithimole	Timolol	0,5% / 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	24 tháng	520110184923	Cooper S.A.	Greece	Lọ	422	41.950	17.702.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

218	PP2400519011	G02 69	Volulyte 6%	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	6%/500 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 túi 500 ml	1	36 tháng	VN-19956-16	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi	1.908	89.500	170.766.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
219	PP2400519012	G02 70	Eyetobrin 0,3%	Tobramycin	0,3%, Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	36 tháng	520110782024 (VN-21787-19)	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Greece	Lọ	6.700	37.800	253.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
220	PP2400519013	G02 71	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	Tra mắt	Mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	1	24 tháng	VN-21629-18	S.A Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	Tuýp	1.900	52.300	99.370.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
221	PP2400519015	G0273	Metazydyna	Trimetazidin dihydroclorid	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 30 viên	1	36 tháng	590110170400 (VN-21630-18)	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	Viên	1.018.480	1.855	1.889.280.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
222	PP2400519016	G0274	VASTAREL OD 80 MG	Trimetazidin dihydrochloride	80mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN3-389-22	Egis Pharmaceuticals PLC - Production site of Körmend H-9900 Körmend Mátyás Király u 65; Egis Pharmaceuticals PLC - Production site of Böké	Hungary	Viên	513.000	5.410	2.775.330.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

												nyföld, H-1165 Budapest Bökényföldi út 118-120						
223	PP2400519017	G0275	Mydrin-P	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	50mg/10ml + 50mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 10ml	1	30 tháng	499110415423	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	Lọ	340	67.500	22.950.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
224	PP2400519018	G0276	Dorithricin	Tyrothricin + Benzocaine + Benzalkonium chloride	0,5mg + 1,5mg + 1mg	Ngậm	Viên ngậm họng	Hộp/ 2 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	400100014224 (VN-20293-17)	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Đức	Viên	84.000	2.880	241.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
225	PP2400519019	G0277	Ursosan	Ursodeoxycholic acid	250 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên;	1	36 tháng	859110191923	PRO.MED.CS Praha	Czech Republic	Viên	49.320	8.900	438.948.000	Trong vòng 24 tháng kể

								Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên				a.s.						từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
226	PP2400519020	G02078	Angioblock 160mg	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	GC-340-21	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	4.000	6.660	26.640.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
227	PP2400519021	G02079	Voxin	Vancomycin	500mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	1	24 tháng	520115009624 (VN-20141-16)	Vianex S.A-Nhà máy C	Hy Lạp	Lọ	2.700	64.995	175.486.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
228	PP2400519022	G02080	Cordamil 40mg	Verapamil hydr	40mg	Uống	Viên nén bao phi	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	VN-23264-22	S.C. AC Helcor	Romania	Viên	24.000	4.000	96.000.000	Trong vòng 24

				ochloride			m					S.R.L						tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
229	PP2400519023	G0281	Letrofam	Vinpocetin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 30 viên	1	48 tháng	4771109874 24 (VN-21201-18)	UAB Aconitum	Litva (Lithuania)	Viên	300.200	2.835	851.067.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
230	PP2400519024	G0282	Milgamma N	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 1mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	1	36 tháng	400100083323	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Đức	Ống	68.540	20.990	1.438.654.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
231	PP2400	G0283	Tegrucil	Acenoco	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 10	2	36 thán	893110	Công ty	Việt Na	Viên	84.000	2.450	205.800.	Trong

	519025		-1	umarol				vỉ x 10 viên		g	283323	cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	m				000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
232	PP2400519026	G0284	Tegrucil-4	Acenocoumarol	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	8931106644224 (VD-25455-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	12.000	3.150	37.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
233	PP2400519027	G0285	SaViLeucin	Acetyl leucin	500 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893100678824 (VD-29126-18)	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	1.020.260	2.200	2.244.572.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

234	PP2400519028	G0286	Aspirin Stella 81 mg	Aspirin (Acetylsalicylic acid)	81mg	Uống	viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 28 viên	2	36 tháng	8931103370 23	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	240.420	350	84.147.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
235	PP2400519029	G0287	ASIMPLEX 250 mg Lyophilized Powder for Solution for Infusion	Acyclovir	250 mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	2	24 tháng	8681101218 24	Aroma İlaç San. Ltd. Şti (Cơ sở chịu trách nhiệm xuất xưởng lô: Polifarma İlaç San. ve Tic. A.Ş)	Thổ Nhĩ Kỳ	Lọ	1.080	253.000	273.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
236	PP2400519031	G0289	Amiparen 10%	Acid amin	10%/500 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 500 ml	2	24 tháng	8931104536 23	Công ty Cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Túi	140	144.000	20.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
237	PP2400519032	G0290	MG-TAN Inj.	Acid amin + glucose + lipid	11, 3%+11% + 20%/ 960 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Túi 960 ml	2	24 tháng	VN-21330-18	Y's medi Co., Ltd	Hàn Quốc	Túi	2.800	614.250	1.719.900.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
238	PP2400519033	G0291	SaVi Albendazol 200	Albendazol	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 2 viên	2	36 tháng	893110030300 (VD-24850-16)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	9.060	1.800	16.308.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
239	PP2400519034	G0292	FLOTRAL	Alfuzosin	10mg	Uống	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Hộp 1 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	890110437523	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	Viên	237.700	6.699	1.592.352.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
240	PP2400519035	G0293	Statripsine	Alphachymotrypsine (tương đương alphachymotrypsine 21 microkatal)	4,2 mg	Uống	viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	893110352523	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.134.300	800	907.440.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
241	PP2400519036	G0294	AVARINO	Simethicone + Alverine citrate	300 mg, 60mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 5 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	VN-14740-12	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Viên	306.400	2.500	766.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
242	PP2400519037	G0295	SaVi Broxol 30	Ambroxol HCL	30mg	Uống	Viên nén sủi	Hộp 3 vỉ xé x 10 viên	2	24 tháng	893100044223 (VD-20249-13)	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	65.000	1.950	126.750.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
243	PP2400519038	G0296	Olesom	Ambroxol hydrochlorid	30mg/5ml, 100ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai 100ml	2	36 tháng	VN-22154-19	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	Chai	97.860	41.013	4.013.532.180	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
244	PP2400519040	G0298	Amitriptylin 10mg	Amitriptylin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 500 viên	2	36 tháng	VD-18903-13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	60.700	1.400	84.980.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
245	PP2400519041	G0299	Amitriptylin 25mg	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 100 viên	2	36 tháng	893110307424	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	129.000	2.000	258.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
246	PP2400519042	G03000	Amdepin Duo	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	890110002724 (VN-20918-18)	Cadila Pharmaceuticals Limited	India	Viên	306.400	3.950	1.210.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
247	PP2400519043	G03001	Stamlo-T	Telmisartan 40mg, Amlodipine besilate tương đương với Amlodipine 5mg	40mg; 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	2	24 tháng	890110125423	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	Ấn Độ	Viên	152.400	2.672	407.212.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
248	PP2400519044	G03002	M-TELVOGEN 80/5	Amlodipin + telmisartan	5mg + 80mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ	2	24 tháng	VN-23191-22	Evertogen Life Sciences Limi	India	Viên	24.800	4.750	117.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

								x 10 viên				ted						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
249	PP2400519046	G03 04	Biocemet DT 500mg/62,5mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ x 7 viên	2	24 tháng	893110415724 (VD-31719-19)	CN công ty CP DP Imexpharm Nhà máy kháng sinh CN cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	810.800	9.366	7.593.952.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
250	PP2400519047	G03 05	Imefed 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg +31,25 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	2	24 tháng	893110320100 (VD-31714-19)	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	531.160	7.490	3.978.388.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
25	PP2	G03	Apix	Api	2,5	Uốn	Viên	Hộp	2	24	VN3	Dr.	Ấn	Viên	7.20	11.8	85.1	Tron

1	400519048	06	abanTablets 2.5 mg	xaban	mg	g	nén bao phim	1 chai 60 viên, Hộp 1 chai 180 viên		tháng	-403-22	Reddy's Laboratories Limited	Độ		0	29	68.800	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
252	PP2400519049	G0307	Apixtra	Apixaban	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	890110013923	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	7.200	10.250	73.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
253	PP2400519050	G0308	Ezvasten	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 20mg + Ezetimibe 10mg	20mg +10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	2	36 tháng	VD-19657-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	211.960	6.400	1.356.544.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

254	PP2400519051	G0309	VERTIKO 24	Betahistin dihydroclorid	24mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	8901100207 24	Zydus Life sciences Limited	India	Viên	1.204.560	2.898	3.490.814.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
255	PP2400519052	G0310	Asbesone	Betamethason	0,5mg/1g, 30g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 30g	2	36 tháng	5311100076 24	Replek Farm Ltd. Skopje	Macedonia	Tuýp	7.500	61.500	461.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
256	PP2400519053	G0311	SAVIPROLOL PLUS HCT 2.5/6.25	Bisoprolol fumarat; Hydrochlorothiazid	2,5mg; 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm)	2	36 tháng	VD-20813-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	57.340	2.200	126.148.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
257	PP2400519054	G0312	SaviProlol Plus HCT 5/6.25	Bisoprolol fumarat + hydroclorothiazid	5mg + 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-20814-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	110.000	2.400	264.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
258	PP2400519055	G0313	Bupitroy Heavy	Bupivacain hydroclorid	0,5%/4ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	2	24 tháng	890114083223 (VN-16919-13)	Troikaa Pharmaceuticals Ltd	India	Ống	25.506	17.500	446.355.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
259	PP2400519056	G0314	CALCIUM STELLA 500 MG	Calci carbonat + Calci lactat gluconat	300mg + 2.940mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 20 viên	2	36 tháng	893100095424 (VD-27518-17)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	409.000	3.500	1.431.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
260	PP2400519057	G0315	Growpone 10%	Calci gluconat	10% 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống	2	36 tháng	VN-16410-13	Farmak Joint Stock Company	Ukraine	Ống	20.090	13.500	271.215.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
261	PP2400519058	G0316	CLIPOXID-300	Calci lactat pentahydrat	300 mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-34168-20	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	557.900	1.800	1.004.220.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
262	PP2400519059	G0317	SaVi Candesartan 12	Candesartan Cilexetil	12mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110056623	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	78.000	4.580	357.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
263	PP2400519060	G0318	Naproplat	Carboplatin	150 mg/15ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 15ml	2	24 tháng	VN3-342-21	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	India	Lọ	2.400	290.500	697.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
264	PP2400519062	G0320	SCD Cefaclor 250 mg	Cefaclor	250 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-26433-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	184.600	3.415	630.409.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
265	PP2400519064	G0322	Imeclor 125	Cefaclor	125 mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 12 gói x 1,5g	2	36 Tháng	VD-18963-13	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Ime	Việt Nam	Gói	428.800	3.696	1.584.844.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

												xpharm tại Bình Dương						đến hết ngày 31/12/2026
266	PP2400519065	G03023	Cefamandol 1g	Cefamandol	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 1g	2	24 tháng	8931103870 24 (VD-31706-19)	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	50.000	66.000	3.300.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
267	PP2400519066	G03024	Zolifast 2000	Cefazolin	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	VD-23022-15	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	37.200	37.800	1.406.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
268	PP2400519067	G03025	Imenir 125 mg	Cefdinir	125 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2g	2	24 tháng	VD-27893-17	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩ	Việt Nam	Gói	236.000	12.000	2.832.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

												m Imexpharm tại Bình Dương.						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
269	PP2400519068	G0326	Ceftanir	Cefdinir	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 4 viên	2	36 tháng	8931100844424 (VD-24957-16)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	449.280	12.000	5.391.360.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
270	PP2400519070	G0328	Imeximе 100	Cefixim	100mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2g	2	24 tháng	VD-30398-18	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Gói	256.560	6.489	1.664.817.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
271	PP2400519073	G0331	Cefoperazone 2g	Cefoperazon	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 2g	2	24 tháng	8931103874247 (VD-31710-19)	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược	Việt Nam	Lọ	212.500	89.400	18.997.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												phẩm Imexpharm tại Bình Dương						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
272	PP2400519074	G0332	Cefoperazone 1g	Cefoperazon	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 1g	2	24 tháng	8931103873 24 (VD-31709-19)	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	139.000	44.800	6.227.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
273	PP2400519075	G0333	Cefopefast-S2000	Cefoperazon; Sulbactam	1g +1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	24 tháng	VD-35453-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	147.400	77.900	11.482.460.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
274	PP2400519076	G0334	Sulraapix 1,5g	Cefoperazon + sulbactam	1g + 500 mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	VD-35470-21	Công ty cổ phần Pymepha	Việt Nam	Lọ	50.000	68.000	3.400.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												rco						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
275	PP2400519077	G0335	Fotimyd 1000	Cefotiam	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	VD-34241-20	Công Ty Cổ Phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	8.000	63.000	504.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
276	PP2400519078	G0336	Tenafotin 2000	Cefoxitin	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	VD-23020-15	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	56.000	108.150	6.056.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
277	PP2400519079	G0337	Astode 2g	Cefpirom	2g	Tiêm	Bột pha tiêm/ truy	Hộp 1 lọ	2	24 tháng	VN-22551-20	Swiss Parenterals	Ấn Độ	Lọ	10.200	265.000	2.703.000.000	Trong vòng 24 thán

							ền tĩnh mạch					Ltd.						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
278	PP2400519080	G0338	Astode 1g	Cefpirom	1g	Tiêm	Bột pha tiêm/ truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	2	24 tháng	VN-22550-20	Swiss Parenterals Ltd.	Ấn Độ	Lọ	62.560	142.485	8.913.861.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
279	PP2400519081	G0339	Aurodox 40	Cefpodoxim	40mg/5ml x 100ml	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ 100ml	2	24 tháng	890110179423	Aurobindo Pharma Limited	India	Lọ	10.300	157.080	1.617.924.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
280	PP2400519	G0340	Imedoxim	Cefpodoxi	100mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 12 gói	2	24 tháng	VD-32835-19	Chi nhánh 3 -	Việt Nam	Gói	62.000	8.900	551.800.000	Trong vòng

	082		100	m			pha hỗn dịch uống	x 1g				Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
281	PP2400519083	G0341	Imedoxim 200	Cefpodoxim	200 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	8931100238 00 (VD-27892-17)	Chi nhánh 3 - Công ty CP Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	267.000	9.780	2.611.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
282	PP2400519084	G0342	Zoximcef 1 g	Ceftizoxim	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ; Hộp 1 lọ, 1 ống nước cất pha tiêm 15ml (SĐK: VD-15892-11); Hộp	2	24 tháng	8931109074 24 (VD-29359-18)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Lọ	204.600	66.987	13.705.540.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

								10 lọ, 10 ống nước cất pha tiêm 15ml (SĐK: VD-15892-11)										
283	PP2400519085	G0343	Ceftibiotic 2000	Ceftizoxim	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	893110371923 (VD-30505-18)	Cty CP DP Tenamyd	Việt Nam	Lọ	120.660	96.600	11.655.756.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
284	PP2400519086	G0344	Ceftizoxim 0,5g	Ceftizoxim	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	2	24 tháng	893110595724 (VD-26843-17)	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	11.000	45.000	495.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
285	PP2400	G0345	Ceftriax	Ceftriax	500mg	Tiêm	Thuốc	Hộp 10	2	36 thán	VD-1901	Công ty	Việt Na	Lọ	17.400	19.500	339.300.	Trong

	519087		one500	on			bột pha tiêm	lọ		g	1-13	Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	m				000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
286	PP2400519088	G0346	Ceftriaxone 2000	Ceftriaxon	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	VD-19454-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	40.140	31.400	1.260.396.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
287	PP2400519091	G0349	Clindamycin-Hameln 150 mg/ml	Clindamycin	600mg/4ml	Tiêm bắp hoặc truyền tĩnh mạch sau khi pha loãng	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 4 ml	2	24 tháng	400110783424 (VN-21753-19)	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Ống	5.840	81.000	473.040.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

288	PP2400519092	G0350	Clindamycin STELLA 150mg	Clindamycin	150mg	Uống	viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	48 tháng	893110836824 (VD-24560-16)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	60.000	1.100	66.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
289	PP2400519093	G0351	Aminazin 25mg	Clorpromazin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 200 viên	2	36 tháng	VD-24680-16 (8931151138424)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	34.000	210	7.140.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
290	PP2400519094	G0352	Cloxacillin 2g	Cloxacilin	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 2g, Hộp 10 lọ x 2g (lọ thủy tinh)	2	24 tháng	893110155024 (VD-29758-18)	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	4.800	85.000	408.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
291	PP2400519096	G03 54	Savi Deferipron250	Deferipron	250 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110924524 (VD-25774-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	Viên	32.000	7.000	224.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
292	PP2400519097	G03 55	Destacure	Desloratadin	2,5mg/5ml, 60ml	Uống	Si rô	Hộp 1 chai 60ml	2	36 tháng	890100133924 (VN-16773-13)	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Chai	62.186	65.126	4.049.925.436	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
293	PP2400519098	G03 56	Difen Plaster	Diclofenac	15mg	Dùng ngoài	Miếng dán phóng thích qua da	Hộp 3 túi x 7 miếng	2	36 tháng	VN-22546-20	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn quốc	Miếng	145.720	8.300	1.209.476.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
294	PP2400519099	G03057	ISAIAS	Diosmin	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-28464-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	105.480	5.415	571.174.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
295	PP2400519100	G03058	Docetaxel injection USP 20mg/1ml	Docetaxel	20mg/1ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	2	24 tháng	VN3-349-21	M/s Shilpa Medicare Limited	India	Lọ	1.440	312.800	450.432.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
296	PP2400519101	G03059	Tacedo-80	Docetaxel	80mg/2ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 2ml kèm 1 lọ 6ml dung môi ethanol 13%(kl/tt)	2	24 tháng	8901145329 24 (VN3-283-20)	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	India	Lọ	480	643.577	308.916.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
297	PP2400519103	G0361	Prilocare 10	Enalapril maleate	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VN-23184-22	S Kant Healthcare Limited	India	Viên	222.160	490	108.858.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
298	PP2400519104	G0362	Savi Enalapril HCT 10/12,5	Enalapril maleat + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110098100	Cty CP DP SaVi	Việt Nam	Viên	809.460	3.500	2.833.110.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
299	PP2400519105	G0363	Ebitac Forte	Enalapril maleate + Hydrochlorothiazide	20mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	VN-17896-14	Farmak JSC	Ukraine	Viên	897.700	3.850	3.456.145.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
300	PP2400519107	G03065	GONSA EZETI-10	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-29719-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	507.000	3.300	1.673.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
301	PP2400519108	G03066	Motin Inj.	Famotidin	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	36 tháng	880110000124	Myung In Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Lọ	18.140	55.900	1.014.026.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
302	PP2400519109	G03067	Savi Fluvastatin 40	Fluvastatin	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110338524 (VD-27047-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	556.400	6.750	3.755.700.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
303	PP2400519110	G03668	Suoprinchon Injection	Furosemide	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	2	60 tháng	VN-13873-11	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Đài Loan	Ống	12.000	4.340	52.080.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
304	PP2400519111	G03669	GILOBA	Caogingkgobiloba	40mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	VN-20891-18	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Viên	135.200	3.850	520.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
305	PP2400519113	G03671	Savi Glipizide 5	Glipizid	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110371223 (VD-29120-18)	Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	Viên	30.000	2.945	88.350.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												SaVi						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
306	PP2400519114	G0372	CISSE	Glucosamin hydroclorid	750 mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	8931006595 24 (VD-27448-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Việt Nam	Viên	560.000	2.500	1.400.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
307	PP2400519115	G0373	Oresol	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	0,52g + 0,3g + 0,58g + 2,7g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 10 gói x 4,41g; Hộp 20 gói x 4,41g; Hộp 30 gói x 4,41g; Hộp 40 gói x 4,41g	2	36 tháng	893100829124 (VD-33206-19)	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Gói	426.700	2.100	896.070.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
308	PP2400519	G0374	Paringold	Heparin (natr	25.000UI/	Tiêm	Dung dịch	Hộp 10 lọ x	2	36 tháng	880410251	JW Pharmace	Hàn Quốc	Lọ	6.440	146.250	941.850.000	Trong vòng

	116		injection	i)	5ml		tiêm	5ml			323 (QLSP-1064-17)	utical Corporation						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
309	PP2400519117	G0375	Wright-F	Imidapril hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110664824 (VD-28488-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	432.000	4.300	1.857.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
310	PP2400519118	G0376	Haduirbe Extra	Irbesartan + hydroclorothiazid	300mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110152000	Nhà máy HD PHARMA EU-Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Viên	252.400	3.000	757.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
31	PP2	G03	Irbe	Irbe	300	Uốn	Viên	Hộp	2	36	890	Macl	Indi	Viên	80.0	10.8	868.	Tron

1	400519119	77	macH 300 Plus	sartan + Hydrochlorothiazid	mg + 25mg	g	nén bao phim	2 vỉ x 14 viên		tháng	110354024	eods Pharmaceuticals Ltd.	a		00	57	560.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
312	PP2400519120	G0378	Vasotrate-30 OD	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ lớn x 2 vỉ nhỏ x 7 viên	2	24 tháng	VN-12691-11	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	392.540	2.553	1.002.154.620	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
313	PP2400519121	G0379	SOTRETRAN 10 MG	Isotretinoin	10mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	890110033623	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	3.600	6.900	24.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

314	PP2400519122	G0380	Eltium 50	Itopride hydrochlorid	50mg	Uống	viên nén bao phim	hộp 5 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110268723	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	69.800	1.930	134.714.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
315	PP2400519123	G0381	Itranstad	Itraconazole	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 6 viên	2	36 tháng	893110697524 (VD-22671-15)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	59.800	7.350	439.530.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
316	PP2400519125	G0383	Lexvotene-S Oral Solution	Levocetirizin	0,5mg/ml; 10 ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	2	24 tháng	VN-22679-20	Genuone Sciences Inc	Hàn Quốc	Gói	179.000	6.000	1.074.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
317	PP2400519126	G0384	Linezolid Kabi	Linezolid	(2mg/ml) x 300ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 10 túi 300 ml	2	24 tháng	VN-23162-22	Fresenius Kabi Norge AS	Na Uy	Túi	1.936	124.890	241.787.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
318	PP2400519127	G0385	Auroliza 30	Lisinopril	30mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	2	48 tháng	VN-22716-21	Aurobindo Pharma Limited	India	Viên	585.200	5.691	3.330.373.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
319	PP2400519128	G0386	Saranto-H 100/25	Losartan + hydrochlorothiazid	100mg +25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	890110008123	Aurobindo Pharma Limited	India	Viên	130.000	2.890	375.700.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
320	PP2400519129	G03387	Reumokam	Meloxicam	15mg/1,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 05 ống x 1,5ml	2	24 tháng	482110442823 (VN-15387-12)	Farmak JSC	Ukraine	Ống	101.240	18.500	1.872.940.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
321	PP2400519130	G03388	SAVI MESALAZIN E 500	Mesalazin	500 mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-35552-22	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	145.900	7.950	1.159.905.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
322	PP2400519131	G03389	Metformin Stella 1000 mg	Metformin hydroclorid	1000mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	893110337923 (VD-27526-17)	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm-Chi Nhánh 1	Việt Nam	Viên	92.000	1.000	92.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
323	PP2400519132	G0390	Methocarbamol 750	Methocarbamol	750 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110224100 (VD-34232-20)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	808.000	4.500	3.636.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
324	PP2400519133	G0391	Pdsolone-40mg	Methylprednisolon	40mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	2	36 tháng	VN-21317-18	Swiss Parenterals Ltd	Ấn Độ	Lọ	134.216	27.700	3.717.783.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
325	PP2400519134	G0392	Motarute Eye Drops	Moxifloxacin	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	2	24 tháng	8801159920240 (VN-17705-14)	Daewoo Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Lọ	3.008	53.390	160.597.120	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
326	PP2400519135	G0393	Bacteroicin Oint	Mupirocin	2%, 5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp x 5g	2	24 tháng	8801009898 24 (VN-21777-19)	Genuone Sciences Inc.	Korea	Tuýp	300	37.000	11.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
327	PP2400519136	G0394	SavNopain 500	Naproxen	500 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110165324 (VD-29130-18)	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	280.600	4.000	1.122.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
328	PP2400519137	G0395	Sodium Chloride Injection	Natriclorid	0,9% / 500 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 500 ml	2	36 tháng	6901107842 24 (VN-21747-19)	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co., Ltd.	China	Chai	201.320	12.495	2.515.493.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
329	PP2400519138	G0396	Hyasyn Forte	Natri hyaluronat	20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Hộp 3 Bơm tiêm x 2ml, nạp sẵn	2	36 tháng	8801100067 23	Shin Poong Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	Bơm tiêm	8.940	525.000	4.693.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
330	PP2400519139	G0397	AIRLUKAST TABLETS 5MG	Montelukast	5mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VN-23049-22	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	40.820	830	33.880.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
331	PP2400519140	G0398	Nebicard-2.5	Nebivolol	2,5 mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VN-21141-18	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	31.200	3.570	111.384.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
332	PP2400519141	G0399	Oxitan 100mg/20ml	Oxaliplatin	100mg/20ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ 20ml	2	24 tháng	8901140712223	Fresenius Kabi Oncology Limited	Ấn Độ	Lọ	480	330.510	158.644.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
333	PP2400519142	G0400	Oxitan 50mg/10ml	Oxaliplatin	50mg/10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 10ml	2	24 tháng	VN-20417-17	Fresenius Kabi Oncology Limited	Ấn Độ	Lọ	480	260.000	124.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
334	PP2400519143	G0401	VEPAXEL 100	Paclitaxel	6mg/ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha truy	Hộp 1 chai 100mg/16,7ml	2	24 tháng	8901143569 24	M/s Venus Remedies Limited	India	Lọ	480	468.000	224.640.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

							ền											ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
335	PP2400519144	G04002	Idrona 30	Pamidronat dinatri	30mg	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	2	24 tháng	890114527724 (VN-20328-17)	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	India	Lọ	1.200	630.000	756.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
336	PP2400519145	G04003	Paracetamol 500	Paracetamol	500 mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ xé x 4 viên	2	24 tháng	893100393824 (VD-31850-19)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	1.408.000	2.050	2.886.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
337	PP2400519146	G04004	Hapacol 650	Paracetamol	650 mg	Uống	viên nén	hộp 10 vỉ x 5 viên	2	36 tháng	VD-21138-14	CTCP Dược Hậu	Việt Nam	Viên	430.000	429	184.470.000	Trong vòng 24 thán

												Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
338	PP2400519147	G04 05	SaViMetoc	Paracetamol + methocarbamol	325 mg +400mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	8931 1037 1523 (VD-305 01-18)	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	222.600	3.050	678.930.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
339	PP2400519148	G04 06	Garnotal	Phenobarbital	100 mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-24084-16 (893 1124 2632 4)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	691.200	315	217.728.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
340	PP2400519	G04 07	Neuropyl 400	Piracetam	400 mg	Uống	Viên nang	Hộp 5 vỉ x 10	2	36 tháng	893 110 426	Công ty Cổ	Việt Nam	Viên	1.791.300	830	1.486.779.00	Trong vòng

	149						cứng	viên			624	phần Dược Danapha					0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
341	PP2400519150	G0408	Pavadin Tablets 20mg	Pravastatin Sodium	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	471110189500	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd	Taiwan	Viên	1.606.160	6.149	9.876.277.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
342	PP2400519151	G0409	Pravastatin SaVi 40	Pravastatin natri	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110317624 (VD-30492-18)	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	154.000	6.800	1.047.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
34	PP2	G04	Fres	Prop	1%	Tiêm	Nhũ	Hộp	2	36	VN-	Fres	Áo	Ống	13.3	24.4	326.	Tron

3	400519152	10	ofol 1% MCT/LCT	ofol	(10 mg/ml)	hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	tương tiêm hoặc tiêm truyền	5 ống 20ml		tháng	17438-13	enius Kabi Austria GmbH			62	35	500.470	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
344	PP2400519153	G04011	Naprozole-R	Rabeprazol natri	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 01 lọ	2	24 tháng	890110412023 (VN-19509-15)	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Lọ	33.180	114.000	3.782.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
345	PP2400519154	G04012	Eurolux-1	Repaglinid	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-28906-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	122.000	1.440	175.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

346	PP2400519155	G04 13	Besmate Inhalation Solution	Salbutamol + ipratropium Bromide	(2,5 mg+ 0,5mg)/ 2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Lọ 2,5ml	2	36 tháng	471115348724	Taiwan Biotech Co., Ltd	Đài Loan	Lọ	23.240	15.000	348.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
347	PP2400519157	G04 15	Asosalic	Salicylic acid + betamethasondipropionat	30mg/g + 0,5mg/g; 30g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 30g	2	36 tháng	531110404223	Replek Farm Ltd. Skopje	Macedonia	Tuýp	13.500	95.000	1.282.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
348	PP2400519158	G04 16	Fegem-100	Sắt III hydroxyd dạng phức hợp với polymaltose; Acid folic	100 mg + 0,35mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 10 vỉ xé x 10 viên	2	24 tháng	VN-14829-12	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	102.000	2.625	267.750.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
349	PP2400519159	G0417	Simvastatin Savi 40	Simvastatin	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-35519-21	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	120.000	4.000	480.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
350	PP2400519160	G0418	SIMVOFIX 10/10 MG	Ezetimibe 10 mg; Simvastatin 10 mg	10mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	VN-23136-22	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India	Viên	66.000	1.600	105.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
351	PP2400519161	G0419	Gliptinestad 100	Sitagliptin	100 mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	2	24 tháng	8931100643 23	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	280.000	4.200	1.176.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
352	PP2400519163	G04021	ZidocinDHG	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125 mg	Uống	viên nén bao phim	hộp 2 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	VD-21559-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	153.000	1.911	292.383.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
353	PP2400519164	G04022	Sulpiride STELLA 50 mg	Sulpiride	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110915024 (VD-25028-16)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	62.800	475	29.830.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
354	PP2400519165	G04023	Momencef 375 mg	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	375 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vỉ x7 viên; 1 túi x 3 vỉ x7 viên; Hộp 1 túi x 4	2	24 tháng	893110437524 (VD-31721-19)	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm -	Việt Nam	Viên	481.600	13.600	6.549.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

								vỉ x7 viên				nhà máy Kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc						ngày 31/12/2026
355	PP2400519166	G0424	Teicoplanin IMP 200 mg	Teicoplanin	200 mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	2	24 tháng	VD-35585-22	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - nhà máy Công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	Lọ	8.400	200.000	1.680.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
356	PP2400519167	G0425	Etirabol 80/12.5	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	VN-22764-21	Evertogen Life Sciences Limited	India	Viên	636.400	7.497	4.771.090.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
357	PP2400	G0426	BOURAB	Thiocolc	8 mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ	2	36 thán	VD-3280	Công ty	Việt Na	Viên	140.000	6.000	840.000.	Trong

	519168		IA-8	hicosid				x 10 viên		g	9-19	cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	m				000	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
358	PP2400519169	G04027	Ticarlinat 3,2g	Ticarcilin + Acid clavulanic	3,0g + 0,2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 3,2g	2	24 tháng	893110155824 (VD-28959-18)	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	22.000	162.990	3.585.780.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
359	PP2400519170	G04028	Haemostop	Acid tranexamic	100 mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	2	24 tháng	VN-21942-19	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ống	90.190	10.050	906.409.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

360	PP2400519171	G04029	Danapha-Trihex 2	Trihexyphenidyl hydroclorid	2 mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 20 viên	2	36 tháng	8931101386624	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	40.000	300	12.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
361	PP2400519173	G04031	URSOLIV 250	Ursodeoxycholic acid	250 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	VN-18372-14	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Viên	27.200	8.450	229.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
362	PP2400519174	G04032	Vecmid 1gm	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 1000 mg	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	2	36 tháng	VN-22662-20	Swiss Parenterals Ltd	India	Lọ	14.800	75.000	1.110.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
363	PP2400519175	G04033	Vildagliptin Stella 50mg	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 8 vỉ x 14 viên	2	24 tháng	8931104633 23	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	480.000	3.300	1.584.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
364	PP2400519176	G04034	VITAMIN C STELLA 1G	Vitamin C	1g	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	2	36 tháng	VD-25486-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	746.620	1.890	1.411.111.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
365	PP2400519177	G04035	Dexler	Zopiclon	7,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	8931100469 23	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	240	2.350	564.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
366	PP2400519179	G04037	Acyclovir Stella 800mg	Acyclovir	800mg	Uống	viên nén	Hộp 10 vỉ x 5 viên	3	48 tháng	VD-23346-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	63.200	4.100	259.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
367	PP2400519181	G04039	Vigentin 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	3	24 tháng	VD-21898-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	1.750.966	4.700	8.229.540.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
368	PP2400519182	G04040	Klamentin 500/62.5	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 2g	3	36 tháng	VD-24617-16	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Gia	Việt Nam	Gói	204.560	3.426	700.822.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

												ng						ngày 31/12/2026
369	PP2400519184	G04 42	Keanza	Azithromycin	600 mg/15ml	Uống	Cốm bột pha hỗn dịch	Hộp 1 chai x 18g	3	24 tháng	8931100282 24	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Chai	2.200	71.000	156.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
370	PP2400519185	G04 43	SaVi Prolol 5	Bisoprolol Fumarat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-23656-15	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	34.880	550	19.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
371	PP2400519186	G04 44	Ceplorvpc 500	Cefaclor	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	8931103839 24 (VD-29712-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	1.450.600	8.600	12.475.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
372	PP2400519187	G04045	Pyfaclorkid	Cefaclor	125mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 24 gói x 2g	3	36 tháng	VD-26427-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Gói	456.500	3.830	1.748.395.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
373	PP2400519188	G04046	Pyfaclor 250mg	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat)	250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-24449-16	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	572.760	4.500	2.577.420.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
374	PP2400519189	G04047	Metiny	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrate)	375mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 vỉ x 10 viên	3	24 tháng	893110496024 (VD-27346-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Viên	299.344	9.900	2.963.505.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
375	PP2400519190	G0448	Fabadroxil 500	Cefadroxil	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	3	36 tháng	893110373423	Cty CPDP Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Viên	598.000	2.415	1.444.170.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
376	PP2400519192	G0450	Cephalexin 500 mg	Cefalexin	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110424124 (VD-18300-13)	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	641.600	2.750	1.764.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
377	PP2400519193	G0451	Osvimec 300	Cefdinir	300 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-22240-15	Công ty Cổ phần Dược Phẩm	Việt Nam	Viên	1.007.400	10.689	10.768.098.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												TV. Pharm						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
378	PP2400519194	G0452	Cefixime 50mg	Cefixim	50mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 1,4g	3	24 tháng	VD-32525-19	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Gói	116.200	796	92.495.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
379	PP2400519195	G0453	Cefimbrano 200	Cefixim	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-22232-15	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Viên	110.000	1.102,5	121.275.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
380	PP2400519196	G0454	Cepmaxlox 100	Cefpodoxim	100 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-31674-19	Công ty cổ phần	Việt Nam	Viên	127.600	8.108	1.034.580.800	Trong vòng 24 thán

												dược phẩm Hà Tây						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
381	PP2400519197	G04055	Fabapoxim 100	Cefpodoxim	100 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 3g	3	24 tháng	VD-34009-20	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Gói	73.000	7.880	575.240.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
382	PP2400519198	G04056	Cebest	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	50mg/1,5g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	3	30 tháng	VD-28340-17	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	150.000	6.000	900.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
383	PP2400519	G04059	Ciproflo xaci	Ciproflo xaci	500 mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x	3	36 tháng	893115287	Công ty cổ	Việt Nam	Viên	467.980	786	367.832.280	Trong vòng

	201		n	n			phim	10 viên			023	phần Dược phẩm Khánh Hòa						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
384	PP2400519203	G04061	Seunax	Diacerein	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	8931103868 23 (VD-19806-13)	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	40.020	1.590	63.631.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
385	PP2400519204	G04062	Drotusc Forte	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110024600 (VD-24789-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	498.660	1.029	513.121.140	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
38	PP2	G04	Drot	Drot	40m	Uốn	Viên	Hộp	3	36	VD-	Côn	Việt	Viên	462.	570	263.	Tron

6	400519205	63	usc	averin hydroclorid	g	g	nén	10 vỉ x 10 viên		tháng	25197-16	g ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Nam		200		454.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
387	PP2400519206	G04 64	Bidinatec 5	Enalapril maleat	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	24 tháng	893110208023	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Viên	244.800	830	203.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
388	PP2400519207	G04 65	Erilcar 10	Enalapril maleat	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-27305-17	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	940.900	1.400	1.317.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

389	PP2400519208	G04066	Nexipraz 40	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Hộp 05 vỉ x 07 viên	3	36 tháng	VD-30318-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	783.050	3.470	2.717.183.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
390	PP2400519209	G04067	Atocib 60	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên nén bao phim	hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110268223	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	51.000	3.150	160.650.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
391	PP2400519210	G04068	Flodicar 5mg MR	Felodipin	5mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110693224 (VD-26412-17)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	1.656.520	1.150	1.904.998.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
392	PP2400519211	G04069	Fegra 180	Fexofenadin hydroclorid	180 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-20324-13	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	257.960	4.150	1.070.534.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
393	PP2400519212	G04070	Gabarel	Gabapentin	300 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm hoặc nhôm - PVC)	3	36 tháng	VD-26056-17	Công ty Cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	93.840	3.150	295.596.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
394	PP2400519214	G04072	Glycinorm-80	Gliclazid	80mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VN-19676-16	Ipca Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Viên	731.600	1.880	1.375.408.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
395	PP2400519215	G04073	Melanov-M	Gliclazide + Metformin hydrochloride	80mg +500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VN-20575-17	Micro Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.187.000	3.850	8.419.950.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
396	PP2400519217	G04075	Glimepiride Stella 2 mg	Glimepiride	2mg	Uống	viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-24575-16	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	621.880	1.100	684.068.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
397	PP2400519218	G04076	Bivitero 150	Irbesartan	150 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110189224 (VD-24671-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	364.340	2.150	783.331.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
398	PP2400519219	G04777	Irbevel 300	Irbesartan	300 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 14 viên	3	36 tháng	893110238624	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	531.800	5.670	3.015.306.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
399	PP2400519222	G04880	Imidu 60 MG	Isosorbid-5-mononitrat	60mg	Uống	viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	3	60 tháng	893110617324	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	108.200	2.489	269.309.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
400	PP2400519223	G04881	Ettaby	Itopride HCl	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-36223-22	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	166.000	4.190	695.540.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
401	PP2400519226	G0484	Pyzacar 50 mg	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	3	36 tháng	VD-26431-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	3.352.066	1.128	3.781.130.448	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
402	PP2400519227	G0485	Loxfen	Loxoprofen natri	60mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-21502-14	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Viên	391.000	1.900	742.900.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
403	PP2400519229	G0487	Glimaron	Metformin Hydrochlorid + Glibenclamid	500mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110057023	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung	Việt Nam	Viên	1.178.190	1.180	1.390.264.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

												ương I - Pharbaco						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
404	PP2400519231	G0489	Mebikol	Methylprednisolon	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-19204-13	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y tế	Việt Nam	Viên	3.694.160	699	2.582.217.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
405	PP2400519232	G0490	Nebivolol Stella 5mg	Nebivolol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	8931103905 23	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	32.040	1.448	46.393.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
406	PP2400519233	G0491	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	8931104580 24 (VD-32593-19)	Công ty TNHH Hasan - Dermaphar	Việt Nam	Viên	444.020	672	298.381.440	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												m						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
407	PP2400519234	G04092	Olanxol	Olanzapin	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	8931100946 23	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	545.000	2.350	1.280.750.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
408	PP2400519235	G04093	SaVi Pantoprazole 40	Pantoprazol	40mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-20248-13	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	140.000	775	108.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
409	PP2400519236	G04094	Pharbacol	Paracetamol	650 mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 5 viên	3	36 tháng	8931000776524 (VD-24291-1	Công ty cổ phần dược	Việt Nam	Viên	1.116.000	1.100	1.227.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

											6)	phẩm Trung ương 1 - Pharbaco						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
410	PP2400519237	G04095	Hapacol 250	Paracetamol	250 mg	Uống	Thuốc bột sủi bọt	hộp 24 gói x 1,5g	3	36 tháng	8931000410023	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1.135.140	1.764	2.002.386.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
411	PP2400519238	G04096	Mypara 500	Paracetamol (acetaminophen)	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-21006-14	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	3.617.900	200	723.580.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
412	PP2400519240	G04098	Mypara	Paracetamol (acetami	500 mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 20 vỉ x 4 viên	3	24 tháng	VD-23873-15	Công ty Cổ phần	Việt Nam	Viên	809.560	550	445.258.000	Trong vòng 24 thán

				noph en)								S.P. M						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
413	PP2400519241	G0499	AYITE	Rebamipid	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-20520-14	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	380.560	3.200	1.217.792.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
414	PP2400519242	G0500	Risperidon vpc 2	Risperidon	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-26131-17	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	200.000	2.310	462.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
415	PP2400519	G0501	Sita-Met Tabl	Sitagliptin +	50mg +10	Uống	Viên nén bao	Hộp 2 vỉ x 7	3	24 tháng	893110466023	CSSX: CCL	Pakistan (Việt	Viên	168.000	8.500	1.428.000.00	Trong vòng

	243		ets 50/1000	metformin hydrochlorid	00mg		phim	viên			(DG3-4-20)	Pharmaceuticals (Pvt) Ltd-Pakistan; Đóng gói thứ cấp: Công ty Cổ phần Dược phẩm Am Vi	Nam - Cơ sở đóng gói cấp 2)				0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
416	PP2400519244	G0502	Sita-Met Tablets 50/500	Sitagliptin + metformin hydrochlorid	50mg + 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	3	24 tháng	893110134323	CSSX: CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd-Pakistan; Đóng gói thứ cấp: Công ty Cổ phần Dược phẩm Am Vi	Pakistan (Việt Nam - Cơ sở đóng gói cấp 2)	Viên	1.086.000	7.880	8.557.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
417	PP2400519245	G0503	Tenfovix	Tenofovir (TD	300mg	Uống	Viên nén bao phi	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	QLĐB-653-18	Công ty cổ phần	Việt Nam	Viên	147.000	2.900	426.300.000	Trong vòng 24

				F)			m					Pymepharco						tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
418	PP2400519247	G0505	SaVi Valsartan Plus HCT 80/12.5	Valsartan + Hydrochlorothiazid	80mg +12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	VD-23010-15	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	901.400	7.450	6.715.430.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
419	PP2400519248	G0506	Acetazolamid DWP 250 mg	Acetazolamid	250 mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931100030424	Công ty cổ phần dược phẩm Weallphar	Việt Nam	Viên	15.800	1.092	17.253.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
420	PP2400	G0507	Atileuci	Acetyl	500 mg/	Tiêm	Dung	Hộp 10	4	36 thán	893110	Công ty	Việt Na	Ống	207.010	13.350	2.763.58	Trong

	519249		neinj	leucin	5ml		dịch tiêm	ống x 5 ml		g	058324	Cổ phần Dược phẩm An Thiên	m				3.500	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
421	PP2400519250	G05 08	Aspirin 100	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	100 mg	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 12 gói x 1.5g /gói	4	24 tháng	893110271300 (VD-32920-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Gói	310.400	2.000	620.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
422	PP2400519255	G05 13	Amino leban	Acid amin	8% / 200 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200 ml	4	24 tháng	VD-36020-22	Công ty Cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Túi	10.250	104.000	1.066.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

423	PP2400519257	G0515	Kidmin	Acid amin	7,2%/200ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200ml	4	24 tháng	VD-35943-22	Công ty Cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Túi	37.174	115.000	4.275.010.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
424	PP2400519258	G0516	Amiparen 10%	Acid amin	10%/200ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200ml	4	24 tháng	893110453623	Công ty Cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Túi	16.850	63.000	1.061.550.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
425	PP2400519259	G0517	Bactericin 250	Acyclovir	250mg	Tiêm	Thuốc bột đông khô pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ, 10 lọ, 50 lọ	4	36 tháng	VD-34911-20	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Lọ	660	170.000	112.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
426	PP2400519260	G0518	A.T Adenosine 3mg/ml	Adenosine	6mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	4	24 tháng	8931102655 24	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	2.340	760.000	1.778.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
427	PP2400519261	G0519	MHAescin 40	Aescin	40mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931109204 24 (VD-32611-19)	Công ty Cổ Phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Viên	120.640	4.600	554.944.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
428	PP2400519262	G0520	ALBENDAZOL 400	Albendazol	400mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 5 vỉ x 4 viên	4	36 tháng	8931100800 24	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Viên	35.290	1.548	54.628.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
429	PP2400519264	G0522	Agigout 300	Allopurinol	300 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110244724	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	525.920	398	209.316.160	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
430	PP2400519267	G0525	Newstomaz	Alverin citrat + simethicon	60mg + 300 mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-21865-14	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	238.000	935	222.530.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
431	PP2400519271	G0529	Amitriptylin	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 500 viên	4	36 tháng	893110156324	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	115.620	170	19.655.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
432	PP2400519272	G0530	Kavasdin 5	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	4.190.100	110	460.911.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
433	PP2400519273	G0531	Zoamco - A	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-36187-22	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	464.600	3.250	1.509.950.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
434	PP2400519274	G0532	Telmiam	Telmisartan; Amlodipine	40mg +5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110238923	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	82.040	7.050	578.382.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
435	PP2400519275	G0533	Valclorex	Amlodipin + Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110119723	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	405.200	6.300	2.552.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
436	PP2400519280	G0538	Claminat 500mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1,5g	4	24 tháng	VD-26857-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Gói	238.000	6.447	1.534.386.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
437	PP2400519281	G0539	Augbidil	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg + 200mg	Tiêm	Thuốc tiêm bột	Hộp 10 lọ	4	24 tháng	893110092423 (VD-19318-13)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y	Việt Nam	Lọ	63.560	27.993	1.779.235.080	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

												tế Bình Định (Bidipha r)						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
438	PP2400519282	G0540	Zorolab 1000	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 14 gói x 2g	4	24 tháng	VD-25184-16	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Gói	209.000	9.000	1.881.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
439	PP2400519283	G0541	Ampicillin 1g	Ampicilin (muối natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	4	36 tháng	893110812124 (VD-24793-16)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	22.800	7.000	159.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
440	PP2400519284	G0542	Bipisyn 750	Ampicilin + sulbactam	0,5g +0,25g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-36110-22	Công ty cổ phần Dược-Trang	Việt Nam	Lọ	11.900	21.798	259.396.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
441	PP2400519285	G0543	Aupisin 3g	Ampicilin + Sulbactam	2g + 1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, lọ thủy tinh; Hộp 10 lọ, lọ thủy tinh	4	24 tháng	893110288224	Công ty cổ phần hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Lọ	22.000	54.980	1.209.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
442	PP2400519286	G0544	Pancres	Amylase + lipase + protease	4.080 IU + 3.400 IU + 238 IU	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-25570-16	Công ty TNHH dược phẩm USA-NIC (USA-NIC Pharma)	Việt Nam	Viên	363.200	3.000	1.089.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
443	PP2400519289	G0547	Atosiban-BFS	Atosiban	7,5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x lọ 5ml	4	24 tháng	VD-34930-21	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	Lọ	48	1.575.000	75.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												phẩm CPC 1 Hà Nội						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
444	PP2400519290	G05548	Atropin sulphat	Atropin sulfat	0,25 mg/ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	4	36 tháng	893114045723 (VD-24376-16)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	158.230	630	99.684.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
445	PP2400519292	G05550	Agitro 500	Azithromycin	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 3 viên	4	36 tháng	VD-34102-20	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	85.600	2.580	220.848.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
446	PP2400519293	G05551	Progermila	Bacillus clausii	2 tỷ CFU/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 40 ống x 5ml	4	36 tháng	893400090623	Công ty Cổ phần	Việt Nam	Ống	434.760	5.460	2.373.789.600	Trong vòng 24 thán

												Dược phẩm CPC1 Hà Nội						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
447	PP2400519294	G05552	Enterogolds	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 Viên	4	36 tháng	QLSP-955-16	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	938.460	2.715	2.547.918.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
448	PP2400519295	G05553	Enterobella	Bacillus clausii	1 tỷ - 2 tỷ	Uống	Thuốc bột	Hộp 25 gói x1g	4	36 tháng	893400175100 (QLSP-0795-14)	Công Ty CP Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Gói	620.980	3.029	1.880.948.420	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
449	PP2400519	G05557	Satarex	Beclometason	50 mcg/liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt	Hộp 1 lọ 150	4	36 tháng	893100609724	Công ty cổ	Việt Nam	Lọ	4.136	55.900	231.202.400	Trong vòng

	299			(dipropionat)	xịt, lọ 150 liều		mũi	liều 50 mcg			(VD-25904-16)	phần tập đoàn Merap					24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
450	PP2400519300	G05058	Benzylpenicillin 1.000.000 IU	Benzylpenicilin	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	4	36 tháng	893110923124 (VD-24794-16)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	3.060	3.790	11.597.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
451	PP2400519302	G05060	Bisacodyl DHG	Bisacodyl	5mg	Uống	viên nén bao phim tan trong ruột	hộp 4 vỉ x 25 viên	4	36 tháng	VD-21129-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	34.600	250	8.650.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
45	PP2	G05	Trid	Bis	120	Uốn	Viên	Hộp	4	36	VD-	Côn	Việt	Viên	502.	2.78	1.39	Tron

2	400519303	61	abu	muth	mg	g	nén bao phim	3 vỉ x 10 viên		tháng	36140-22	g Ty Cổ Phần Dược Phẩm Medisun	Nam		000	6	8.572.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
453	PP2400519304	G05062	Bleomycin Bidiphar	Bleomycin	15U	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	4	24 tháng	8931140929 23 (QLĐB-768-19)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	240	429.996	103.199.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
454	PP2400519305	G05063	AGI-BROMHEXINE	Bromhexin hydroclorid	4mg/5ml, ống 5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 gói 5ml	4	24 tháng	VD-19310-13	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Gói	488.800	1.260	615.888.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

455	PP2400519306	G05664	Brosuvon 8mg	Bromhexin hydroclorid	8mg/5ml	Uống	Siro	H/20 gói x 5ml	4	24 tháng	8931007146 24 (VD-29284-18)	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Gói	240.000	4.725	1.134.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
456	PP2400519307	G05665	Dkasonide	Budesonide	64mcg/liều x 120 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 01 lọ x 120 liều xịt	4	24 tháng	893110148523	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Việt Nam	Lọ	26.740	90.000	2.406.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
457	PP2400519308	G05666	Benita	Budesonide	64mcg/0,05ml; Lọ 150 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều	4	24 tháng	8931003143 23 (VD-23879-15)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	16.790	90.000	1.511.100.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
458	PP2400519309	G0567	BFS-Cafein	Cafein (citrat)	30mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 3ml	4	36 tháng	8931041 4724 (VD-24589-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	5.880	42.000	246.960.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
459	PP2400519310	G0568	Calcium Hasan 250 mg	Calci carbonat + calci gluconolactat	150 mg + 1470mg	Uống	viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 12 viên	4	36 tháng	VD-28536-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	851.360	1.785	1.519.677.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
460	PP2400519313	G0571	Calcivin 100	Acid folinic	100 mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ thuốc tiêm đông khô + 1 ống nước cất tiêm 10 ml (SĐK: VD-	4	Lọ thuốc tiêm đông khô: 24 tháng; ống nước cất tiêm 10ml (SĐK	893110367824	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	1.280	49.750	63.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

								20273-13)		: VD-20273-13): 60 tháng								31/12/2026
461	PP2400519314	G05572	Sodtux	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	456mg, 426mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 ống x 10 ml; Hộp 20 ống x 10 ml; Hộp 30 ống x 10 ml	4	36 tháng	8931003437 23 (VD-28652-18)	Công ty cổ phần dược phẩm 23/9 (Tên cũ: Công ty cổ phần 23 tháng 9)	Việt Nam	Ống	250.000	3.400	850.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
462	PP2400519316	G05574	Mumcal	Calci lactat	500 mg/10 ml	Uống	Dung dịch uống	H/20 ống x 10ml	4	36 tháng	8931005008524 (VD-20804-14)	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Ống	1.796.250	2.740	4.921.725.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
463	PP2400519317	G05575	Pomonolac	Calcipotriol	0,75mg	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	4	24 tháng	893110320324 (VD-27096-17)	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Tuýp	4.480	131.000	586.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
464	PP2400519318	G0576	Calcitriol	Calcitriol	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm	H/1 vỉ, 3 vỉ x 30 viên	4	36 tháng	8931015 3924 (VD-30380-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	32.000	300	9.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
465	PP2400519319	G0577	Candesartan Hct 8/12.5	Candesartan cilexetil; Hydrochlorothiazide	8mg; 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110329700	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	501.380	2.350	1.178.243.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
466	PP2400519321	G0579	Carbamazepin 200 mg	Carbamazepin	200 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 100 viên	4	36 tháng	VD-23439-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	59.440	924	54.922.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
467	PP2400519322	G0580	Vinbetocin	Carbetocin	100 µg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 1 ml	4	36 tháng	8931102007 23	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	1.420	340.000	482.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
468	PP2400519323	G0581	Ausmuco 750G	Carbocistein	750 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 15 gói, 20 gói, 30 gói x 3g	4	24 tháng	8931007046 24 (VD-29744-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Gói	176.000	5.500	968.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
469	PP2400519324	G0582	Placarbo	Carboplatin	150mg/15ml (10 mg/ml)	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm	Hộp 1 lọ x 15ml	4	24 Tháng	8931141651 00	Công ty TNHH Sinh Dược	Việt Nam	Lọ	2.400	238.200	571.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

							truyền					phẩm Hera						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
470	PP2400519325	G0583	Bocartin 50	Carboplatin	50mg/5ml	Tiêm/truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 5ml	4	24 tháng	VD-21241-14	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	1.200	118.986	142.783.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
471	PP2400519326	G0584	Hemastop	Carboprostromethamin	332 mcg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	4	24 tháng	893110879924 (VD-30320-18)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	240	290.000	69.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
472	PP2400519327	G0585	Cefaclor 125 mg	Cefaclor	125 mg	Uống	Bột pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 1,4g	4	24 tháng	VD-21657-14	Công ty CPDP Min	Việt Nam	Gói	294.000	1.280	376.320.000	Trong vòng 24 thán

												h Dân						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
473	PP2400519331	G0589	Fadolce	Cefamandol	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	24 tháng	893110319624 (VD-20466-14)	Công ty CPDP Trung ương 2	Việt Nam	Lọ	2.000	36.000	72.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
474	PP2400519332	G0590	Cefazolin 2g	Cefazolin	2g	Tiêm truyền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	893110075524 (VD-31211-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	15.960	28.000	446.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
475	PP2400519	G0591	Avis-Cefd	Cefdinir	250 mg	Uống	Bột pha hỗn	Hộp 30 gói	4	36 tháng	VD-32048-19	Công ty cổ	Việt Nam	Gói	390.800	4.980	1.946.184.00	Trong vòng

	333		inir 250 mg				dịch	x 1,5g				phần dược S.P harm					0	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
476	PP2400519334	G0592	Cefepim 1g	Cefepim	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-21899-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	6.600	21.275	140.415.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
477	PP2400519335	G0593	Dicifepim 2g	Cefepim	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-29211-18	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	23.600	63.000	1.486.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
47	PP2	G05	Cefi	Cefi	200	Uốn	Viên	Hộp	4	36	893	Chi	Việt	Viên	236.	1.10	260.	Tron

8	400519336	94	mbrano 200	xim	mg	g	nén bao phim	1 vỉ x 10 viên Hộp 10 vỉ x 10 viên		tháng	110082600 (VD-22232-15)	nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Nam		000	2,5	190.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
479	PP2400519337	G0595	Cefoperazone 2g	Cefoperazon	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	893110740324	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	6.000	60.000	360.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
480	PP2400519340	G0598	Cefoxitin 1g	Cefoxitin	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 01 lọ kèm 01 ống nước cất pha tiêm 10ml, Hộp 10 lọ	4	24 tháng	VD-34759-20	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Việt Nam	Lọ	47.140	45.000	2.121.300.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/1

																		2/2026
481	PP2400519341	G0599	Bicefzidim 1g	Ceftazidim	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-28222-17	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	110.140	10.185	1.121.775.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
482	PP2400519342	G0600	Ceftizoxim 0,5g	Ceftizoxim	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	893110303123 (VD-23726-15)	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	12.016	28.350	340.653.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
483	PP2400519343	G0601	Bivimanal 1g	Ceftizoxim	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	24 tháng	893110680024 (VD-19472-13)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	17.000	47.000	799.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
484	PP2400519347	G0605	Cefuroxime 125mg/5ml	Cefuroxim	125mg/5ml, 40g/60ml	Uống	Bột pha hỗn dịch	Hộp 1 lọ 40g bột pha 60ml hỗn dịch	4	24 tháng	VD-29006-18	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	7.200	39.816	286.675.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
485	PP2400519350	G0608	Agilecox 100	Celecoxib	100 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931102554235 (VD-29651-18)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	594.900	280	166.572.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
486	PP2400519353	G0611	Cimetidin 200	Cimetidine	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 50 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110154123	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	90.000	320	28.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến

																		hết ngày 31/12/2026
487	PP2400519358	G0616	Ciprofloxacin 0,3%	Ciprofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	4	24 tháng	893115292000 (VD-22941-15)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	13.538	2.020	27.346.760	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
488	PP2400519359	G0617	Ciproven 10 mg/ml	Ciprofloxacin	400 mg/40ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ, 3 lọ, 5 lọ, 10 lọ, 20 lọ x 40ml, Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Tiêm truyền tĩnh mạch	4	36 tháng	893115226224	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	5.600	92.000	515.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
489	PP2400519360	G0618	Cisplatin Bidiphar 10m	Cisplatin	10mg/20ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc	Hộp 1 lọ 20ml	4	36 tháng	8931140930 23 (QL	Công ty cổ phần	Việt Nam	Lọ	960	59.997	57.597.120	Trong vòng 24 thán

			g/20 ml				để pha truyền tĩnh mạch				ĐB-736-18)	Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
490	PP2400519365	G0623	Clobetasol 0.05%	Clobetasol propionat	0,05%, 30g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 30g	4	36 tháng	893110687124 (VD-30588-18)	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Tuýp	11.890	30.800	366.212.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
491	PP2400519367	G0625	Aminazin 1,25%	Clorpromazin hydroclorid	25mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	4	36 tháng	VD-30228-18 (8931157010204)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	2.540	2.100	5.334.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
492	PP2400519	G0626	Cloxacilin 1g	Cloxacilin	1g	Tiêm	Thuốc bột	Hộp 01 lọ;	4	36 tháng	8931106887224	Công ty cổ	Việt Nam	Lọ	3.580	41.000	146.780.000	Trong vòng

	368						pha tiêm	Hộp 10 lọ			(VD-30589-18)	phần dược phẩm VCP					24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
493	PP2400519369	G0627	Beclozine 25	Clozapine	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931105846 24 (VD-18186-13)	Công ty cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	60.000	1.000	60.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
494	PP2400519370	G0628	Lepigin 100	Clozapin	100 mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110040323	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	28.080	1.850	51.948.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
49	PP2	G06	Terp	Code	10m	Uốn	Viên	Hộp	4	36	VD-	Côn	Việt	Viên	415.	780	324.	Tron

5	400519371	29	incodein 10	inphosphat + Terpinhydrat	g + 100mg	g	nén	8 vỉ x 10 viên		tháng	35730-22	g ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Nam		400		012.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
496	PP2400519373	G0631	Acistate 1MIU	Colistimethat natri	1.000.000UI	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	4	36 tháng	893114820424 (VD-17551-12)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	16.880	129.000	2.177.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
497	PP2400519374	G0632	Alcol 70°	Cồn 70°	70 độ/ 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai 60ml	4	36 tháng	VD-31793-19	Chi nhánh Công ty CPDP OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OP	Việt Nam	Chai	353.880	3.045	1.077.564.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

												C						
498	PP2400519375	G0633	HORNOL	Cytidin monophosphat disodium + Uridin monophasphat disodium	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-16719-12	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	1.107.040	4.390	4.859.905.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
499	PP2400519376	G0634	Jasirox Tab 360	Deferasirox	360 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110260100 (VD-34547-20)	Công ty CP Dược Vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Viên	2.720	45.800	124.576.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
500	PP2400519377	G0635	Deferipr one A.T	Deferipron	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931101491 24 (VD-25654-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	4.320	2.394	10.342.080	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
501	PP2400519378	G0636	Qualizin	Dequalinium clorid	10mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên Hộp 1 vỉ x 6 viên, Hộp 2 vỉ x 6 viên, Hộp 3 vỉ x 6 viên	4	36 tháng	8931009128 24 (VD-33871-19)	Công Ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Việt Nam	Viên	1.200	13.900	16.680.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
502	PP2400519379	G0637	Desloratadine Danapha	Desloratadin	0,5mg/ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai 30ml	4	24 tháng	893100211323	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Chai	39.700	12.000	476.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
503	PP2400519383	G0641	DEXAMETHASON	Dexamethason	0.5 mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	4	24 tháng	893110855224	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	Viên	47.000	62	2.914.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												Vacopharm						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
504	PP2400519384	G06042	Anticlor	Dexclorpheniramin maleat	2mg/5ml; 30ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai x 30 ml	4	36 tháng	8931001481 24 (VD-24738-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	6.660	19.200	127.872.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
505	PP2400519385	G06043	A.T Pantheno l	Dexpanthenol	250mg/5g; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	4	36 tháng	8931008786 24 (VD-32742-19)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	4.640	15.350	71.224.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
506	PP2400519388	G06046	Diazepam 10mg/2m	Diazepam	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	4	36 tháng	893112683724 (VD	Chi nhánh công ty	Việt Nam	Ống	12.982	5.250	68.155.500	Trong vòng 24 thán

			l								-25308-16)	CPDP Trung ương Vidipha Bình Dương						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
507	PP2400519390	G0648	Diclofenac	Diclofenac natri	100mg	Đặt hậu môn	Viên đạn đặt hậu môn	Hộp 1 vỉ x 5 viên	4	24 tháng	893110878824 (VD-29382-18)	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	Viên	9.000	7.140	64.260.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
508	PP2400519392	G0650	Digoxin-BFS	Digoxin	0,25mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ 1ml	4	36 tháng	893110288900 (VD-31618-19)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	1.110	16.000	17.760.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
509	PP2400519	G0651	LUFOGE	Mỗi gói 20ml	3g/20ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói	4	36 tháng	VD-31089-18	Công ty cổ	Việt Nam	Gói	200.886	4.400	883.898.400	Trong vòng

	393		L	chứa : Dioctahedral smectit			g	x 20ml				phần dược phẩm Đạt Vi Phú						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
510	PP2400519394	G0652	Cezmeta	Diosmectit	3g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,76g	4	36 tháng	VD-22280-15	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Gói	220.380	756	166.607.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
511	PP2400519396	G0654	Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	4	36 tháng	VD-23761-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	23.536	690	16.239.840	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
51	PP2	G06	Dobu	Dob	250	Tiêm	Dun	Hộp	4	24	893	Côn	Việt	Lọ	8.66	79.0	684.	Tron

2	400519397	55	tamin 250mg/50ml	utamin	mg/50ml	truyền	g dịch tiêm truyền	01 lọ x 50ml		tháng	110155723	g ty CPDP Minh Dân	Nam		2	00	298.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
513	PP2400519398	G06656	Atibutrex 250mg/5ml	Dobutamin	250mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	H/5 ống, 10 ống, 20 ống x 5 ml	4	24 tháng	893110212723	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	4.480	55.000	246.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
514	PP2400519399	G06657	Bestdocel 80mg/4ml	Docetaxel	80mg/4ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 4ml	4	24 tháng	8931140928 23 (QLĐB-767-19)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipha r)	Việt Nam	Lọ	480	546.000	262.080.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

515	PP2400519401	G0659	Butapenem 500	Doripenem	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	24 tháng	893110319124 (VD-29168-18)	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Lọ	12.400	617.000	7.650.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
516	PP2400519402	G0660	Doxorubicin Bidiphar 50	Doxorubicin hydroclorid	50mg/25ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 25ml	4	24 tháng	893114093323 (QLĐB-693-18)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	1.440	187.950	270.648.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
517	PP2400519407	G0665	Atirin Suspension	Ebastin	5mg/5ml; 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	4	24 tháng	VD-34136-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	96.800	5.900	571.120.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
518	PP2400519408	G06666	Predegyl	Econazol natri	150 mg	Đặt âm đạo	Viên trứng đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 3 viên	4	36 tháng	VD-20818-14	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Viên	8.000	12.000	96.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
519	PP2400519412	G06670	Agi-Ery 500	Erythromycin	500 mg	Uống	Viên nén dài bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931031 0624 (VD-18220-13)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	21.400	1.150	24.610.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
520	PP2400519413	G06671	NANOKINE 2000 IU	Recombinant Human Erythropoietin alfa	2000 IU/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	4	24 tháng	QLSP-920-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Lọ	48.200	127.000	6.121.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
521	PP2400519414	G0672	NANOKINE 4000 IU	Recombinant Human Erythropoietin alfa	4000 IU/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm (1ml)	4	24 tháng	QLSP-919-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Lọ	29.240	280.000	8.187.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
522	PP2400519415	G0673	Vinxium	Esomeprazol	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-22552-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	36.090	7.835	282.765.150	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
523	PP2400519416	G0674	Atmethysla 250 mg	Etamsylat	250mg/2ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	4	24 tháng	893110653424 (VD-20147-13)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	120.260	7.650	919.989.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
524	PP2400519417	G0675	Lefeixin	Etifoxin chlohydrat	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931105401 24 (VD-33479-19)	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Medisun	Việt Nam	Viên	21.600	3.160	68.256.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
525	PP2400519418	G0676	Etoposid Bidiphar	Etoposid	100mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 5ml	4	36 tháng	VD-29306-18	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipha r)	Việt Nam	Lọ	360	113.988	41.035.680	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
526	PP2400519420	G0678	BFS-Famotidin	Famotidin	20mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 2 ml	4	24 tháng	8931101508 24 (VD-29702-18)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	18.720	34.750	650.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
527	PP2400519421	G0679	Bifamodin 40mg/4ml	Famotidin	10mg/1ml, 4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 4ml	4	24 tháng	8931100523 23	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	4.400	59.955	263.802.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
528	PP2400519422	G0680	LIPAGIM 300	Fenofibrat	300 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931105733 24	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	302.000	440	132.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
529	PP2400519423	G0681	Zolmed 150	Fluconazol	150 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-20723-14	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Na	Việt Nam	Viên	31.730	3.500	111.055.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

												m						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
530	PP2400519425	G0683	Flunarizin 10mg	Flunarizin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931101582223	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Việt Nam	Viên	715.100	377	269.592.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
531	PP2400519426	G0684	Fluopas	Fluocinolon acetonid	0,025%/10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tube 10g	4	36 tháng	89311016 1824 (VD-24843-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Tube	16.190	3.737	60.502.030	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
532	PP2400519427	G0685	Biluracil 500	Fluorouracil (5-FU)	500mg/10ml	Tiêm/truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 10ml	4	24 tháng	VD-28230-17	Công ty cổ phần Dược-Trang	Việt Nam	Lọ	480	42.000	20.160.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												thiết bị y tế Bình Định (Bidipha r)						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
533	PP2400519428	G0686	Bilur acil 1g	Fluorouracil (5-FU)	1g/20ml	Tiêm / truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 20ml	4	24 tháng	8931141149 23 (QLĐB-591-17)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipha r)	Việt Nam	Lọ	800	81.900	65.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
534	PP2400519429	G0687	Amedolfen 100	Flurbiprofen	100 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931106699824 (VD-29055-18)	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	39.000	1.150	44.850.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
535	PP2400519430	G0688	Flucason	Fluticasone Propionate	50mcg	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 01 lọ x 60 liều xịt	4	24 tháng	893110264324	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	Lọ	18.820	96.000	1.806.720.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												Khoa						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
536	PP2400519431	G0689	Fluvastatin 20 mg	Fluvastatin	20mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931104850 24 (VD-32857-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Viên	319.000	4.557	1.453.683.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
537	PP2400519432	G0690	Fosmitic	Fosfomycin natri	30mg/1ml Lọ 5ml	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	Hộp 1 lọ. Lọ 5ml	4	36 tháng	8931109213 24 (VD-33152-19)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	2.160	45.000	97.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
538	PP2400519433	G0691	Delivir 2g	Fosfomycin	2000mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	893110680424 (VD	Công ty CP Dược	Việt Nam	Lọ	3.600	81.900	294.840.000	Trong vòng 24 thán

											-17548-12)	phẩm trung ương 1 - Pharbaco						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
539	PP2400519436	G0694	Bifudin	Fusidic acid	2%, 5g	Dùng ngoài	Kem	Hộp 1 tuýp 5g	4	36 tháng	893110145123	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Tuýp	8.340	11.487	95.801.580	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
540	PP2400519437	G0695	BV Fuberat	Fusidic acid 2% (w/w) Betamethasone	(100mg + 5mg)5g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 5g	4	36 tháng	893110035624	Công ty TNHH Dược phẩm BV pharma	Việt Nam	Tuýp	12.900	14.000	180.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
541	PP2400519	G0697	Bigemax 1g	Gemcitabin	1000mg	Tiêm/truy	Bột đông khô	Hộp 1 lọ	4	36 tháng	VD-21233-14	Công ty cổ	Việt Nam	Lọ	1.200	344.988	413.985.600	Trong vòng

	439					ền	pha tiêm					phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
542	PP2400519440	G0698	Bigemax 200	Gemcitabin	200mg	Tiêm/truyền	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 5ml	4	36 tháng	VD-21234-14	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	2.880	126.000	362.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
543	PP2400519441	G0699	Gentinex	Gentamicin	0,3%/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	4	36 tháng	VD-27297-17	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Lọ	24.370	1.890	46.059.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
54	PP2	G07	GEN	Gent	40m	Tiêm	Dun	Hộp	4	36	VD-	Côn	Việt	Ống	21.6	1.58	34.3	Tron

4	400519442	00	TAMICIN KABI 40MG/ML	amicin	g/1ml	truyền tĩnh mạch - Tiêm bắp	g dịch tiêm	10 ống x 1ml		tháng	22590-15	g ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Nam		00	9	22.400	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
545	PP2400519444	G0702	Acetakan 120	Ginkgo biloba	120 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 60 viên, 100 viên, 200 viên	4	36 tháng	VD-33364-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hoà	Việt Nam	Viên	300.000	1.512	453.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
546	PP2400519445	G0703	Acetakan 40	Ginkgo biloba	40mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03, 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - PVC, chứa trong túi nhôm; Hộp 03, 10	4	36 tháng	893210722624	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hoà	Việt Nam	Viên	458.000	399	182.742.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

								vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - nhôm; Hộp 1 chai x 30, 60, 90 viên										
547	PP2400519448	G07 06	THcomet - GP2	Metformin hydrochloride; Glimepirid	500mg; 2mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931100 01723	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	3.604.440	2.499	9.007.495.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
548	PP2400519450	G07 08	Mongor 500	Glucosamin sulfat	500 mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 20 viên	4	24 tháng	VD-20050-13	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	20.000	1.800	36.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
549	PP2400	G07 11	GLUCOS	Glucose	30% /500	Tiêm	Dung	Thùng 20	4	24 thán	VD-2316	Công ty	Việt Na	Chai	9.852	15.960	157.237.	Trong

	519453		E 30%	khan	ml	truyền tĩnh mạch	dịch tiêm truyền	chai 500 ml		g	7-15	cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	m				920	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
550	PP2400519456	G0714	Stiprol	Glycerol	2,25g/3g. Tuýp 9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Hộp 6 tuýp x 9g	4	36 tháng	8931000924 24	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	10.660	6.930	73.873.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
551	PP2400519457	G0715	Vinsetron	Granisetron	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	4	36 tháng	VD-34794-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	4.000	27.000	108.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

552	PP2400519458	G0716	GIFULDIN 500	Griseofulvin	500 mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931101414924 (VD-28828-18)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	14.600	1.236	18.045.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
553	PP2400519459	G0717	Haloperidol 0,5 %	Haloperidol	5mg/1 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 1ml	4	36 tháng	893110285600 (VD-28791-18)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	2.660	2.100	5.586.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
554	PP2400519460	G0718	Haloperidol 1,5 mg	Haloperidol	1,5 mg	Uống	Viên nén	H/2 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 25 viên	4	36 tháng	893110215500 (VD-21294-14)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	357.120	95	33.926.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
555	PP2400519461	G0719	Haloperidol DWP 3mg	Haloperidol	3mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-35950-22	Công ty cổ phần dược phẩm Weal phar	Việt Nam	Viên	154.000	399	61.446.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
556	PP2400519462	G0720	Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất tinh chế (SAV)	Huyết thanh kháng nọc rắn	Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất 1000 LD50	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 10 lọ x 1000 LD50/lọ	4	24 tháng	QLSP-0776-14	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Lọ	226	465.150	105.123.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
557	PP2400519463	G0721	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế (SAV)	Huyết thanh kháng nọc rắn	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre 1000 LD50	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 10 lọ x 1000 LD50/lọ	4	24 tháng	QLSP-0777-14	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Lọ	392	465.150	182.338.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
558	PP2400519464	G0722	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng uốn ván	1500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp 20 ống, hai vỉ x 1500 đvqt	4	24 tháng	893410250823 (QLSP-1037-17)	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	24.146	29.043	701.272.278	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
559	PP2400519465	G0723	Thiazifar	Hydroclorothiazid	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110593424 (VD-31647-19)	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Viên	62.200	177	11.009.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
560	PP2400519466	G0724	Vinphason	Hydrocortison	100 mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 10 lọ x 10 ống dung môI 2ml	4	Lọ thuốc tiêm đông khô: 36 tháng; ống dung môi: 36	893110219823	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	17.100	6.489	110.961.900	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

										tháng								ngày 31/12/2026
561	PP2400519467	G0725	Laci-eye	Hydroxypropylmethylcellulose	3mg/1ml;10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 10ml	4	36 tháng	8931105916 24 (VD-27827-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	9.238	28.000	258.664.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
562	PP2400519471	G0729	IBARTAINMR	Irbesartan	150 mg	Uống	Viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-7792-09	Công ty TNHH Dược phẩm Vellpharm Việt Nam	Việt Nam	Viên	268.000	6.498	1.741.464.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
563	PP2400519472	G0730	Rinocan	Irinotecan hydroclorid trihydrat	20mg/1ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 5ml	4	24 tháng	893114117800	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Lọ	360	465.800	167.688.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
564	PP2400519473	G0731	Irinotecan Bidiphar 40mg/2ml	Irinotecan hydroclorid trihydrat	40mg/2ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 2ml	4	36 tháng	8931141145123 (QLĐB-695-18)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	840	244.986	205.788.240	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
565	PP2400519474	G0732	Isosorbid	Isosorbid dinitrat	10mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	4	36 tháng	893110886124 (VD-22910-15)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	301.400	160	48.224.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
566	PP2400519481	G0739	Zinbebe	Kẽm gluconat	700mg/50ml	Uống	Siro	Hộp 1 lọ 50ml	4	36 tháng	893100069000 (VD-22887-15)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Lọ	103.600	24.999	2.589.896.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
567	PP2400519484	G0742	Ketorolac Danapha	Ketorolac tromethamin	30mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	4	36 tháng	8931105726 24	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	3.640	4.100	14.924.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
568	PP2400519485	G0743	Laci-5A 4mg	Lacidipin	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 4 vỉ x 7 viên	4	36 tháng	8931100609 23	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm élogne France	Việt Nam	Viên	224.000	1.190	266.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
569	PP2400519487	G0745	Lacbiosyn	Lactobacillus acidophilus	100 triệu CFU	Uống	Thuốc bột	Hộp 100 gói	4	36 tháng	QLSP-851-15	Công ty cổ phần Dược-Trang	Việt Nam	Gói	693.300	882	611.490.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
570	PP2400519488	G07046	Lacbiosyn	Lactobacillus acidophilus	100 triệu CFU	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8934002512 23 (QLSP-939-16)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Viên	970.000	1.420	1.377.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
571	PP2400519490	G07048	ZOKICETAM 250	Levetiracetam	250 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-35790-22	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	7.200	5.000	36.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
572	PP2400519494	G07052	Levomeproma zin 25 mg	Levomeproma zin	25mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 1 lọ x 100 viên	4	36 tháng	VD-24685-16 (8931103 32924)	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	Viên	160.000	550	88.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												Danapha						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
573	PP2400519495	G0753	Levomeproma zin DWP 50mg	Levomeproma zin malеat	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	VD-35361-21	Công ty cổ phần dược phẩm Weal phar	Việt Nam	Viên	282.000	1.995	562.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
574	PP2400519496	G0754	Disthyrox	Levothyroxin natri	100 mcg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 20 viên	4	24 tháng	VD-21846-14	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	115.880	292	33.836.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
575	PP2400519498	G0756	Inlezone 600	Linezolid	600 mg	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Hộp 1 túi 300 ml	4	24 tháng	8931105895 24 (VD	Công ty cổ phần	Việt Nam	Túi	1.536	194.900	299.366.400	Trong vòng 24 thán

											-32784-19)	dược phẩm Am Vi						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
576	PP2400519502	G0760	Losapin 100	Losartan kali	100 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 30 vỉ x 10 viên, Hộp 50 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-20053-13893110045300	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	382.000	500	191.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
577	PP2400519503	G0761	AGILOSART-H 50/12,5	Losartan kali + hydroclorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110255823 (VD-29653-18)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	684.740	390	267.048.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
578	PP2400519	G0762	Lacisartan	Losartan kali	100 mg +	Uống	Viên nén bao	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ,	4	36 tháng	893110238	Công ty TNH	Việt Nam	Viên	227.200	1.974	448.492.800	Trong vòng

	504		HCT 100/ 12.5	+ hydr oclo roth iazi d	12, 5mg		phi m	10 vỉ x 10 viên			824	H Liên doan h Hasa n - Der map har m						24 thán g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/1 2/20 26
57 9	PP2 400 519 505	G07 63	Ubin utro	Lysi n + Vita min + Kho áng chất	Mỗi lọ 120m l chứa : Lysi ne HCl 1200 mg; Vita min B1 26,7 mg; Vita min B2 26,7 mg; Vita min B6 26,7 mg; Vita min PP 24mg ; Kẽm sulfa t tươn g đươn g kẽm 40m g;	Uốn g	Sirô	Hộp 1 lọ 120m l;	4	36 thán g	8931 0070 6224 (VD- 1677 6-12)	Côn g ty cổ phần dược phẩ m Nam Hà	Việt Na m	Lọ	104. 040	45.0 00	4.68 1.80 0.00 0	Tron g vòng 24 thán g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/1 2/20 26

580	PP2400519506	G07764	Tranfast	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	64g +5,7g+ 1,680g +1,460g +0,750g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 10 gói	4	36 tháng	8931108808 24 (VD-33430-19)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Gói	34.500	28.000	966.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
581	PP2400519507	G07765	MEYERAPAGIL	Magnesi aspartat + kali aspartat	140 mg + 158 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-34036-20	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Viên	312.500	1.112	347.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
582	PP2400519508	G07766	Varogel S	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	800,4mg + 611,76 mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói 10ml	4	36 tháng	8931008609 24 (VD-26519-17)	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Gói	2.905.610	2.730	7.932.315.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
583	PP2400519509	G0767	Amfortgel	Mỗi 10ml chứa: Nhôm hydroxyd (dưới dạng nhôm hydroxyd gel khô); Magnesi hydroxyd (dưới dạng Magnesi hydroxyd paste 30%)	336,6mg (440mg)/10ml; 390mg/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10ml	4	36 tháng	VD-34952-21	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	416.000	2.750	1.144.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
584	PP2400519511	G0769	ATIRLIC FORTE	Magnesi hydroxyd; Nhôm hydroxyd; Simethicon	800mg; 800mg; 100mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10g	4	24 tháng	8931002032 24	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	1.442.120	4.020	5.797.322.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
585	PP2400519512	G07 70	Fumagate	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	0,8g + 0,4g + 0,08g	Uống	Hỗn dịch uống	Gói 10 g. Hộp 10 gói, hộp 20 gói, hộp 30 gói, và hộp 50 gói	4	36 tháng	8931003125 00 (VD-24839-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Gói	316.000	3.250	1.027.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
586	PP2400519513	G07 71	Pamagel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800 mg + 800 mg + 60mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 10 ml	4	36 tháng	VD-34563-20	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Gói	996.120	3.900	3.884.868.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
587	PP2400519514	G07 72	MAGNESI SULFAT KABI 15%	Magnesi sulfat	15%/ 10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	4	36 tháng	VD-19567-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Ống	40.230	2.900	116.667.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
588	PP2400519515	G0773	Manitol 20%	Manitol	20%/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	4	36 tháng	893110452724 (VD-32142-19)	Công ty Cổ Phần Hóa-Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai	5.220	35.000	182.700.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
589	PP2400519516	G0774	Mebendazol	Mebendazol	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 1,4,6 viên. Hộp 5,10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931004310024 (VD-25614-16)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	21.710	1.440	31.262.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
590	PP2400519517	G0775	Lucikvin	Meclofenoxate hydroclorid	250mg	Tiêm	Thuốc tiêm bột đông khô	Hộp 5 lọ + 5 ống nước cất tiêm 5ml (SĐK: VD-24904-16)	4	Lọ thuốc tiêm đông khô: 36 tháng; ống nước cất tiêm 5ml:	893110339324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	24.440	45.000	1.099.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

										48 tháng								ngày 31/12/2026
591	PP2400519518	G0776	Bidilucil 500	Meclophenoxat Hcl	500 mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml	4	36 tháng	8931100512 23	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	17.560	57.800	1.014.968.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
592	PP2400519526	G0784	Glimaron	Metformin hydrochlorid + Glibenclamid	500 mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931100570 23	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	965.260	1.180	1.139.006.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
593	PP2400519527	G0785	Hasanbest 500/2.5	Metformin hydroclorid + Glibenclamid	500 mg + 2,5 mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 8 vỉ x 15 viên	4	36 tháng	8931104577 24 (VD-32391-19)	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Viên	853.000	1.743	1.486.779.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
594	PP2400519528	G0786	Methotrexat	Methotrexat	50mg/2ml	Tiêm/truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 2ml	4	24 tháng	893114226823	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharm)	Việt Nam	Lọ	120	69.930	8.391.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
595	PP2400519530	G0788	Atisolu 125 inj	Methylprednisolon	125 mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 5 lọ + 5 ống dm 2 ml	4	24 tháng	893110148724 (VD-25648-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	81.380	21.840	1.777.339.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
596	PP2400519531	G0789	Vinsolon	Methylprednisolon	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi pha tiêm	4	Lọ thuốc tiêm đông khô: 36 tháng; ống	893110219923	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh	Việt Nam	Lọ	151.880	9.450	1.435.266.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

										dung môi pha tiêm: 60 tháng		Phúc						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
597	PP2400519532	G0790	Agidopa	Methyldopa	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931087 6924 (VD-30201-18)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	508.776	545	277.282.920	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
598	PP2400519533	G0791	Kanausin	Metoclopramid hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 20 viên	4	36 tháng	893110365323	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	81.600	300	24.480.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
599	PP2400519537	G0795	Metronidazol 750mg/150ml	Metronidazol	750mg/150ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 150 ml	4	24 tháng	893115706124	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	2.840	28.300	80.372.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
600	PP2400519539	G0797	Vadikiddy	Miconazole	0.02	Dùng ngoài	Gel rơ miệng họng	Hộp 1 tuýp 10g	4	36 tháng	VD-35641-22	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Tuýp	240	25.000	6.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
601	PP2400519540	G0798	Zodalan	Midazolam	5mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	4	36 tháng	893112265523	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	219.600	16.800	3.689.280.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
602	PP2400519541	G0799	Primінol	Milrinon	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	4	48 tháng	VD3-61-20	Công ty Cổ phần Pymepha	Việt Nam	Ống	24	955.000	22.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												rco						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
603	PP2400519542	G08000	Maxxneuro-MZ30	Mirtazapin	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931102741 23 (VD-30294-18)	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	17.100	888	15.184.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
604	PP2400519543	G08001	Heraprostol	Misoprostol	200 mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931104657 24	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	44.032	3.780	166.440.960	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
605	PP2400519544	G08002	Dkasolon	Mometason furoat	50mcg/liều; 60 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 60 liều xịt	4	24 tháng	8931108745 24 (VD	Công ty cổ phần	Việt Nam	Lọ	9.000	94.500	850.500.000	Trong vòng 24 thán

											-32495-19)	Dược Khoa						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
606	PP2400519545	G08 03	Adacast	Mometasone furoate	50mcg/0,1ml - 0,05% (kl/tt); Lọ 120 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 120 liều	4	24 tháng	VD-36193-22	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	4.600	119.000	547.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
607	PP2400519548	G08 06	Rvmoxi	Moxifloxacin	400mg/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	H/1 chai x 100 ml	4	24 tháng	8931159258 24 (VD-30142-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Chai	9.300	220.000	2.046.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
608	PP2400519	G08 07	Taxedac Eye	Mỗi 5ml chứa	(25mg + 5mg	Nhỏ mắt	Dung dịch	Hộp 1 lọ x	4	36 tháng	8931108 43124	Công ty cổ	Việt Nam	Lọ	4.236	21.390	90.608.040	Trong vòng

	549		Drops	: Dexamethason phosphat 5mg; Moxifloxacin 25mg	)/5ml		nhỏ mắt	5ml			(VD-31508-19)	phần dược vật tư y tế Hải Dương					24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
609	PP2400519550	G08008	T-Res 200mg	N-acetylcystein	200mg	Uống	Viên nén sủi bọt	H/5 vỉ x 4 viên; H/1 tuýp x 20 viên	4	24 tháng	893100323924 (VD-31282-18)	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Viên	300.800	944	283.955.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
610	PP2400519551	G08009	ANTIMUC 100	N-acetylcystein	200mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	4	24 tháng	VD-24134-16	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	320.920	3.250	1.042.990.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
61	PP2	G08	BFS	Nalo	0,4m	Tiê	Dun	Hộp	4	36	893	Côn	Việt	Ống	1.43	29.4	42.2	Tron

1	400519552	10	- Naloxone	xonhydroclorid	g/1ml	m	g dịch tiêm	10 túi x 1 ống x 1ml		tháng	110017800 (VD-23379-15)	g ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Nam		8	00	77.200	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
612	PP2400519553	G08011	Naphazolin 0,05% Danapha	Naphazolin hydroclorid	2,5 mg/5ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Hộp 1 lọ x 5ml	4	36 tháng	893100064800 (VD-29627-18)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ	24.646	2.050	50.524.300	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
613	PP2400519554	G08012	Naproxen EC DWP 250 mg	Naproxen	250 mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 06 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-35848-22	Công ty cổ phần dược phẩm Weal phar	Việt Nam	Viên	265.000	2.289	606.585.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

614	PP2400519559	G0817	NATRICLORID 10%	Natri clorid	10%/ 250 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 30 chai 250 ml	4	36 tháng	VD-23169-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	6.400	11.897	76.140.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
615	PP2400519560	G0818	Natri clorid 0.45%	Natri clorid	0,45%/ 500 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500 ml	4	24 tháng	893110118623	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	3.740	11.130	41.626.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
616	PP2400519563	G0821	Glucolyte-2	Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat + magnesi sulfa	(Natri clorid 1.955g, Kali clorid 0.375g, Monobasic kali phosphat 0.68g, Natri	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 500 ml	4	36 tháng	VD-25376-16	Công ty Cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Túi	14.000	17.000	238.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

				t + kẽm sulfat + dextrose	acetat.3H2O 0.68g, Magnesi sulfat.7H2O 0.316g, Kẽm sulfat.7H2O 5.76mg, Dextrose anhydrous 37.5g)/ 500ml													26
617	PP2400519564	G08 22	Oresol 245	Natri clorid + Natri citrat dihydrat + Kali clorid + Glucose khan	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	Uống	thuốc bột	Hộp 20 gói x 4,1g	4	36 tháng	893100095423	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	898.180	840	754.471.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
618	PP2400519565	G08 23	Theresol	Natri clorid + kali clorid +	0,7g + 0.3g + 0.58g+ 4g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch	Hộp 20 gói x 5,63g	4	36 tháng	VD-20942-14	Công ty Cổ phần dược-vật	Việt Nam	Gói	1.287.180	1.650	2.123.847.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

				natri citrat dihydrat + glucose khan			uống					tư y tế Thanh Hóa						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
619	PP2400519567	G08025	Vitol	Natri hyaluronat	0,18% (w/v) - Lọ 12ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 12ml	4	36 tháng	893110454524 (VD-28352-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	19.660	39.000	766.740.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
620	PP2400519568	G08026	Hylaform 0,1%	Natri hyaluronat	1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 5ml	4	36 tháng	893100057300 (VD-28530-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	730	24.950	18.213.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
621	PP2400519569	G08027	NATRI BICARBONA	Natri bicarbonat	1,4%/500ml	Tiêm truyền tĩnh	Dung dịch tiêm truy	Thùng 12 chai 500ml	4	36 tháng	VD-25877-16	Công ty cổ phần	Việt Nam	Chai	3.700	40.000	148.000.000	Trong vòng 24 thán

			T 1,4 %			mạch	ền					Fresenius Kabi Việt Nam						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
622	PP2400519570	G0828	Nefopam hydroclorid 20mg/2ml	Nefopam hydroclorid	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 2ml	4	36 tháng	893110447924	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	1.620	3.200	5.184.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
623	PP2400519571	G0829	Mepoly	Dexamethason; Neomycin; Polymyxin B sulfat	(10mg; 35mg; 100.000IU)/10ml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Hộp 1 lọ 10ml	4	36 tháng	893110420024 (VD-21973-14)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	8.620	37.000	318.940.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
624	PP2400519	G0830	Scofi	Mỗi 1ml chứa	(1mg; 3.50	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ	Hộp 1 lọ 10m	4	30 tháng	893110301	Công ty Cổ	Việt Nam	Lọ	18.310	37.000	677.470.000	Trong vòng

	572			: Dexamethason; Neomycin sulfat; Polymyxin B sulfat	0IU; 6.000IU)/1ml, Lọ 10ml		mắt	l			700 (VD-32234-19)	Phần Tập Đoàn Merap						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
625	PP2400519573	G08031	BFS-Neostigmine 0.25	Neostigmin metylsulfat (bromid)	0,25 mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 1ml	4	36 tháng	893114703224 (VD-24008-15)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	22.424	5.460	122.435.040	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
626	PP2400519574	G08032	Amvitacine 300	Netilmicin	300 mg/100 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi, 10 túi x 100 ml	4	24 tháng	893110468124 (VD-31578-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	Túi	10.800	139.860	1.510.488.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
62	PP2	G08	Vinc	Nica	10m	Tiê	Dun	Hộp	4	24	893	Côn	Việt	Ống	17.2	83.4	1.43	Tron

7	400519575	33	ardipin	rdipin hydroclorid	g/10ml	m	g dịch tiêm	2 vỉ x 5 ống x 10ml		tháng	110448024	g ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Nam		04	00	4.813.600	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
628	PP2400519576	G0834	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110436924 (VD-25180-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	36.620	1.596	58.445.520	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
629	PP2400519577	G0835	A.T Nicorandil 10 mg	Nicorandil	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110149723	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	134.600	3.360	452.256.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

630	PP2400519578	G08836	Fascapin - 10	Nifedipin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-22524-15	Cty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	116.500	455	53.007.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
631	PP2400519579	G08837	Noradrenalin 10mg/10ml	Noradrenalin	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 10ml	4	36 tháng	893110250824	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	16.810	140.000	2.353.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
632	PP2400519581	G08839	Nước cất pha tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	4	48 tháng	VD-31299-18	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Ống	2.728.640	504	1.375.234.560	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
633	PP2400519585	G0843	Binystar	Nystatin	25000UI	Bột đánh tưa lưỡi	Thuốc cốm rơ miệng	Hộp 10 gói x 1g	4	36 tháng	8931005643 24 (VD-25258-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Gói	32.060	938	30.072.280	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
634	PP2400519586	G0844	Nystatab	Nystatin	500.000 UI	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931103567 23 (VD-24708-16)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	840	920	772.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
635	PP2400519587	G0845	Valygyno	Nystatin + neomycin + polymyxin B	100.000 IU+ 35.000 IU+ 35.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Hộp 1 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931101819 24 (VD-25203-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	75.640	3.960	299.534.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
636	PP2400519588	G08046	Octreotid	Octreotid	0,1 mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 1ml	4	30 tháng	VD-35840-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	6.020	83.500	502.670.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
637	PP2400519589	G08047	Biflox 200 mg/40ml	Ofloxacin	200 mg/40ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai x 40ml	4	36 tháng	VD-36108-22	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Chai	8.000	87.990	703.920.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
638	PP2400519590	G08048	Biflox 200 mg/100 ml	Ofloxacin	200 mg/100 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100 ml	4	36 tháng	VD-35405-21	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định	Việt Nam	Chai	30.000	91.980	2.759.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

												(Bidiphar)						ngày 31/12/2026
639	PP2400519591	G0849	Ofloxacin 0,3%	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	4	24 tháng	8931152190000 (VD-23602-15)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	6.128	2.075	12.715.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
640	PP2400519593	G0851	Ofloxacin 300	Ofloxacin	300 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 6 viên, vỉ xé Alu/Alu; Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu/PVDC	4	36 tháng	8931156228 24	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	175.000	1.150	201.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
641	PP2400519596	G0854	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	4	36 tháng	VD-33461-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh	Việt Nam	Viên	3.818.300	156	595.654.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

												Hòa						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
642	PP2400519599	G0857	Ondansetron 8mg	Ondansetron	8mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110485124 (VD-25728-16)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	17.000	3.460	58.820.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
643	PP2400519600	G0858	Oxcarbazepin DWP 300 mg	Oxcarbazepin	300 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893114286024	Công ty cổ phần dược phẩm Weal phar	Việt Nam	Viên	39.440	3.780	149.083.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
644	PP2400519601	G0859	Vinphatoxin	Oxytocin	10 IU/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	4	36 tháng	893114039523	Công ty Cổ phần Dược phẩm	Việt Nam	Ống	51.500	6.489	334.183.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												Vĩnh Phúc						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
645	PP2400519602	G0860	Vinphatoxin	Oxytocin	5IU/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 1ml	4	36 tháng	8931143052 23	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	106.900	2.750	293.975.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
646	PP2400519603	G0861	Canpaxel 30	Paclitaxel	30mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 5ml	4	24 tháng	8931143435 23 (VD-21631-14)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipha r)	Việt Nam	Lọ	600	124.950	74.970.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
647	PP2400519604	G0862	Vintolox	Pantoprazole	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm bột đông khô	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-18009-12	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	Lọ	31.340	5.900	184.906.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												phẩm Vĩnh Phúc						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
648	PP2400519605	G08063	Papain	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 2ml	4	36 tháng	893110375423	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	91.384	3.100	283.290.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
649	PP2400519606	G08064	Agimol 325	Paracetamol (acetaminophen)	325 mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 10 gói, 30 gói x 1,6g	4	36 tháng	893100308900 (VD-22791-15)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Gói	829.600	1.029	853.658.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
650	PP2400519607	G08065	Tuspi Kids	Paracetamol (acetami	120mg/5ml, 5ml	Uống	Sirô	H/20 gói x 5ml; H/30	4	36 tháng	893100947224	Công ty cổ phần	Việt Nam	Gói	501.200	1.470	736.764.000	Trong vòng 24 thán

				noph en)				gói x 5ml				dược và vật tư y tế Bình Thu ận						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
651	PP2400519608	G08066	Agimol 80	Paracetamol (acetaminophen)	80mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói, 30 gói x 1g	4	36 tháng	893100309000 (VD-26722-17)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Gói	350.440	280	98.123.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
652	PP2400519611	G08069	Mypara	Paracetamol (acetaminophen)	500 mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 20 vỉ x 4 viên	4	24 tháng	893100101423 VD-23873-15	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	894.020	550	491.711.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
653	PP2400519	G08070	Biragan 150	Paracetamol	150 mg	Đặt trực tràn	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5	4	36 tháng	VD-21236-14	Công ty cổ	Việt Nam	Viên	24.160	1.680	40.588.800	Trong vòng

	612			(acetaminophen)		g		viên				phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
654	PP2400519614	G0872	PARABEST	Paracetamol + Clorpheniramin maleat	500mg + 2mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 5 vỉ x 4 viên	4	24 tháng	8931006364 24	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Việt Nam	Viên	259.200	2.650	686.880.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
655	PP2400519615	G0873	Efferr-paralmax codein 10	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 10mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 05 vỉ x 04 viên, Hộp 10 vỉ x 04 viên, vỉ xé Al/Al	4	36 tháng	8931112037 24 (VD-29694-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	681.900	2.100	1.431.990.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
65	PP2	G08	Di-	Para	325	Uốn	Viên	Hộp	4	24	VD-	Côn	Việt	Viên	308.	1.60	493.	Tron

6	400519616	74	antipain	cetamol + Tramadol hydrocloric	mg + 37,5mg	g	nén sủi bọt	5 vỉ x 4 viên		tháng	2937-18 893111043300	g ty Cổ phần S.P.M	Nam		200	0	120.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
657	PP2400519617	G0875	BFS - Pentoxifyllin	Pentoxifyllin	100 mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	4	36 tháng	VD-34664-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	1.200	31.500	37.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
658	PP2400519618	G0876	Solpedia	Perindopril arginin	5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-29374-18 893110243900	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	165.000	650	107.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

659	PP2400519619	G08077	Perindopril Plus DWP 5mg/1,25mg	Perindopril arginin + indapamid	5mg + 1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931102520 24	Công ty cổ phần dược phẩm Weal phar	Việt Nam	Viên	50.400	1.428	71.971.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
660	PP2400519622	G08080	Vitamin K1 1 mg/1ml	Vitamin K1	1mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	4	36 tháng	8931103444 23	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	83.990	1.250	104.987.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
661	PP2400519623	G08081	Phytok	Phytomenadion (vitamin K1)	20mg/ml. ống 1ml	Uống	Nhũ tương uống dạng nhỏ giọt	Hộp 3 ống x 1ml	4	24 tháng	VD-28882-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC 1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	2.440	50.000	122.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
662	PP2400519624	G08082	Tazopelin 4,5g	Piperacillin + tazobactam	4g + 0,5g	Tiêm / truyền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột	4	24 tháng	VD-20673-14	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Lọ	9.000	66.486	598.374.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
663	PP2400519629	G08087	DANAPHA PVP-IODINE 10%	Povidon iod	10g/100ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ x 100ml	4	24 tháng	8931000116600	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ	103.720	12.500	1.296.500.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
664	PP2400519636	G08094	Ramipril 5	Ramipril	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931102316230	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	45.800	1.150	52.670.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
665	PP2400519637	G0895	Metoxa	Rifamycin	200.000 IU/10ml	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	Hộp 1 lọ 10ml	4	24 tháng	893110380323 (VD-29380-18)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	1.520	65.000	98.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
666	PP2400519639	G0897	Agirisdon 2	Risperidon	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110205300 (VD-33373-19)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	89.700	370	33.189.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
667	PP2400519640	G0898	Rocuronium 50mg	Rocuronium bromid	50mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 5ml	4	36 tháng	VD-35273-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	7.490	42.500	318.325.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
668	PP2400519641	G0899	MICEZYM 100	Saccharomyces boulardii	2,26 x 10^9 CFU	Uống	Thuốc bột	Hộp 30 gói x 1g	4	24 tháng	8934001089 24	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Gói	439.600	4.284	1.883.246.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
669	PP2400519642	G0900	Zencombi	Salbutamol + ipratropium bromid	(2,5 mg + 0,5mg)/ 2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	4	36 tháng	8931155921 24 (VD-26776-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	88.400	12.600	1.113.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
670	PP2400519643	G0901	Atisalbu	Salbutamol	0,4 mg/ml (0,04% kl/tt); 30ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai x 30 ml	4	36 tháng	8931155 277823	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	8.080	15.000	121.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
671	PP2400519645	G0903	Atisalbu	Salbutamol sulfat	2mg/5ml, 5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	4	36 tháng	8931152778 23	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	222.200	3.450	766.590.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
672	PP2400519646	G0904	Zensalbu nebules 2.5	Salbutamol sulfat	2,5mg/2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 túi x 1 vỉ x 5 ống x 2,5ml	4	36 tháng	8931150190 00 (VD-21553-14)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	49.678	4.410	219.079.980	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
673	PP2400519647	G0905	Zensalbu nebules 5.0	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 túi x 1 vỉ x 5 ống x 2,5ml	4	36 tháng	8931150191 00 (VD-21554-14)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà	Việt Nam	Ống	91.332	8.400	767.188.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

												Nội						hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
674	PP2400519650	G09 08	Zensalbu inhaler	Salbutamol sulfat	100mcg/1 liều, 200 liều	Đường hô hấp	Hỗn dịch xịt chứa trong bình định liều	Hộp 1 bình x 200 liều	4	24 tháng	893115270324	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Bình	6.728	76.377	513.864.456	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
675	PP2400519651	G09 09	Qbisalic	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(30mg + 0,64 mg)/1g, 10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da dùng ngoài	Hộp 1 tube 10g	4	36 tháng	893110162124 (VD-27020-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Tube	17.900	8.000	143.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
676	PP2400519652	G09 10	Hemafolic	Sắt (III) hydroxyd polymaltose +	50mg (tính theo sắt III) +0,5mg	Uống	Dung dịch uống	H/18 ống x 5ml	4	36 tháng	VD-25593-16	Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	Ống	262.000	4.200	1.100.400.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

				acid folic								2/9						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
677	PP2400519653	G0911	Atitrime	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	50mg + 10,78mg + 5mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	4	24 tháng	8931001488 24	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	75.600	3.780	285.768.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
678	PP2400519654	G0912	Bifehema	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	399mg + 10,77mg + 5mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	4	36 tháng	8931003535 23 (VD-29300-18)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)	Việt Nam	Ống	333.600	3.297	1.099.879.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
679	PP2400519655	G0913	Bidiferon	Sắt sulfat + acid folic	50mg+ 0,35mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-31296-18	Công ty cổ phần Dược-	Việt Nam	Viên	911.500	420	382.830.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
680	PP2400519657	G09 15	Ganita 200	Silymarin	200 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8932001269 00 (VD-34012-20)	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Viên	9.000	3.800	34.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
681	PP2400519658	G09 16	Doagithicon	Simethicon	2000mg/30ml	Uống	Nhũ tương uống	Hộp 1 chai 30ml	4	24 tháng	8931000663 00 (VD-33145-19)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimex	Việt Nam	Chai	24.360	25.000	609.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

												pharm						
682	PP2400519660	G0918	Bfavits 10/40	Simvastatin + ezetimibe	40mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110157823	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	48.000	5.490	263.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
683	PP2400519661	G0919	Sita APC 25	Sitagliptin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110878424 (VD-33394-19)	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	21.800	1.250	27.250.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
684	PP2400519663	G0921	Sorbitol 3%	Sorbitol	3%/5 lít	Rửa nội soi bàng quang	Dung dịch rửa nội soi bàng quang	Hòm 4 Can 5 lít	4	24 tháng	VD-18005-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Can	480	145.000	69.600.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
685	PP2400519664	G0922	Kamydazol	Spiramycin + metronidazol	750.000IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893115287823	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	362.000	1.139	412.318.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
686	PP2400519666	G0924	Spironolacton Tab DWP 50mg	Spironolacton	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110058823	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	32.500	1.533	49.822.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
687	PP2400519667	G0925	SPM - Sucralfat 1000	Sucralfat	1000mg/15g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15g; hộp 30 gói x 15g	4	36 tháng	VD-29494-18	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Gói	197.600	3.000	592.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến

																		hết ngày 31/12/2026
688	PP2400519668	G0926	Sulfadiazin bạc	Sulfadiazin bạc	1%/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 20 gam	4	36 tháng	VD-28280-17	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tube	3.250	21.840	70.980.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
689	PP2400519669	G0927	Trimexazol	Sulfamethoxazol + trimethoprim	(200mg +40mg)/5ml, lọ 60ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml hỗn dịch uống	4	24 tháng	893110594924 (VD-31697-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Chai	35.270	19.950	703.636.500	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
690	PP2400519670	G0928	Cotrimoxazol 480 mg	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400 mg + 80mg	Uống	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 20 viên	4	36 tháng	893110159324	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	1.367.900	230	314.617.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu

																		lực đến hết ngày 31/12/2026
691	PP2400519671	G0929	Tacrolim 0,03%	Tacrolimus	0,03%, 10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp x 10 gam	4	36 tháng	8931102327 23	Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	1.740	34.800	60.552.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
692	PP2400519674	G0932	Terpin Codein 5	Terpin hydrat + Codein phosphat	100mg + 5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931110680 00 (VD-18715-13)	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	490.200	590	289.218.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
693	PP2400519676	G0934	Tetracyclin 1%	Tetracyclin hydroclorid	1%, 5g	Tra mắt	Mỡ tra mắt	Hộp 100 tuýp x 5 gam	4	48 tháng	8931109203 24 (VD-26395-17)	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tube	1.190	3.500	4.165.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng

																		có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
694	PP2400519677	G0935	Thysedow 10 mg	Thiamazol	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110174124 (VD-27216-17)	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	92.000	546	50.232.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
695	PP2400519678	G0936	Thiamazol	Thiamazole	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110247024	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	281.640	409	115.190.760	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
696	PP2400519679	G0937	Lucitromyl 4mg	Thiocolchicosid	4mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	4	36 tháng	VD-35017-21	Công ty cổ phần Dược phẩ	Việt Nam	Viên	126.000	803	101.178.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày

												m Khánh Hòa						hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
697	PP2400519680	G0938	Sunigam 100	Tiaprofenic acid	100 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110885724 (VD-28968-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Viên	364.000	5.000	1.820.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
698	PP2400519682	G0940	Combikit 3,2g	Ticarcillin + Acid clavulanic	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 01 lọ	4	24 tháng	893110667624 (VD-21866-14)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	13.880	100.500	1.394.940.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
699	PP2400519685	G0943	Tiram	Tiropramid hydrochlorid	100 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110396923	Công ty TNHH Dược	Việt Nam	Viên	2.638.700	1.038	2.738.970.600	Trong vòng 24 tháng kể

												phẩm Shinpoong Daewoo						từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
700	PP2400519686	G0944	Tobramycin 0,3%	Tobramycin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	4	24 tháng	893110668324 (VD-27954-17)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	37.210	2.800	104.188.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
701	PP2400519687	G0945	Sibalyn 80mg/50ml	Tobramycin	80mg/50ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai, Hộp 10 chai x 50ml	4	24 tháng	893110506224 (VD-32503-19)	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	12.000	55.000	660.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
702	PP2400519688	G0946	Tobidex	Tobramycin + dexa	(15mg +5mg)/	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	4	36 tháng	VD-28242-17	Công ty cổ phần	Việt Nam	Lọ	32.492	6.510	211.522.920	Trong vòng 24

				methasonnatriphosphat	5ml							Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidipharr)						tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
703	PP2400519690	G0948	Tranexamic Acid 1000mg/10ml	Tranexamic acid	1000mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 10ml	4	36 tháng	8931105976 24 (VD-29014-18)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Ống	12.480	24.000	299.520.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
704	PP2400519694	G0952	Epilona DR	Natri valproat	500mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931142588 24	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	436.480	2.800	1.222.144.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
705	PP2400	G0953	Milepsy	Valproat	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ,	4	36 thán	89311061	Công ty	Việt Na	Viên	265.520	1.848	490.680.	Trong

	519695		200	natri			bao phim tan trong ruột	5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên		g	8424 (VD-33912-19)	TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	m				960	vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
706	PP2400519696	G0954	VALSGIM-H80	Valsartan + hydroclorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	4	36 tháng	VD-23496-15	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	124.600	777	96.814.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
707	PP2400519698	G0956	Vancomycin	Vancomycin	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm bột đông khô	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	8931150785 24	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	37.280	15.000	559.200.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

708	PP2400519699	G09057	Vinphaton	Vinpocetin	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 25 viên	4	36 tháng	8931103062 23 (VD-29910-18)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	54.000	245	13.230.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
709	PP2400519700	G09058	Agirenyl	Vitamin A	5.000 UI	Uống	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên. Chai 100 viên	4	36 tháng	VD-14666-11	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	203.600	252	51.307.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
710	PP2400519701	G09059	Vitamin A-D	Vitamin A + D3	2500 IU; 200 IU	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	8931003411 24 (VD-19550-13)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	214.000	320	68.480.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/20

																		26
711	PP2400519702	G0960	Vitamin B1	Thiamin hydroclorid	100mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	4	36 tháng	8931104487 24	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	19.290	630	12.152.700	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
712	PP2400519703	G0961	Vinrovit 5000	Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Cyanocobalamin	50mg +250mg +5mg	Tiêm	bột đông khô pha tiêm	Hộp 4 lọ + 4 ống dung môI pha tiêm 5ml	4	Lọ bột: 36 tháng; ống dung môi pha tiêm: 60 tháng	8931103955 23	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	96.640	6.580	635.891.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
713	PP2400519704	G0962	Cetecone urovit Fort	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	8931002110 24 (VD-28168-17)	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Việt Nam	Viên	2.582.100	1.550	4.002.255.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày

																		31/12/2026
714	PP2400519705	G09063	Setblood	Vitamin B1 + B6 + B12	115 mg + 100 mg + 50mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110335924 (VD-18955-13)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	2.389.600	1.060	2.532.976.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
715	PP2400519706	G09064	Agi-Neurin	Vitamin B1 + B6 + B12	125 mg + 125 mg + 125 mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	24 tháng	893110201024 (VD-23485-15)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.557.880	226	352.080.880	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
716	PP2400519707	G09065	Vitamin 3B extra	Vitamin B1 + B6 + B12	100 mg + 100 mg + 150 mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893100337924 (VD-31157-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	4.659.600	1.050	4.892.580.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết

																		ngày 31/12/2026
717	PP2400519709	G09067	Obibebe	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470 mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống	4	24 tháng	893110347323 (VD-21297-14)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	401.800	4.079	1.638.942.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
718	PP2400519711	G09069	Neurixal	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470 mg	Uống	viên nén sủi bọt	Hộp 01 tuýp x 10 viên, Hộp 01 tuýp x 20 viên	4	24 tháng	893100473324 (VD-28552-17)	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.257.800	1.848	2.324.414.400	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
719	PP2400519712	G09070	Obibebe	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	(5mg + 470 mg) /10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống	4	24 tháng	893110347323 (VD-21297-14)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	419.800	4.079	1.712.364.200	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

																		đến hết ngày 31/12/2026
720	PP2400519714	G09072	Hasan-C 500	Vitamin C	500 mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ x 4 viên	4	24 tháng	VD-36242-22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	672.000	1.260	846.720.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
721	PP2400519715	G09073	Babi B.O.N	Vitamin D3	400UI/0,4ml (12.000IU/12ml)	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai 12ml	4	36 tháng	893110070200 (VD-24822-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Chai	27.030	32.186	869.987.580	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
722	PP2400519716	G09074	Enpovid E400	Vitamin E	400 IU	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-21448-14	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	664.820	430	285.872.600	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có

																		hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
723	PP2400519719	G0977	Stamlo-T	Telmisartan 40mg, Amlodipine besilate tương đương với Amlodipine 5mg	40mg; 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	5	24 tháng	890110125423	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	Ấn Độ	Viên	24.000	2.672	64.128.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
724	PP2400519720	G0978	Foraget Inhaler 200mcg + 6mcg	Mỗi liều hít chứa Budesonide 200mcg; Formoterol fumarat dihydrat 6mcg	(200mcg + 6mcg)/liều x 120 liều	Dạng hít	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Hộp 1 bình xịt 120 liều	5	24 tháng	VN-22022-19	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Bình xịt	7.090	157.200	1.114.548.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
725	PP2400519722	G0980	Vaginesten	Clotrimazol	500mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 2 viên	5	36 tháng	893110295524	Công ty TNHH Dược phẩm BV	Việt Nam	Viên	4.300	3.940	16.942.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp

												pha rma						đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
726	PP2400519725	G0983	Doripenem 0,5g	Doripenem	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm - tiêm truyền TM	Hộp 10 lọ	5	24 tháng	VD-36159-22	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	4.800	540.000	2.592.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
727	PP2400519726	G0984	Lupipari n	Enoxaparin natri	40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 bơm tiêm chứa 0,4ml dung dịch	5	24 tháng	VN-18358-14	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Bơm tiêm	4.840	68.500	331.540.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
728	PP2400519727	G0985	Glizym-M	Glicla zide + Metformin hydr	80mg + 500mg	Uống	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 10 viên	5	36 tháng	VN3-343-21	M/s Panacea Biotec Pharma	Ấn Độ	Viên	763.200	3.300	2.518.560.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

				ochloride								Ltd.						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
729	PP2400519728	G0986	Vaxcel Heparin Sodium Injection 5000 IU/ml	Heparin sodium	25.000UI/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	5	36 tháng	QLSP-1093-18	Kotra Pharma (M) SDN. BHD.	Malaysia	Ống	7.200	120.950	870.840.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
730	PP2400519730	G0988	Pro IVIG	Immunoglobulin người	5% - 50ml (2,5g - 50ml)	Tiêm truyền	Dung dịch truyền	Hộp 01 chai 50ml	5	36 tháng	890410177000 (QLSP-0764-13)	Reliance Life Sciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Chai	100	2.650.000	265.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
731	PP2400519731	G0989	IV Immunoglobulin	Mỗi 100ml dung	5g/100ml (IgG≥	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truy	Hộp 1 chai 100ml	5	24 tháng	900410089923	Octapharma Pharmaze	Áo	Chai	60	5.400.000	324.000.000	Trong vòng 24 thán

			5% Octapharma	dịch chứa: Tổng protein 5g; Immunoglobulin thông thường từ huyết tương người IgG≥ 95% (w/w); IgA ≤ 20mg	95% (w/w); IgA ≤ 20mg)		ền					utika Produktionsges.m.b.H						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
732	PP2400519732	G0990	Lidonalin	Lidocain hydroclorid + Adrenalin	(36mg +0,018mg)/1,8ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 1,8ml	5	36 tháng	8931106890 24	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	23.680	4.410	104.428.800	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
733	PP2400519733	G0991	MEBAAL 1500	Mecobalamin	1500mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	5	30 tháng	8901100354 23	M/s Windlas Biotech Limited	India	Viên	156.000	3.000	468.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ

												(Plant-2)						ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
734	PP2400519734	G0992	Reamberin	Meglumin natri succinat	6g/400ml	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Hộp 1 chai thủy tinh 400 ml	5	60 tháng	VN-19527-15	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.	Nga	Chai	7.200	167.500	1.206.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
735	PP2400519735	G0993	Vingomin	Methyl ergometrin malеat	0,2 mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 1ml	5	24 tháng	893110079024	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	10.380	11.550	119.889.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
736	PP2400519736	G0994	Plenmoxi	Moxifloxacin hydrochl	400 mg/100 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truy	Hộp 1 chai x 100	5	24 tháng	890115005100 (VN	M/s Akums Drugs &	Ấn Độ	Chai	8.320	125.000	1.040.000.000	Trong vòng 24 thán

				oride			ền	ml			-15706-12)	Pharmaceuticals Ltd.						g kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
737	PP2400519737	G0995	Garnotal Inj	Natri phenobarbital	200mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	5	24 tháng	VD-16785-12	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	1.700	8.820	14.994.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
738	PP2400519738	G0996	Pamparа Injection	Pralidoximechloride	500mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống tiêm 20ml	5	48 tháng	471110776924	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Đài Loan	Ống	10.960	80.000	876.800.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
739	PP2400519	G0997	Fresofol 1%	Propofol	1% (10mg/	Tiêm hoặc	Nhũ tương	Hộp 5 ống	5	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius	Áo	Ống	1.990	24.435	48.625.650	Trong vòng

	739		MCT / LCT		ml)	tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	tiêm hoặc tiêm truyền	20ml				Kabi Austria GmbH						24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
740	PP2400519740	G09098	Duolin Respules	Salbutamol + ipratropium	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Hộp 4 túi x 1 khay chứa 5 ống 2,5ml	5	18 tháng	VN-22303-19	Cipla Ltd	India	Ống	63.200	11.290	713.528.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
741	PP2400519741	G09099	Zensalbu nebules 2.5	Salbutamol sulfat	2,5mg/2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 túi x 1 vỉ x 5 ống x 2,5ml	5	36 tháng	893115019000 (VD-21553-14)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	11.400	4.410	50.274.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
74	PP2	G10	FOR	Salm	25m	Hít	Thuố	Hộp	5	24	890	Zydu	Indi	Ống	8.90	79.5	707.	Tron

2	4005197742	00	AIR125	eterol + Fluticasone propionate	cg/liều +125mcg/liều	qua đường miệng	c xịt phun mù (Thuốc hít định liều/ phun mù định liều)	1 ống 120 liều		tháng	1100834 23	s Life sciences Limited	a		0	00	550.000	g vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026
743	PP2400519745	G1003	Cytoflavin	Succinic acid + nicotinamid + inosine + riboflavin natriphosphat	(1g + 0,1g + 0,2g + 0,02g)/ 10ml	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Hộp 1 vỉ x 5 ống 10ml	5	24 tháng	VN-22033-19	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.	Nga	Ống	12.000	129.000	1.548.000.000	Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu Gói thầu thuốc generic - đợt 1 nêu tại Điều 1; Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh tham gia mua thuốc tập trung cấp địa phương ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để cung cấp thuốc: dựa vào thỏa thuận khung và căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các cơ sở y tế trên địa bàn tham gia mua thuốc tập trung cấp địa phương, các nhà thầu trúng thầu tại Điều 1, Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Y tế (để b/cáo);
- Sở Tài chính (để giám sát);
- BHXH tỉnh (phối hợp);
- Lưu: VT, Tổ CG, Tổ TĐ.

GIÁM ĐỐC

Signature Not Verified
Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH GIA LAI
Mã số thuế: 5900197365
Thời gian ký: 15-04-2025 09:01:21

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn